HÒA PHÁT

HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

30 năm
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

HÒA PHÁT | 30 NĂM TÔI THÉP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

HÒA HỢP
CÙNG PHÁT TRIỂN

TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

HÒA PHÁT

30 NĂM
TÔI THÉP

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

1 Định hướng phát triển 09
2 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 10
3 Những dấu ấn tiêu biểu năm 2021 12

1 THÔNG TIN CHUNG

1 THÔNG TIN CƠ BẢN 15
2 THÔNG TIN CỔ PHIẾU 15
3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 15
4 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 16
5 MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG 16
6 TÓM TẮT CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 17
7 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON 18
8 TỔNG QUAN VỀ HÒA PHÁT 23
9 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN 24
10 CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG 26

2 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1 DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH 31
2 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC 32
3 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 33
4 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 35
5 CƠ CẤU TÀI SẢN 35
6 CƠ CẤU NGUỒN VỐN 37
7 HIỆU QUẢ KINH DOANH 38
8 CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ 39
9 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 40

3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON 43
1.1. Tổng Công ty Gang thép 43
1.2. Tổng Công ty Sản phẩm thép 46
1.3. Tổng Công ty Nông nghiệp 49
1.4. Tổng Công ty Bất động sản 50
1.5. Tổng Công ty Điện máy gia dụng 51
2 TỔ CHỨC NHÂN SỰ 52
3 CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG 53
4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN LỚN 55
5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG 56
6 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG 59

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU 61
2 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 63
3 CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 66
4 KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG 67

5 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1 DANH SÁCH NHÂN SỰ, TỶ LỆ SỞ HỮU 69
2 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT 70
3 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ 71

6 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 HÒA PHÁT HƯỚNG TỚI GIẢM PHÁT THẢI, SẢN XUẤT THÉP XANH 73
2 SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT 75
3 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI 77
4 TIẾN XA HƠN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ 79
5 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI - CỘNG ĐỒNG 80

7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN

1 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 86
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 89
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 91
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT 95
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 97
6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 100

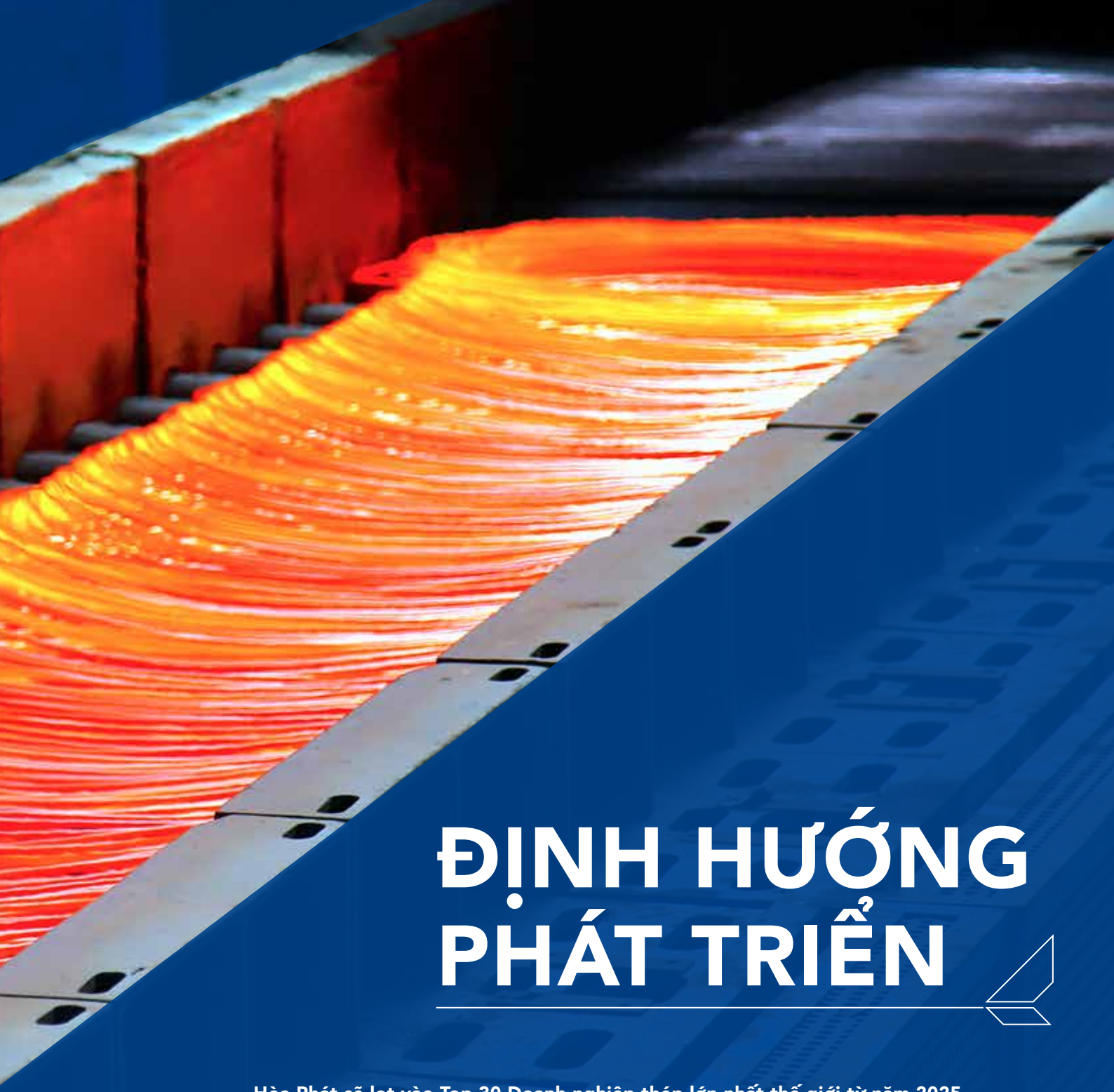

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Hòa Phát sẽ lọt vào Top 30 Doanh nghiệp thép lớn nhất thế giới từ năm 2025

- **Tầm nhìn:** Trở thành Tập đoàn sản xuất công nghiệp với chất lượng dẫn đầu, trong đó Thép là lĩnh vực cốt lõi.
- **Sứ mệnh:** Cung cấp sản phẩm dẫn đầu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, đạt được sự tin yêu của khách hàng.
- **Định vị:** Hòa Phát – Thương hiệu Việt Nam, đẳng cấp toàn cầu.
  Tập đoàn Hòa Phát – Hòa hợp cùng phát triển.
- **Giá trị cốt lõi:**
  Giá trị cốt lõi của Tập đoàn Hòa Phát là triết lý Hòa hợp cùng Phát triển. Điều này thể hiện trong mối quan hệ giữa các cán bộ công nhân viên, giữa Tập đoàn và đối tác, đại lý, cổ đông và cộng đồng xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trên cùng một con thuyền, hướng tới sự phát triển bền vững. Đặc biệt, Tập đoàn Hòa Phát đã xây dựng được mối quan hệ đối tác bền vững, lâu dài, tin tưởng như người một nhà với các đại lý bán hàng song hành cùng Tập đoàn từ những ngày đầu thành lập.

30 NĂM KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Năm 2021, dịch Covid 19 đạt đỉnh sau khi đã càn quét toàn cầu với bao hệ lụy, ảnh hưởng nặng nề tới mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội, chính trị. Tuy nhiên, Hòa Phát không chỉ vững vàng trong thời kỳ dịch bệnh mà tất cả lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Hòa Phát đều tăng trưởng mạnh mẽ, đồng thời Hòa Phát cũng thực sự vươn tầm quốc tế, tham gia sâu rộng vào chuỗi sản xuất, thương mại toàn cầu.

TRỒNG CÂY ĐẾN NGÀY HÁI QUẢ

Năm 2021, doanh thu và lợi nhuận của Hòa Phát đạt mức kỷ lục 150.865 tỷ đồng và 34.521 tỷ đồng là mức kỷ lục trong lịch sử của Tập đoàn cũng như của một công ty sản xuất công nghiệp tại Việt Nam. Mức lợi nhuận này cao gấp hơn 4 lần so với trước khi Hòa Phát bắt tay xây dựng Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất 1 cách đây 5 năm.

Lĩnh vực Thép (bao gồm Gang thép và Sản phẩm thép) đóng vai trò chủ đạo và là mảng kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của mảng này lần lượt chiếm 94% và 96% toàn Tập đoàn. Thép xây dựng và ống thép Hòa Phát tiếp tục duy trì thị phần số 1 trên thị trường lần lượt là 32,6% và 24,7%. Hòa Phát là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất sản xuất được Thép cuộn cán nóng HRC.

Lĩnh vực nông nghiệp mang về 718 tỷ lợi nhuận sau thuế, đóng góp 5% doanh thu và 2% lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn. Bò Úc giữ thị phần số 1 Việt Nam, heo an toàn sinh học, trứng gà sạch của Hòa Phát cũng thuộc top đầu của thị trường.

Doanh thu lĩnh vực bất động sản tăng 126% so với năm 2020, các khu công nghiệp liên tục mở rộng, tỷ lệ lấp đầy trên 90% và được các nhà đầu tư tin tưởng và yêu thích. Hòa Phát thành lập thêm 2 công ty trong lĩnh vực bất động sản nghiên cứu triển khai các khu đô thị và đại đô thị hiện đại trên tại nhiều vùng kinh tế trọng điểm.

Năm 2021 Hòa Phát quyết định đầu tư lớn vào lĩnh vực điện máy gia dụng; tăng cường công tác quảng cáo, bán hàng; khởi công xây dựng nhà máy tại Hà Nam với công suất 1 triệu sản phẩm/năm. Tháng 4/2021, Hòa Phát cũng khởi công nhà máy sản xuất Container tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bên cạnh tái cơ cấu mô hình hoạt động với 5 lĩnh vực là Thép, Sản phẩm thép, Nông nghiệp, Điện máy gia dụng và Bất động sản, Hòa Phát còn từng bước chuyển đổi số bằng những giải pháp quản trị tổng thể hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức quản lý.

TRÁI NGỌT TỪ 30 NĂM TÔI LUYỆN BỀN BỈ

Khởi nghiệp năm 1992 bằng hoạt động mua bán máy móc xây dựng, Hòa Phát từng bước tích lũy, chắt chiu từng cơ hội kinh doanh để mở rộng sang lĩnh vực nội thất, ống thép, sản xuất thép xây dựng, điện lạnh, bất động sản, thép cuộn cán nóng, tôn mạ nông nghiệp. Và gần đây nhất là sản xuất hàng điện máy gia dụng và vỏ container rỗng.

Con đường 30 năm ấy cho thấy Hòa Phát liên tục đổi mới để tạo ra đa dạng sản phẩm mang giá trị kinh tế cao, đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường. Hòa Phát không chọn lối dễ đi, chọn làm sản xuất công nghiệp là ngành nhiều vất vả, phải đổ mồ hôi thực sự mới tạo ra thành phẩm. Nhưng gánh nặng ấy là gánh nặng êm vai khi nhìn lại chặng đường 30 năm qua. Hòa Phát thực sự tự hào có thể ghi tên Việt Nam lên bản đồ thép thế giới bằng công nghệ sản xuất hiện đại nhất, sản phẩm thép của Hòa Phát có thể cạnh tranh trực tiếp với thép Trung Quốc, xuất khẩu chiếm 33% doanh thu toàn Tập đoàn.

Điều Hòa Phát tự hào hơn là đã tạo dựng được mối quan hệ đồng sức đồng lòng với đối tác đại lý; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho gần 30 nghìn cán bộ nhân viên tập đoàn; đóng góp mỗi năm hàng chục ngàn tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước và đủ điều kiện kinh tế để chăm lo cho các hoạt động từ thiện, cộng đồng.

HÒA PHÁT 30 NĂM TỚI

Ngay trong năm 2022, Tập đoàn sẽ triển khai Khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, nâng sản lượng thép của Hòa Phát lên 14 triệu tấn vào năm 2025. Hòa Phát cũng đang từng bước đặt nền móng trở thành top 3 nhà phát triển bất động sản ở Việt Nam và trở thành nhà sản xuất hàng gia dụng hàng đầu, đón đầu làn sóng chuyển dịch sản xuất của thế giới. Chiến lược của Hòa Phát đã được vạch rõ, rất thách thức nhưng nhiều tiền đề để thành công.

30 năm tới Hòa Phát sẽ tiếp tục khẳng định uy tín trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh của mình, là xe lu nghĩ rất lâu nhưng làm rất nhanh và liên tục chuyển mình, liên tục đổi mới. Hòa Phát vẫn sẽ là chàng trai trưởng thành, bản lĩnh và nói thật làm thật bằng tinh thần hòa hợp cùng phát triển với đối tác khách hàng, với cán bộ nhân viên và với cộng đồng.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Tập đoàn, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác. Đặc biệt, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV Tập đoàn Hòa Phát, những người đã cùng tôi bước qua nhiều khó khăn, trở ngại để Hòa Phát có được những thành công như ngày hôm nay.

Trân trọng,
Chủ tịch HĐQT

TRẦN ĐÌNH LONG

ÔNG
TRẦN ĐÌNH LONG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

_2

Sản lượng bán hàng thép các loại đạt 8,8 triệu tấn, tăng 35% so với 2020, trong đó xuất khẩu 2,6 triệu tấn, gấp đôi năm trước.

_1

Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất hoàn thành, Hòa Phát trở thành nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam với công suất hơn 8 triệu tấn thép thô/năm.

_3

Thép cuộn cán nóng cán mốc 3 triệu tấn.

NHỮNG ĐIỂM NHẤN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT NĂM 2021

1

150 tỷ đồng hành cùng Chính phủ và các địa phương trong cuộc chiến phòng chống Covid-19.

2

Tổng quỹ đất Khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch đạt hơn 1.100ha.

3

Khởi công giai đoạn 1 - Nhà máy sản xuất container tại Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất 200.000 TEU/năm.

4

Ống thép Hòa Phát giữ vững thị phần số 1 Việt Nam với 24,7%; Tôn Hòa Phát vào Top 5 thị phần sau 5 năm hoạt động.

5

Đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất điện máy gia dụng, hướng tới doanh thu 1 tỷ USD vào 2030.

6

Sở hữu 03 tàu biển Kamsarmax có tổng tải trọng lớn và trẻ nhất Việt Nam, năng lực vận chuyển trên 2 triệu tấn/năm.

7

Nông nghiệp Hòa Phát: Sản lượng heo các loại đạt gần 450.000 con, trứng gà bán 270 triệu quả, dẫn đầu miền Bắc, giữ thị phần số 1 về bò Úc nguyên con.

8

Mua mỏ quặng sắt 320 triệu tấn tại Úc, mở rộng phạm vi hoạt động ra quốc tế.

9

Lần đầu doanh thu vượt 150.000 tỷ, lợi nhuận sau thuế 34.520 tỷ đồng, cao nhất lịch sử 30 năm hoạt động.

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

1

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN CƠ BẢN
2. THÔNG TIN CỔ PHIẾU
3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
5. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG
6. TÓM TẮT CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
7. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON
8. TỔNG QUAN VỀ HÒA PHÁT
9. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN
10. CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Giấy chứng nhận ĐKDN số: 09 0018 9284
Vốn điều lệ: 44.729.227.060.000 đồng
Địa chỉ trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Văn phòng Hà Nội: 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 6284 8666 | **Fax**: 024 6283 3456
Chi nhánh Đà Nẵng: 171 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 023 637 21 232 | **Fax**: 023.637 22 833
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: 643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 629 85 599 | **Fax**: 028. 629 87 799
Website: www.hoaphat.com.vn

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán: HPG
Sàn niêm yết: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết: 15/11/2007
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.472.922.706 cổ phiếu

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Sản xuất thép cuộn cán nóng;
2. Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
3. Sản xuất cán kéo thép, sản xuất tôn lợp, tôn mạ kẽm, tôn mạ lạnh, tôn mạ màu;
4. Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống Inox;
5. Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
6. Luyện gang, thép; đúc gang, sắt, thép;
7. Sản xuất và bán buôn than cốc;
8. Khai thác quặng kim loại; Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
9. Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
10. Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
11. Đầu tư, kinh doanh bất động sản;
12. Sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm, chăn nuôi gia súc, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng gà, …;
13. Vận tải đường thủy nội địa, ven biển, viễn dương.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CON

- TỔNG CÔNG TY GANG THÉP
- TỔNG CÔNG TY SẢN PHẨM THÉP
- TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP
- TỔNG CÔNG TY BẤT ĐỘNG SẢN
- TỔNG CÔNG TY ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

VĂN PHÒNG TẬP ĐOÀN

1. Ban Kiểm soát Nội bộ
2. Ban Tài chính
3. Ban Công nghệ thông tin
4. Ban Pháp chế
5. Ban Truyền thông, Thương hiệu & Marketing
6. Ban Nghiên cứu và Phát triển
7. Phòng Tổ chức Hành chính

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG *(từ năm 2021)*

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

TỔNG CÔNG TY GANG THÉP

- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên
- Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương
- Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông
- Công ty CP Vận tải Biển Hòa Phát
- Công ty CP Khoáng sản Bắc Úc

TỔNG CÔNG TY SẢN PHẨM THÉP

- Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát
- Công ty TNHH Tôn Hòa Phát
- Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát
- Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP

- Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên
- Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát
- Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát
- Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát

TỔNG CÔNG TY BẤT ĐỘNG SẢN

- Công ty CP Xây dựng & Phát triển Đô thị Hòa Phát
- Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Hà Nội
- Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát
- Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam
- Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Phú Mỹ

TÓM TẮT CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	2019	2020	2021
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	**64.678**	**91.279**	150.865
Doanh thu thuần	**63.658**	**90.119**	149.680
Lợi nhuận gộp	**11.185**	**18.904**	41.108
Chi phí tài chính ròng	**(711)**	**(1.833)**	(660)
Chi phí bán hàng	**873**	**1.091**	2.120
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**569**	**690**	1.324
Lợi nhuận khác	**66**	**65**	48
Lợi nhuận trước thuế	**9.097**	**15.357**	37.057
Thuế TNDN	**1.518**	**1.851**	2.536
Lợi nhuận sau thuế	**7.578**	**13.506**	34.521
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	**7.527**	**13.450**	34.478
Chi phí khấu hao	**2.639**	**4.794**	6.083
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tổng Tài sản	**101.776**	**131.511**	178.236
Tài sản ngắn hạn	**30.437**	**56.747**	94.155
Tài sản dài hạn	**71.339**	**74.764**	84.082
Nợ phải trả	**53.989**	**72.292**	87.456
Vốn chủ sở hữu	**47.787**	**59.220**	90.781
Vốn điều lệ	**27.611**	**33.133**	44.729
BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**7.715**	**11.587**	26.721
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**(18.064)**	**(18.495)**	(19.669)
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	**12.378**	**16.054**	1.740
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**2.029**	**9.146**	8.792
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**2.516**	**4.545**	13.696
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**4.545**	**13.696**	22.471
Các chỉ số tài chính cơ bản			
Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	**18%**	**21%**	27%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	**12%**	**15%**	23%
ROA	**7%**	**10,3%**	19,4%
ROE	**16%**	**23%**	38%
EBIT	**10.278**	**18.194**	40.788
EBITDA	**12.918**	**22.988**	45.665

DANH SÁCH CÔNG TY CON & TỶ LỆ SỞ HỮU TÍNH ĐẾN NGÀY 31/03/2022

STT	CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ
1	**Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát**	**Số 66 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam**
1.1	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Số 415, đường Trần Phú, Phường Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam
1.2	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	Khu dân cư Hiệp Thượng, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Hải Dương, Việt Nam
1.3	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
1.4	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
1.5	Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	Khu dân cư Hiệp Thượng, Phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
1.6	Công ty CP Khoáng sản Bắc Úc	Khu dân cư Hiệp Thượng, Phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
2	**Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát**	**Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam**
2.1	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
2.2	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Đường E1 khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
2.3	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
2.4	Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	Lô B5, đường Đ, Khu Công nghiệp Phú Mỹ II (mở rộng), Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA HPG
Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	**47.500**	**99,9984%**
Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	**500**	**99,9584%**
Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	**7.000**	**99,9966%**
Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất truyền tải và phân phối điện; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa…	**39.000**	**99,9984%**
Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	**1.000**	**99,9984%**
Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương.	**500**	**99,5184%**
Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.	**720**	**99,9706%**
Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	**5.500**	**99,9936%**
Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	**2.000**	**99,9686%**
Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm mạ kẽm, phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất sắt, thép, gang.	**2.000**	**99,9936%**
Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	**600**	**99,9103%**
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	**3.000**	**99,7936%**

DANH SÁCH CÔNG TY CON & TỶ LỆ SỞ HỮU TÍNH ĐẾN NGÀY 31/03/2022

STT	CÔNG TY CON	ĐỊA CHỈ
3	**Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát**	**Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
3.1	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Đường A2, Khu A, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3.2	Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3.3	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
3.4	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
4	**Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát**	**Số 66 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam**
4.1	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Số 66 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
4.2	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	643 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4.3	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	Số 66 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
5	**Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát**	**Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam**
5.1	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
5.2	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Hòa Mạc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
5.3	Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	Lô B3, Đường D9, Khu Công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA HPG
Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ. Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, và hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	**3.100**	**99,9992%**
Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	**800**	**99,9992%**
Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	**1.200**	**99,9742%**
Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	**500**	**99,8992%**
Chăn nuôi gia cầm.	**400**	**99,9992%**
Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	**6.000**	**99,9667%**
Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản.	**5.300**	**99,9289%**
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	**500**	**99,8667%**
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	**200**	**99,8667%**
Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy gia dụng	**1.000**	**99,9000%**
Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	**300**	**99,7335%**
Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	**400**	**99,8001%**
Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	**300**	**99,7170%**

TỔNG QUAN VỀ
HÒA PHÁT

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam. Khởi đầu từ một Công ty chuyên buôn bán các loại máy xây dựng từ tháng 8/1992, Hòa Phát lần lượt mở rộng sang các lĩnh vực Nội thất (1995), Ống thép (1996), Thép xây dựng (2000), Điện lạnh (2001), Bất động sản (2001). Năm 2007, Hòa Phát tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát giữ vai trò là Công ty mẹ cùng các Công ty thành viên. Ngày 15/11/2007, Hòa Phát chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán HPG.

Hiện nay, Tập đoàn hoạt động trong 05 lĩnh vực: Gang thép (Thép xây dựng, Thép cuộn cán nóng) - Sản phẩm thép (gồm Ống thép, Tôn mạ, Thép rút dây, vỏ Container, Thép dự ứng lực) - Nông nghiệp - Bất động sản - Điện máy gia dụng. Sản xuất thép là lĩnh vực cốt lõi chiếm tỷ trọng 90% doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn. Với công suất trên 8 triệu tấn thép thô/năm, Hòa Phát là doanh nghiệp sản xuất thép lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Tập đoàn giữ thị phần số 1 Việt Nam về thép xây dựng, ống thép và thịt bò Úc, Top 5 nhà sản xuất tôn mạ lớn nhất Việt Nam. Trứng gà Hòa Phát dẫn đầu thị phần tại miền Bắc. Chăn nuôi heo an toàn sinh học Hòa Phát cũng nằm trong Top những DN hàng đầu.

Nhiều năm liền, Hòa Phát được công nhận là Thương hiệu Quốc gia, nằm trong Top 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, Top 10 DN lợi nhuận tốt nhất, Top 10 DN niêm yết kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, Top 30 DN nộp thuế tiêu biểu,…. Tháng 10/2021, vốn hóa thị trường của HPG đạt 11 tỷ đô la Mỹ, nằm trong top 15 công ty thép có mức vốn hóa lớn nhất trong ngành thép thế giới.

Với triết lý kinh doanh "Hòa hợp cùng phát triển", Hòa Phát dành ngân sách hàng trăm tỷ đồng mỗi năm để thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng, thông qua hàng loạt các chương trình từ thiện, xã hội thiết thực tại các địa phương trên toàn quốc, nơi Tập đoàn và các Công ty thành viên có văn phòng, nhà máy.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

8/1992

Thành lập Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng Hòa Phát (nay là Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát) – Công ty đầu tiên mang thương hiệu Hòa Phát.

11/1995

Thành lập Công ty CP Nội thất Hòa Phát.

8/1996

Thành lập Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát.

2001

Thành lập Công ty CP Thép Hòa Phát, nay là Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên; Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát, Công ty CP xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát.

1/2007

Tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, với Công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát và các Công ty thành viên.

8/2007

Thành lập Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương, triển khai KLH Sản xuất gang thép tại Kinh Môn, Hải Dương.

15/11/2007

Niêm yết cổ phiếu mã HPG trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

6/2009

Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông trở thành Công ty thành viên Hòa Phát.

12/2009

Khu Liên hợp Gang thép Hòa Phát Hải Dương hoàn thành đầu tư giai đoạn 1.

1/2011

Cấu trúc mô hình hoạt động Công ty mẹ với việc tách mảng sản xuất và kinh doanh thép.

8/2012

Hòa Phát tròn 20 năm hình thành và phát triển, đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước.

10/2013

Khu Liên hợp Gang thép Hòa Phát Hải Dương hoàn thành đầu tư giai đoạn 2, nâng tổng công suất thép Hòa Phát lên 1,15 triệu tấn/năm.

3/2015

Ra mắt Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên, đánh dấu bước phát triển mới trong lịch sử Tập đoàn khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

2/2016

Thành lập Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, quản lý, chi phối hoạt động của tất cả các Công ty trong nhóm nông nghiệp (gồm thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi).

2/2016

Hoàn thành đầu tư giai đoạn 3 – Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Hải Dương, nâng công suất thép xây dựng Hòa Phát lên hơn 2 triệu tấn/năm.

4/2016

Thành lập Công ty TNHH Tôn Hòa Phát, bắt đầu triển khai dự án Tôn mạ màu, tôn mạ kẽm, mạ lạnh các loại công suất 400.000 tấn/năm.

2/2017

Thành lập Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất, triển khai Khu Liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất tại tỉnh Quảng Ngãi, quy mô 4 triệu tấn/năm với tổng vốn đầu tư 52.000 tỷ đồng, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới của Tập đoàn Hòa Phát.

2019

Hai lò cao đầu tiên của Dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất chính thức được đưa vào vận hành, đưa tổng công suất thép xây dựng của Hòa Phát lên 4,4 triệu tấn/năm.

2020

11/2020: Tập đoàn Hòa Phát bắt đầu cung cấp sản phẩm thép cuộn cán nóng thương mại ra thị trường. Sản phẩm giúp tối ưu hệ sinh thái thép Hòa Phát.

Tháng 12/2020: Tập đoàn Hòa Phát tái cơ cấu mô hình hoạt động với việc thoái vốn khỏi lĩnh vực nội thất, thành lập các Tổng công ty phụ trách từng lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn.

2021

Tháng 1/2021: lò cao số 4 – Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất được đưa vào hoạt động, đánh dấu việc hoàn thành toàn bộ dự án, nâng tổng công suất thép thô của Hòa Phát lên 8,5 triệu tấn/năm, lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Năm 2021: Tổng Công ty Bất động sản Hòa Phát, Tổng Công ty Điện máy Gia dụng Hòa Phát lần lượt được thành lập, hoàn thành quá trình tái cấu trúc mô hình hoạt động của Tập đoàn theo 05 Tổng Công ty phụ trách từng lĩnh vực: Gang thép – Sản phẩm Thép – Nông nghiệp – Bất động sản – Điện máy gia dụng.

CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất đa ngành, đa lĩnh vực, quy mô hoạt động rộng khắp lãnh thổ Việt Nam và bước đầu đầu tư ra quốc tế, Tập đoàn Hòa Phát không thể tránh khỏi những rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động. Để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro này, Tập đoàn đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro trọng yếu, đặc biệt là trong phòng ngừa rủi ro về dịch bệnh, pháp lý, nhân sự và chính sách.

Rủi ro đại dịch COVID-19:

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương. Trong nhiều thời điểm, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội nhằm hạn chế, kiểm soát dịch bệnh. Việc này đã làm ảnh hưởng đến logistic chuỗi cung ứng, làm giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Bênh cạnh đó, doanh nghiệp còn phải đối mặt với việc phát sinh thêm nhiều chi phí chống dịch, thiếu hụt nhân sự cục bộ do phải cách li, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, hoạt động bán hàng có khả năng bị suy giảm,…

Biện pháp:

Ngay từ những ngày đầu đại dịch bùng phát tại Việt Nam, các Công ty thành viên Tập đoàn Hòa Phát đã thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch theo khuyến cáo của Chính phủ, Bộ Y tế theo từng giai đoạn. Trong đó, biện pháp 5K (khẩu trang, khử khuẩn, khoảng cách, không tụ tập và khai báo y tế), đo thân nhiệt là yêu cầu bắt buộc khi vào các tòa nhà văn phòng, nhà máy trên toàn quốc.

Thời điểm thực hiện cách ly toàn xã hội trên phạm vi toàn quốc theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng, Hòa Phát đã chủ động lập các phương án đảm bảo vừa duy trì sản xuất, vừa phòng dịch hiệu quả. Các khu liên hợp sản xuất thép tại Hải Dương, Quảng Ngãi, Hưng Yên còn chủ động tổ chức khám sàng lọc ngẫu nhiên để kịp thời cách ly, khoanh vùng các trường hợp có nguy cơ, chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất cho "3 tại chỗ" khi cần thiết. Trong năm, toàn bộ CBCNV của Tập đoàn đã được tiêm đủ 2 mũi vắc xin ngừa COVID-19. Những biện pháp trên đã giúp Hòa Phát duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, việc làm và thu nhập của 27.600 CBCNV được đảm bảo.

Rủi ro tài chính:

Tỷ trọng nhập khẩu chiếm 73% tổng giá vốn toàn tập đoàn năm 2021 cho thấy lượng nguyên vật liệu đầu vào của tập đoàn như than, quặng,… phụ thuộc khá nhiều vào nguồn cung cấp hàng từ nước ngoài. Giá trị nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu, vì vậy tỷ giá ảnh hưởng rất lớn tới chi phí sản xuất. Tỷ giá tăng dẫn tới chi phí mua nguyên liệu tăng, chi phí tài chính tăng. Do vậy quản trị rủi ro tỷ giá là công việc cần được xử lý hàng ngày.

Bên cạnh đó, với việc sử dụng các khoản vay, công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh có lãi suất, đặt ra những thách thức cho Hòa Phát về quản trị rủi ro lãi suất đảm bảo quản lý hiệu quả chi phí lãi vay.

Biện pháp:

Hòa Phát quản trị rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất bằng nhiều biện pháp, công cụ khác nhau. Đầu tiên là cân đối tín dụng với sử dụng đồng VNĐ hay ngoại tệ. Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thành viên khi mua bán hay dự kiến cần mua ngoại tệ thì phải trao đổi với trưởng nhóm tỷ giá và cập nhật giá thị trường. Ngoài ra, Hòa Phát thường xuyên thu thập thông tin nhận định, dự báo thị trường; xây dựng các hạn mức và công cụ phòng ngừa tỷ giá với các tổ chức tín dụng. Hòa Phát luôn chủ động đánh giá tình hình thị trường vốn và tài chính và có các biện pháp giảm thiểu tối đa rủi ro lãi suất bằng cách điều chỉnh danh mục tổng nợ vay và nghĩa vụ phải trả hợp lý. Với các biện pháp, công

cụ này, Hòa Phát đang quản lý rất tốt nguồn nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo quản trị tốt chi phí giúp đạt biên lợi nhuận cao.

Rủi ro thương mại quốc tế:

Không chỉ lao đao vì dịch bệnh, thép xuất khẩu còn đối diện với hàng loạt nguy cơ các vụ kiện phòng vệ thương mại khi ra thị trường thế giới, khiến cho ngành thép Việt Nam phải đối mặt với khó khăn kép trong năm 2021.

Đặc biệt, thép nhập khẩu từ Trung Quốc với giá rẻ đang ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ trong nước. Xu thế bảo hộ trên thị trường quốc tế vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt, thị trường bất động sản, xây dựng trong nước chưa có tín hiệu khởi sắc. Song đây cũng là "phép thử" để Hòa Phát cơ cấu lại, nâng cao sức cạnh tranh và chiếm lĩnh thị phần.

Biện pháp:

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Thương mại RECP có hiệu lực từ tháng 11/2020, đóng góp những tác động tích cực đến thị trường xuất khẩu thép. Bản thân Hòa Phát cũng có những chuẩn bị kỹ lưỡng để đón nhận cơ hội cũng như phải đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật đã cam kết; nắm rõ khung pháp lý của thị trường và các rào cản kỹ thuật để chủ động hơn trong xuất khẩu, tránh vướng vào những rắc rối của các vụ kiện phòng vệ thương mại.

Hòa Phát luôn chủ động tiếp cận, tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc tiết kiệm chi phí, cải tiến năng lực quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường. Tập đoàn tiếp tục rà soát, đánh giá lại chính sách bán hàng và hệ thống phân phối để có những điều chỉnh phù hợp, bảo đảm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, xây dựng hệ thống phân phối có tính ổn định và phát triển lâu dài. Cùng với đó, Hòa Phát cũng cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh theo tín hiệu của thị trường. Thực tế hoạt động xuất khẩu năm 2021 đã có nhiều khởi sắc, mở ra nhiều thị trường mới.

Rủi ro nhân sự:

Với trên 27.600 CBCNV đến từ các vùng miền trên cả nước, tuổi đời lao động trẻ, biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết. Trong khi lĩnh vực sản xuất thép luôn đòi hỏi lượng lớn lao động kỹ thuật có chuyên môn và tay nghề cao, hệ thống đào tạo của Việt Nam trong lĩnh vực cơ khí chế tạo lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Biện pháp:

Hòa Phát coi con người là yếu tố trung tâm làm nên thành công, luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Các Công ty thành viên liên tục tổ chức các lớp đào tạo chuyên ngành, phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, cao đẳng, trường đào tạo nghề cơ khí, kỹ thuật trong đào tạo, tuyển dụng nhằm thu hút lực lượng nhân sự có trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh. Chính sách phát triển nhân sự cả về mặt lượng và chất luôn được triển khai đồng đều. Hòa Phát đã triển khai hệ thống đánh giá cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa hệ thống nhân sự trên quy mô toàn Tập đoàn và từng bước áp dụng trong cách tính và chi trả lương thưởng xứng đáng để tạo động lực cho người lao động.

Rủi ro chính sách:

Nếu như khó khăn các doanh nghiệp nhỏ thường đề cập tới là tiếp cận vốn, đất đai, thị trường, khách hàng,… thì với các doanh nghiệp lớn như Hòa Phát lại là rủi ro về thay đổi chính sách và thủ tục hành chính.

5 năm qua, các chính sách, quy định pháp luật kinh doanh của Việt Nam thường thay đổi bất ngờ, diễn ra quá nhanh trong thời gian ngắn. Trong khi đó, doanh nghiệp cần những chính sách ổn định lâu dài, minh bạch, dễ dự báo, áp dụng nhất quán để yên tâm sản xuất kinh doanh.

Biện pháp:

Với tiêu chí chủ động để thích ứng, Hòa Phát luôn chủ động bám sát văn bản ngay từ những ngày đầu dự thảo Luật được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi.

Đơn cử như 11 Luật, Bộ luật được Quốc hội thông qua và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Đây là những luật quan trọng, có tác động lớn đến đời sống xã hội của nước ta nói chung và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hòa Phát nói riêng. Hòa Phát đặc biệt quan tâm đến Bộ luật lao động năm 2019, Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành. Do vậy, từ những ngày đầu dự thảo Luật được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi, Hòa Phát đã nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật thay đổi có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn để dự đoán, tiên liệu, qua đó xây dựng kế hoạch điều chỉnh kịp thời.

HÒA HỢP
CÙNG PHÁT TRIỂN

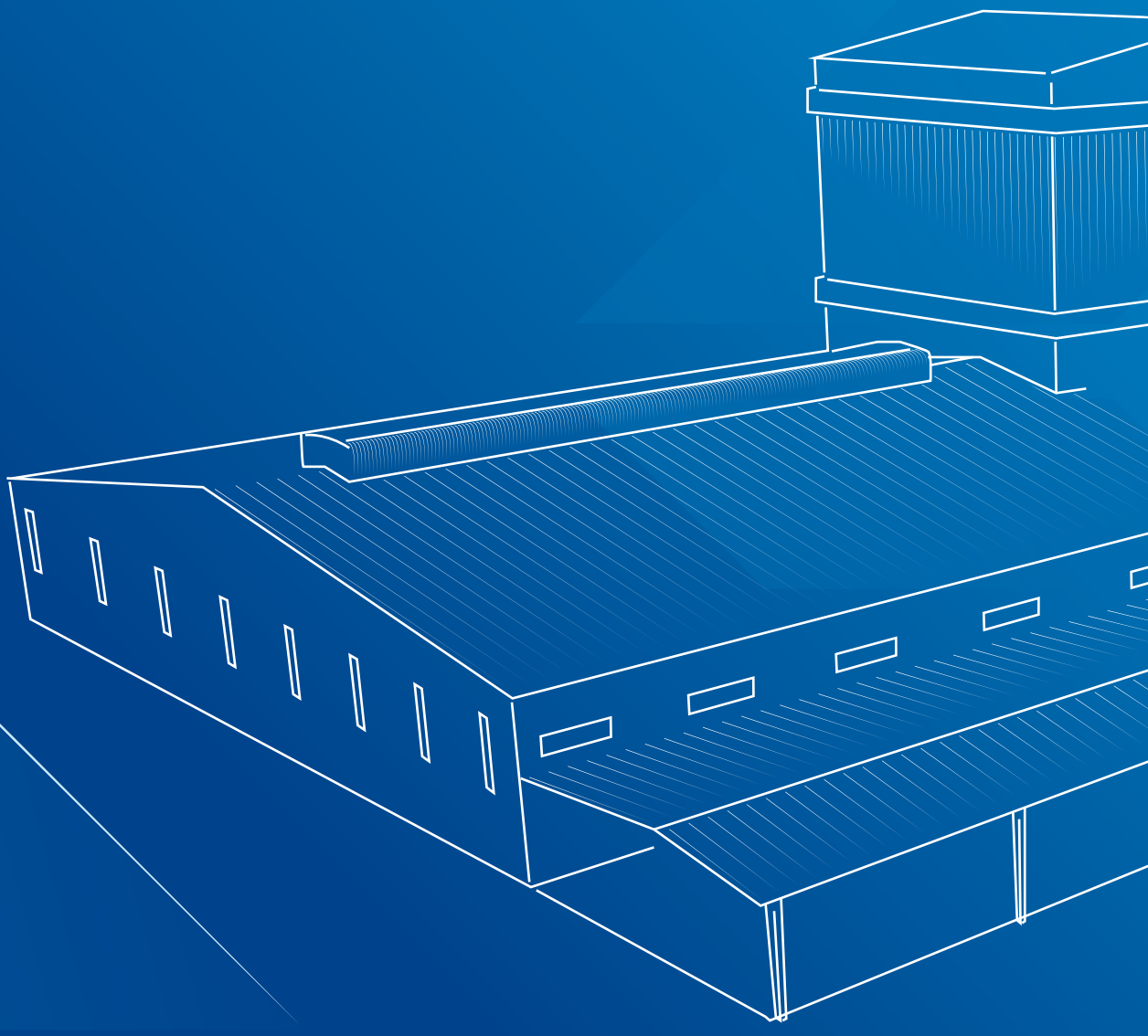

TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

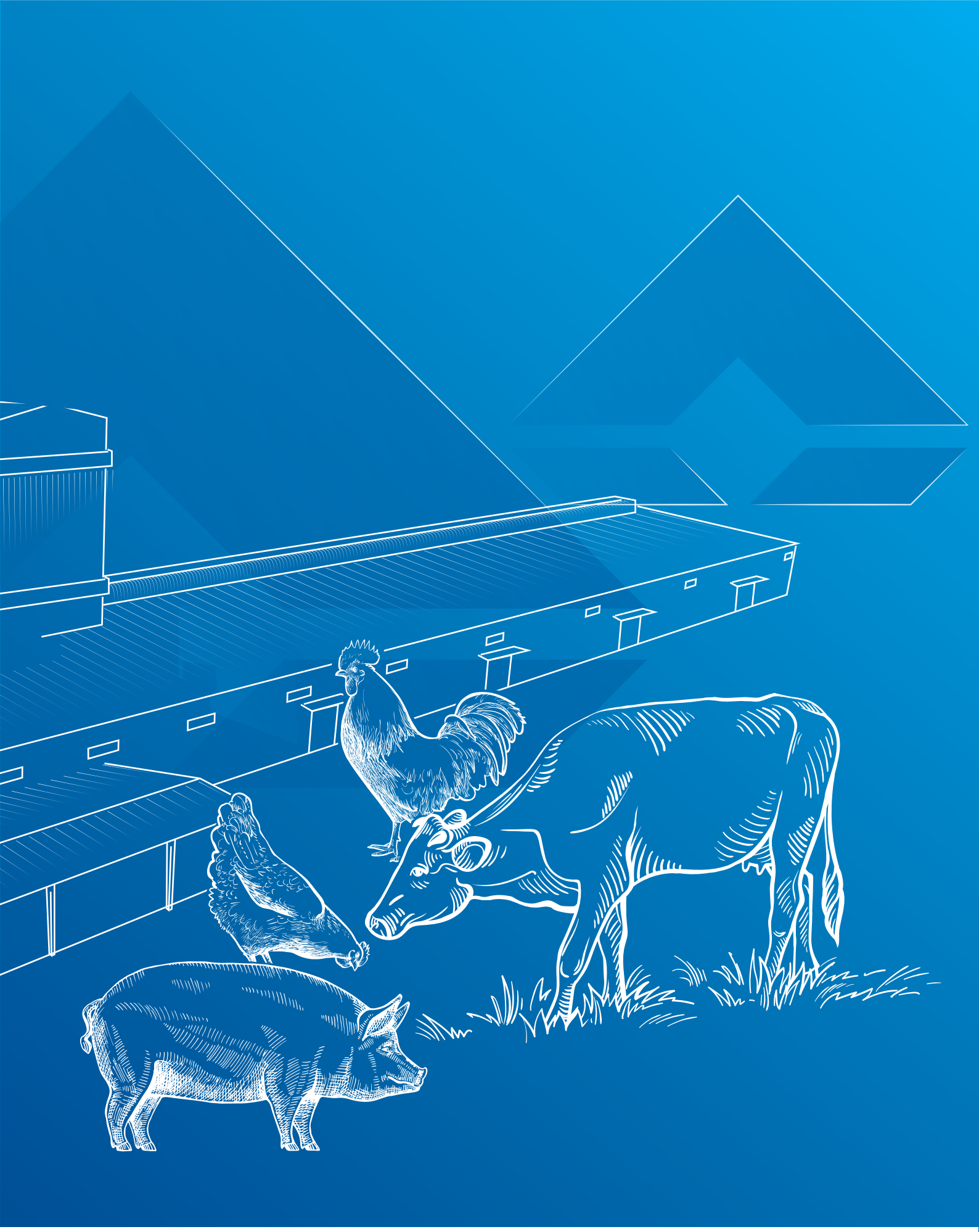

HÒA PHÁT

30 NĂM
TÔI THÉP

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

2

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH
2. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC
3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU TÀI SẢN
6. CƠ CẤU NGUỒN VỐN
7. HIỆU QUẢ KINH DOANH
8. CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ
9. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN VIỆT THẮNG

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng ĐH Xây dựng Hà Nội.
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2003

Ông Nguyễn Việt Thắng có gần 20 năm kinh nghiệm lãnh đạo tại Tập đoàn Hòa Phát với các vị trí Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn, Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát, Giám đốc Công ty Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên, Giám đốc Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương. Ngày 26/4/2021, ông Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tập đoàn Hòa Phát.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,32%

NGUYỄN T. THẢO NGUYÊN

Phó Tổng Giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội.
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1998

Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (từ 01/09/2010), bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên đã giữ các chức vụ như Kế toán trưởng Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát; Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,01%

PHẠM T. KIM OANH

Kế toán trưởng

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân.
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2008

Bà Phạm Thị Kim Oanh giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát kể từ ngày 28/04/2016.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,00%

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

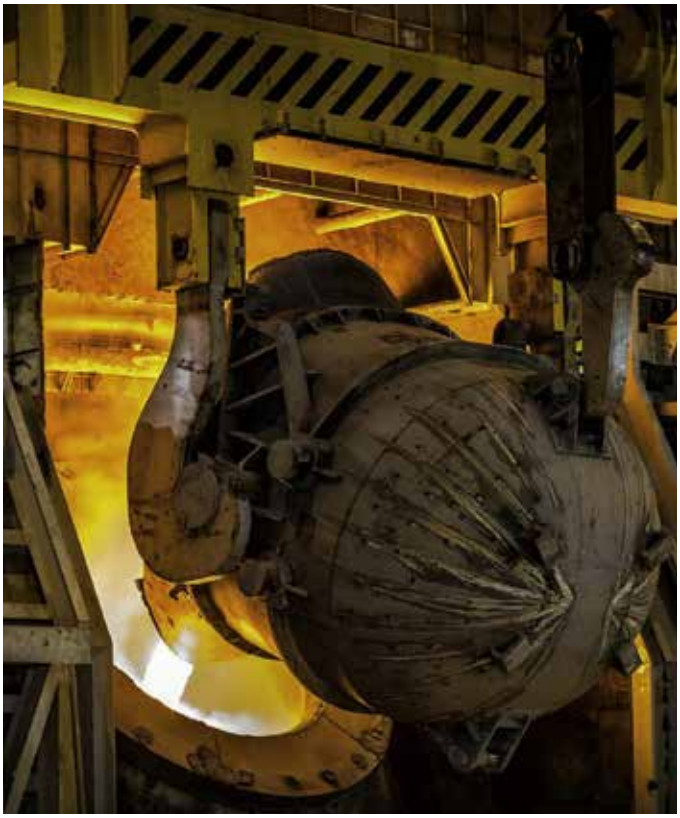

Nền kinh tế thế giới đã có dấu hiệu hồi phục trong năm 2021 sau 2 năm bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng Covid-19. Vaccine đã trở thành công cụ chủ đạo trong cuộc chiến chống lại virus Sars-CoV2 để các quốc gia thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch và vừa phát triển kinh tế. Từ mức tăng trưởng -3,5% năm 2020, báo cáo của Liên hợp quốc cho thấy nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng 5,9% trong năm 2021. Nền kinh tế toàn cầu nói chung phục hồi nhưng không đồng đều giữa các quốc gia.

Với Việt Nam, đại dịch COVID-19 lan rộng khiến GDP năm 2021 chỉ đạt 2,58%, mức thấp nhất trong 10 năm qua, nhưng cũng là mức tăng trưởng khá trong điều kiện phải ưu tiên nguồn lực cho phòng, chống dịch bệnh. Một số ngành, lĩnh vực có sự phục hồi và phát triển tốt, đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 6,21%, làm giảm 0,23 điểm phần trăm do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%. Ngành xây dựng tăng 0,63%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm. (Nguồn: gso.gov.vn).

Dù gặp nhiều khó khăn, thách thức do dịch COVID-19, ngành thép vẫn đạt mức tăng trưởng hơn 16% so với năm trước. Sản lượng sản xuất thép của Việt Nam lớn nhất Đông Nam Á. Thị trường trong nước bị chững lại nhưng các doanh nghiệp thép đã đẩy mạnh xuất khẩu và trở thành quốc gia xuất ròng thép. Cùng với đó, ngay từ đầu năm, giá thép xây dựng tăng giúp cho các công ty trong ngành được hưởng lợi, phản ánh vào chính kết quả kinh doanh chung. Theo đó, năm 2021 là một năm rực rỡ với ngành thép nói chung và Tập đoàn Hòa Phát nói riêng.

Năm 2021, Hòa Phát ghi nhận 150.800 tỷ đồng doanh thu và lần đầu cán mốc lợi nhuận ròng 34.520 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 65% và 156% so với năm 2020. Với kết quả này, Tập đoàn Hòa Phát vượt 26% và 92% kế hoạch năm. Tổng nộp ngân sách Nhà nước trong năm là 12.500 tỷ đồng, tăng hơn 70% so với cùng kỳ, trong đó, 3 tỉnh Hòa Phát có đóng góp ngân sách nhiều nhất là Quảng Ngãi, Hưng Yên và Hải Dương. Trong năm, Tập đoàn Hòa Phát vinh dự đứng thứ 13 trong 50 DN xuất sắc nhất Việt Nam năm 2021.

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020 *(tỷ đồng)*	Thực hiện 2021 *(tỷ đồng)*	Kế hoạch 2021 *(tỷ đồng)*	Tăng trưởng 2020/2021 *(%)*	Thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu	**91.279**	**150.865**	**120.000**	65%	126%
Lợi nhuận	**13.506**	**34.521**	**18.000**	156%	192%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu năm 2021 vượt 26% kế hoạch đề ra, tăng 65% so với năm 2020 và cao gấp 8,3 lần cách đây 10 năm - năm 2011. Trong đó, đóng góp chính vẫn là ngành thép với doanh thu tăng trưởng 83%, phần lớn nhờ các lò cao tại Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đã hoạt động hết công suất; ngành bất động sản tăng trưởng 126%. Lợi nhuận năm 2021 vượt 92% kế hoạch và tăng 156% so với cùng kỳ 2020, trong đó lĩnh vực thép có mức tăng vượt trội 200% và bất động sản tăng 26%.

Song song với việc tăng trưởng, lĩnh vực Thép (bao gồm Gang thép và Sản phẩm thép) vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo và khẳng định là mảng kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của mảng này lần lượt chiếm 94% và 96% của toàn Tập đoàn. Năm 2021, tổng sản lượng bán hàng các loại phôi thép, thép xây dựng, ống thép và tôn mạ là 8.871.000 tấn, tăng 35% so với 2020. Lũy kế đến tháng 12/2021, Hòa Phát cung cấp ra thị trường hơn 3 triệu tấn HRC, Thép xây dựng và ống thép Hòa Phát tiếp tục duy trì thị phần số 1 trên thị trường lần lượt là 32,6% và 24,7%.

Năm 2021, hoạt động xuất khẩu có sự tăng trưởng lớn đóng góp 1 phần quan trọng trong tổng sản lượng. Doanh thu từ xuất khẩu đạt 49.722 tỷ VNĐ chiếm 33% tổng doanh thu năm 2021 toàn Tập đoàn. Lần đầu tiên xuất khẩu phôi thép và thép xây dựng ghi nhận gần 2,3 triệu tấn. Thị trường xuất khẩu rất đa dạng như Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc… Sản phẩm ống thép, tôn mạ cũng có một năm xuất khẩu rực rỡ khi đạt 297.000 tấn, đóng góp 69% tổng lượng tôn Hòa Phát cung cấp cho thị trường. Với kết quả này, lĩnh vực ống thép – tôn mạ trở thành lĩnh vực xuất siêu trong Tập đoàn năm 2021. Việc đẩy mạnh xuất khẩu giúp Hòa Phát đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong khi thị trường trong nước bị ảnh hưởng do đại dịch Covid - 19, đồng thời góp phần thu ngoại tệ và cân bằng cán cân thương mại của Việt Nam.

Lĩnh vực nông nghiệp mang về 718 tỷ lợi nhuận sau thuế. Tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận chiếm lần lượt 5% và 2% toàn Tập đoàn. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid kéo dài và các biện pháp giãn cách xã hội khiến nhà hàng, trường học, du lịch,… đóng cửa, làm giảm sức tiêu thụ của thị trường đối với mặt hàng bò Úc và trứng gia cầm, giá bán heo cũng giảm mạnh. Đây là nguyên nhân khiến doanh thu và lợi nhuận sau thuế của khối nông nghiệp giảm mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp của Hòa Phát như bò Úc, trứng gà sạch luôn thuộc top đầu của thị trường, cùng với việc mở rộng các kênh phân phối hàng hóa cho thấy tiềm năng lớn cho lĩnh vực nông nghiệp phát triển trong các năm tới.

SẢN LƯỢNG BÁN HÀNG CÁC SẢN PHẨM THÉP CỦA HÒA PHÁT 2021 (tấn)

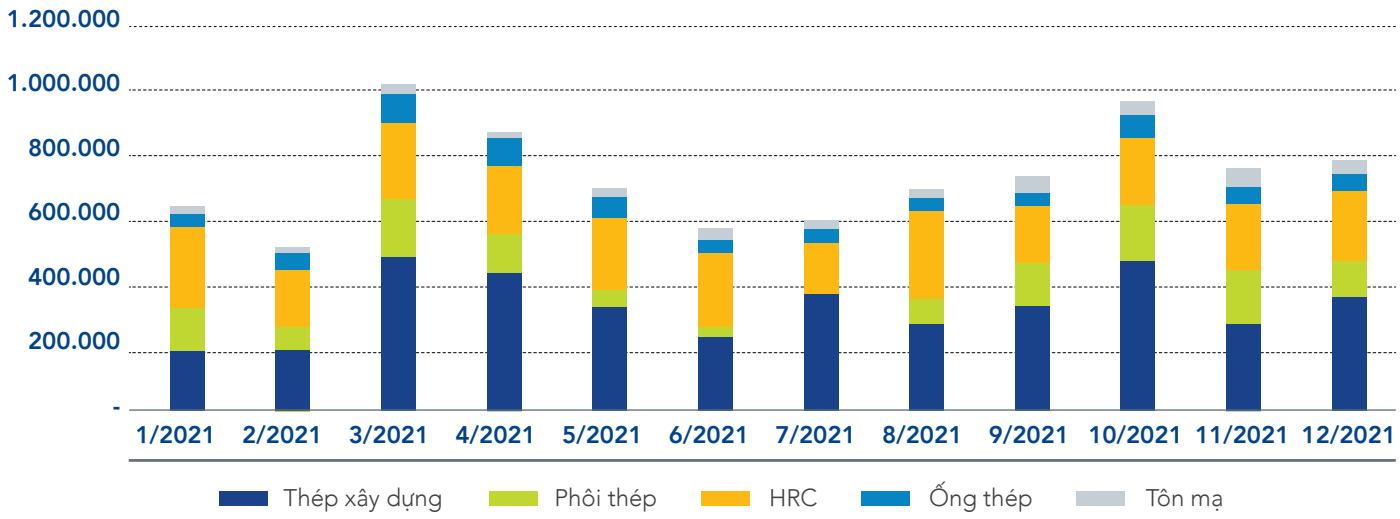

BIỂU ĐỒ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA TẬP ĐOÀN QUA CÁC NĂM (tỷ đồng)

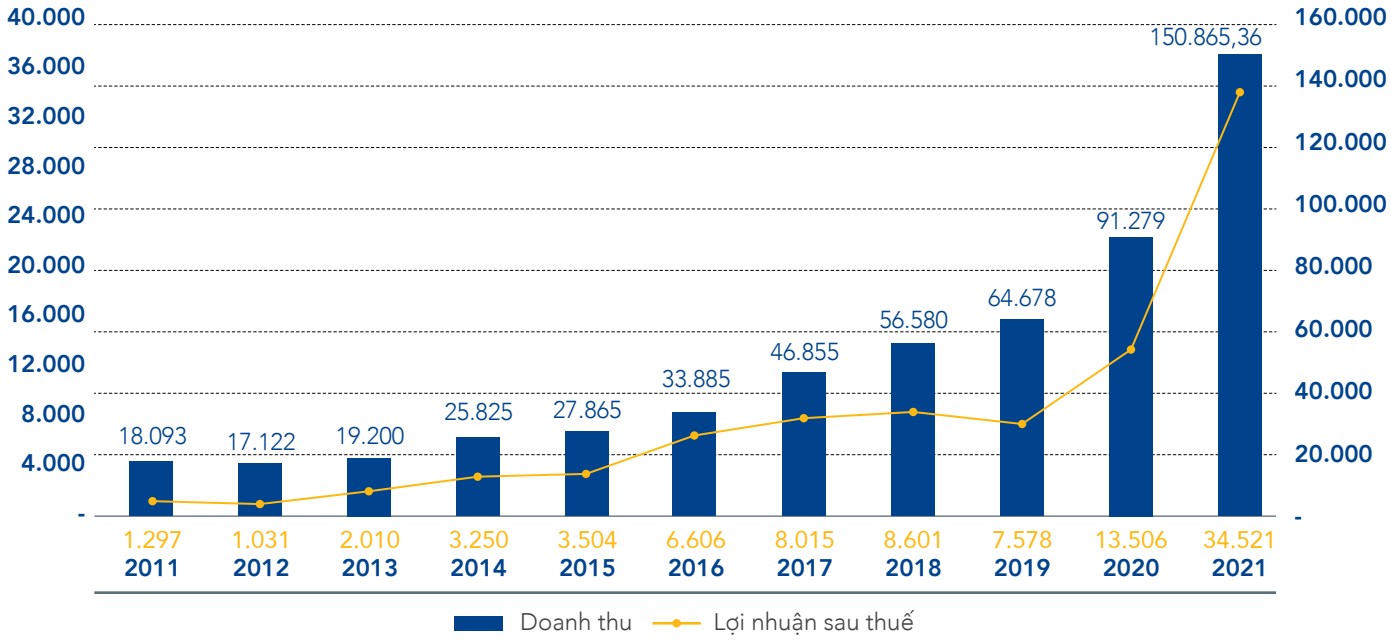

Lĩnh vực bất động sản hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch được giao. Trong năm, các khu công nghiệp Hòa Phát đã bàn giao được 42 ha đất, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu lĩnh vực bất động sản tăng 126% so với năm 2020. Kế hoạch trong 10 năm tới, Tập đoàn sẽ phát triển 10 khu công nghiệp bao gồm cả các khu công nghiệp hiện nay đang có. Đối với mảng dự án nhà ở - khu đô thị, Tập đoàn sẽ tập trung phát triển các đại đô thị diện tích từ 200 - 400ha, đóng góp vào quá trình đô thị hóa các khu dân cư hiện hữu của địa phương.

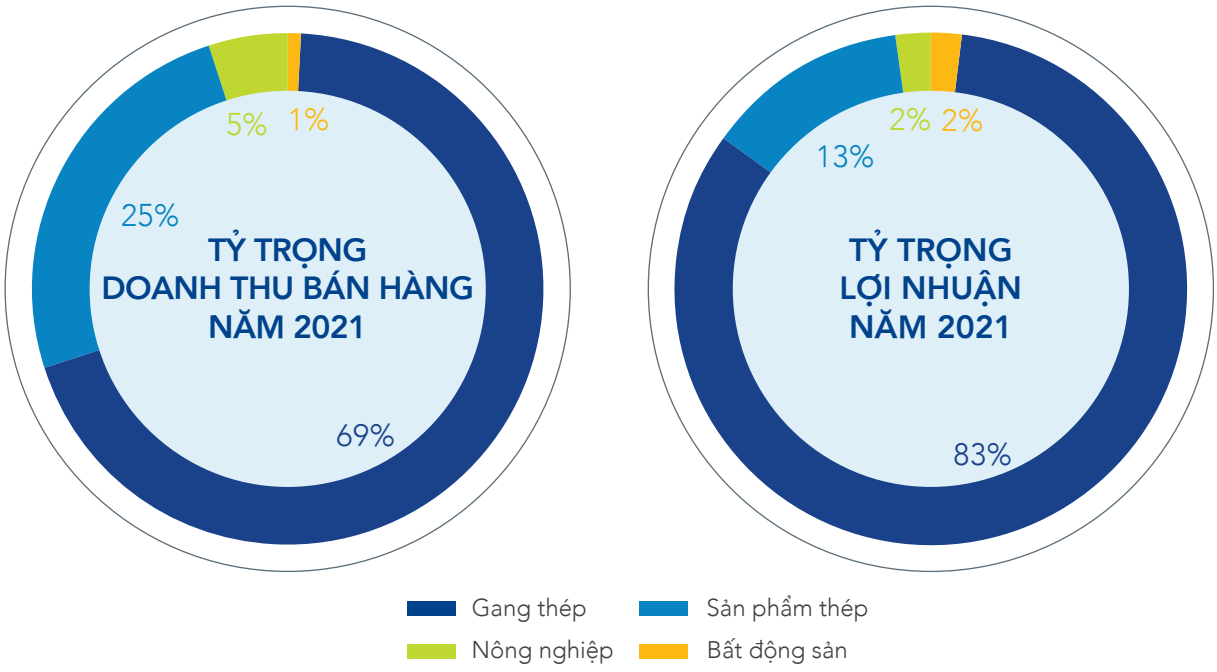

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn vượt trên 192% kế hoạch đề ra, tăng 156% so với cùng kỳ 2020 khi đạt được 34.520 tỷ đồng, xác lập kỷ lục cao nhất từ trước tới nay. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2021 đạt 23%. Lợi nhuận vượt chỉ tiêu đề ra, tỷ suất sinh lời tốt, cho thấy hiệu quả trong việc quản lý chi phí của Tập đoàn cho dù giá quặng tăng cao và lợi thế đến từ quy trình sản xuất khép kín từ thượng nguồn.

Ebitda (lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao) năm 2021 là 45.665 tỷ đồng, tăng 99% so với 2020 cho thấy hiệu quả thuần từ hoạt động kinh doanh không tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi vay và dòng khấu hao tăng đột biến so với năm trước. Ebitda tăng trưởng mạnh mẽ so với các năm trước. Trong năm 2021, Ebitda trong một quý đã đạt hơn 13.500 tỷ đồng cao hơn 8 lần so với thời điểm quý I/2016. Ebitda từng quý tăng mạnh được đóng góp chính bởi Dự án Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất. Tỷ suất Ebitda tăng lên rõ rệt, hiện đang duy trì 30%. Vì vậy, Hòa Phát có chỉ số tăng trưởng doanh thu và lãi biên Ebitda tốt hơn nhiều các công ty thép trên toàn cầu.

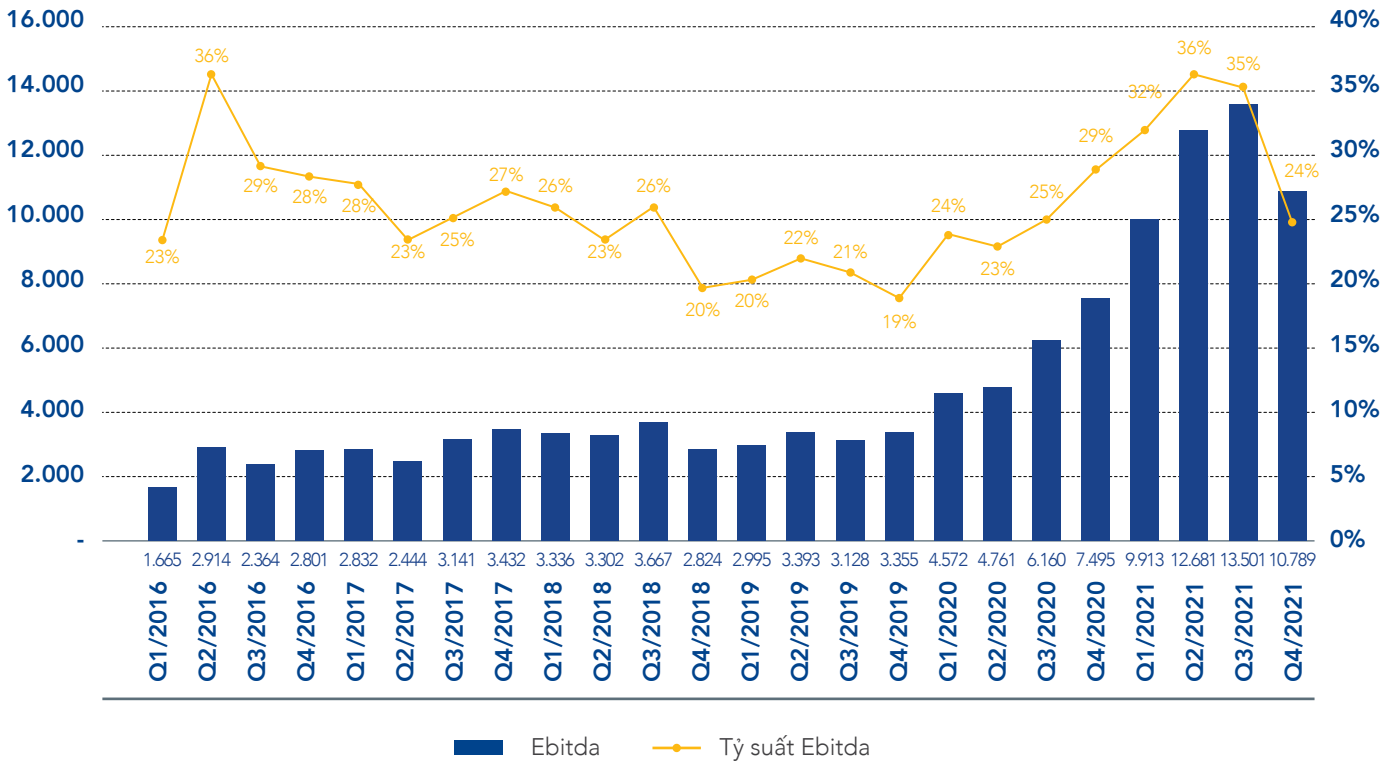

CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của Tập đoàn tăng mạnh trong năm 2021, tăng gần 36% so với 2020. Trong đó, tài sản dài hạn vẫn chiếm phần lớn khi tăng thêm 9.318 tỷ đồng, đạt mức 84.082 tỷ đồng, qua đó thấy được quá trình đầu tư vào tài sản cố định vẫn được Tập đoàn ghi nhận bổ sung tài sản khi các dự án lớn hoàn thành. Năm 2021 ghi nhận sự tăng mạnh của tài sản ngắn hạn lên tới 37.408 tỷ đồng, tương ứng tăng 66% so với cùng kỳ 2020. Sự tăng mạnh này là để bổ sung vốn lưu động khởi đầu cho quy mô sản xuất lên tầm vóc mới. Tính đến cuối năm 2021, cơ cấu tài sản chuyển dần ở thế cân bằng, tài sản ngắn hạn chiếm 53%, tài sản dài hạn chiếm 47%. Quy mô tổng tài sản tăng gấp ba chỉ sau 4 năm (từ năm 2017, mốc thời gian bắt đầu đầu tư xây dựng Dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Dung Quất). Đây vẫn là cơ cấu tài sản phù hợp và điển hình của ngành sản xuất công nghiệp.

DOANH THU BÁN HÀNG, TỔNG TÀI SẢN, VỐN CHỦ SỞ HỮU TOÀN TẬP ĐOÀN TỪ NĂM 2011 - 2021 (tỷ đồng)

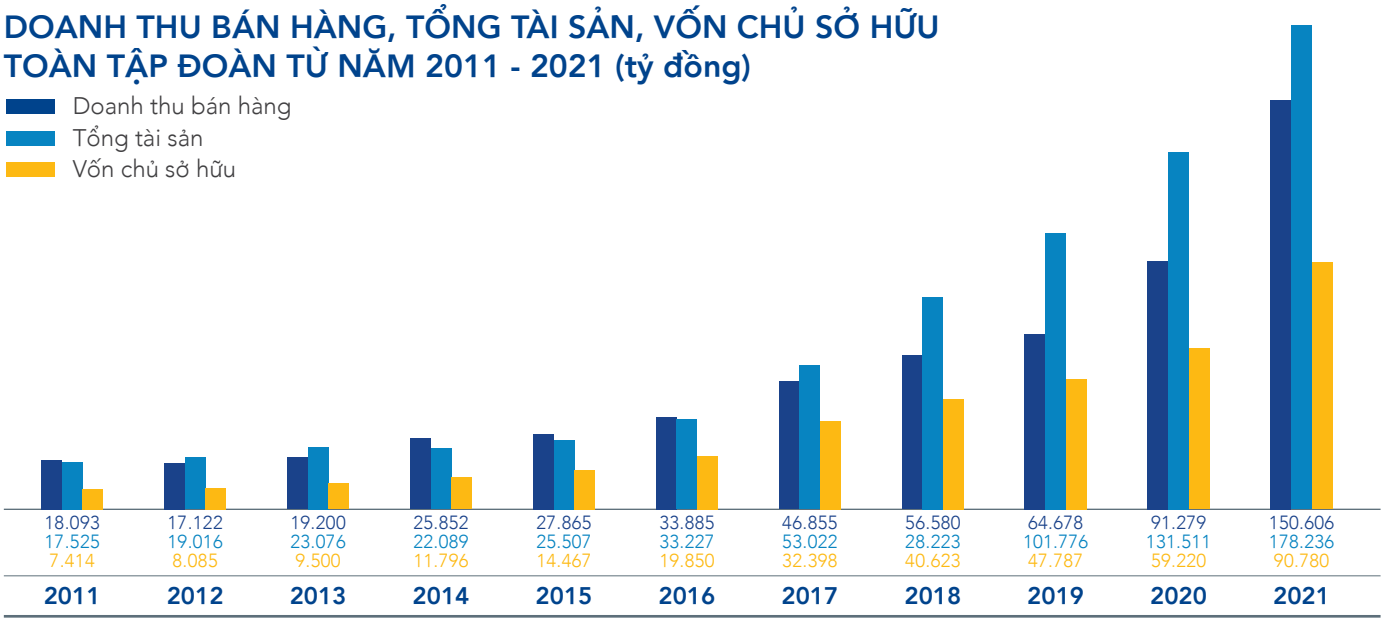

Trong tài sản ngắn hạn tăng mạnh, hàng tồn kho chiếm 45%, vòng quay hàng tồn kho tại 31/12/2021 là 3,17 lần, tương ứng giảm 19 ngày so với số ngày quay vòng hàng tồn kho năm 2020. Hàng tồn kho tăng mạnh cùng vòng quay hàng tồn kho cũng tăng thể hiện tốc độ quay vòng hàng hóa nhanh, tốc độ tiêu thụ hàng hóa tốt, cho thấy việc quản trị hàng tồn kho của Tập đoàn luôn được theo dõi, giám sát và hoạt động hiệu quả. Bên cạnh sự tăng mạnh của hàng tồn kho, tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn cũng tăng, cho thấy sự đảm bảo khả năng tài chính tốt để thực hiện các dự án lớn trong năm tiếp theo.

VÒNG QUAY (lần) & THỜI GIAN HÀNG TỒN KHO (ngày) QUA CÁC NĂM

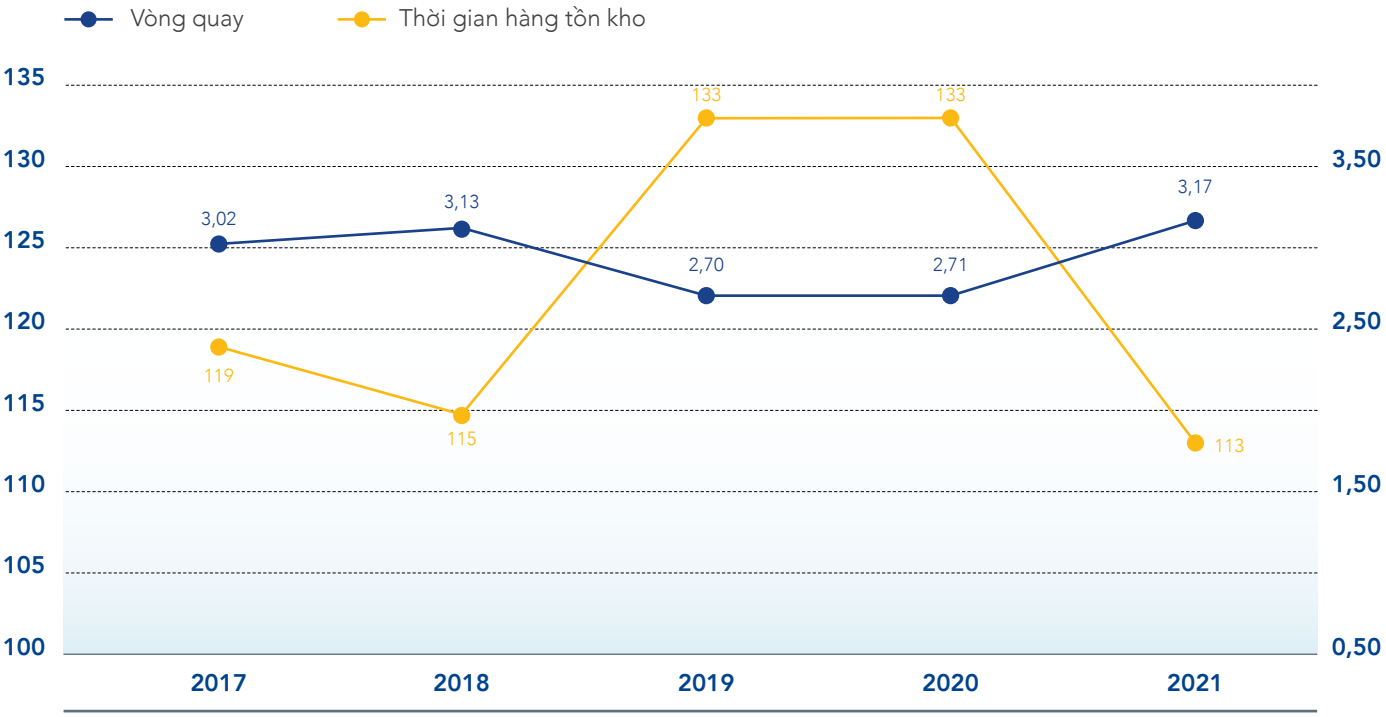

Tài sản dài hạn tăng do các hạng mục tài sản được ghi nhận trong năm, giá trị lớn là hạng mục lò cao số 4 của KLH Gang thép Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động. Tài sản dài hạn tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, tại 31/12/2021, tài sản dài hạn đạt 84.082 tỷ đồng. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản dở dang dài hạn chiếm 95%.

CƠ CẤU TÀI SẢN TỪ 2016 - 2021

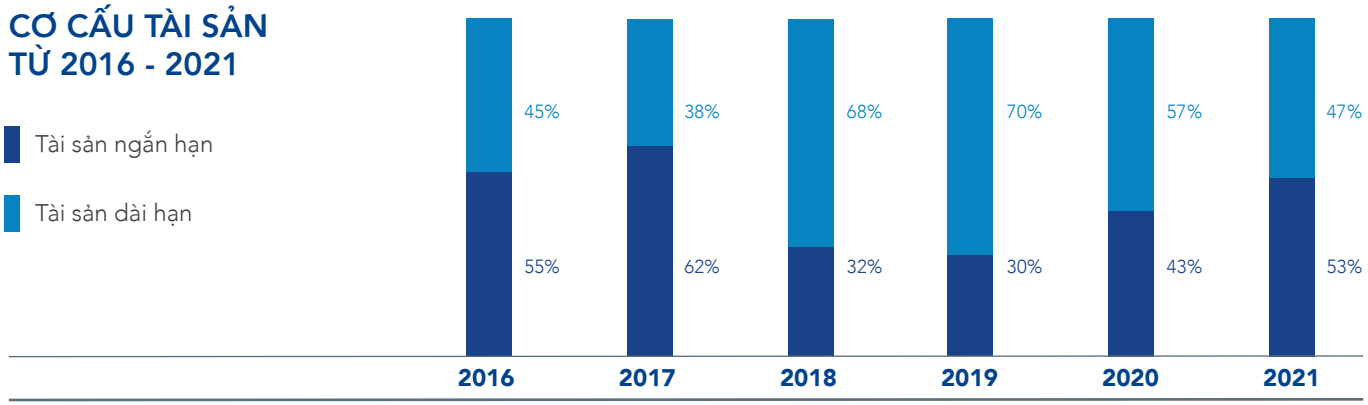

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Trong năm 2021, cơ cấu tài chính của Tập đoàn được duy trì ở mức ổn định. Vốn chủ sở hữu tăng 53%, từ 59.220 tỷ đồng lên 90.780 tỷ đồng đến từ dòng lợi nhuận làm ra trong năm. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm dưới mức 1, hệ số nợ vay ngân hàng trên vốn chủ sở hữu giảm còn 0,63 lần, hệ số nợ vay ròng trên vốn chủ sở hữu giảm còn 0,18 lần. Hệ số nợ ở mức an toàn cho thấy khả năng tự chủ tài chính, ổn định về tài chính của Tập đoàn. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, hệ số nợ vay ròng trên EBITDA đạt mức thấp như năm 2021, chỉ còn 0,35 lần, giảm 0,47 lần so với năm 2020. Nguyên nhân do tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng, giúp Tập đoàn đảm bảo tiềm lực tài chính mạnh mẽ trong tương lai gần. Năm 2021 đánh dấu mốc KLH Gang thép Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động đồng bộ, cho ra sản phẩm chất lượng, 3 triệu tấn thép HRC chính thức ra lò đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bắt đầu gia tăng nhiều hơn, tăng 1,37 lần so với cùng kỳ năm trước và cho thấy sức khỏe tài chính của Hòa Phát ngày càng tốt.

HỆ SỐ NỢ

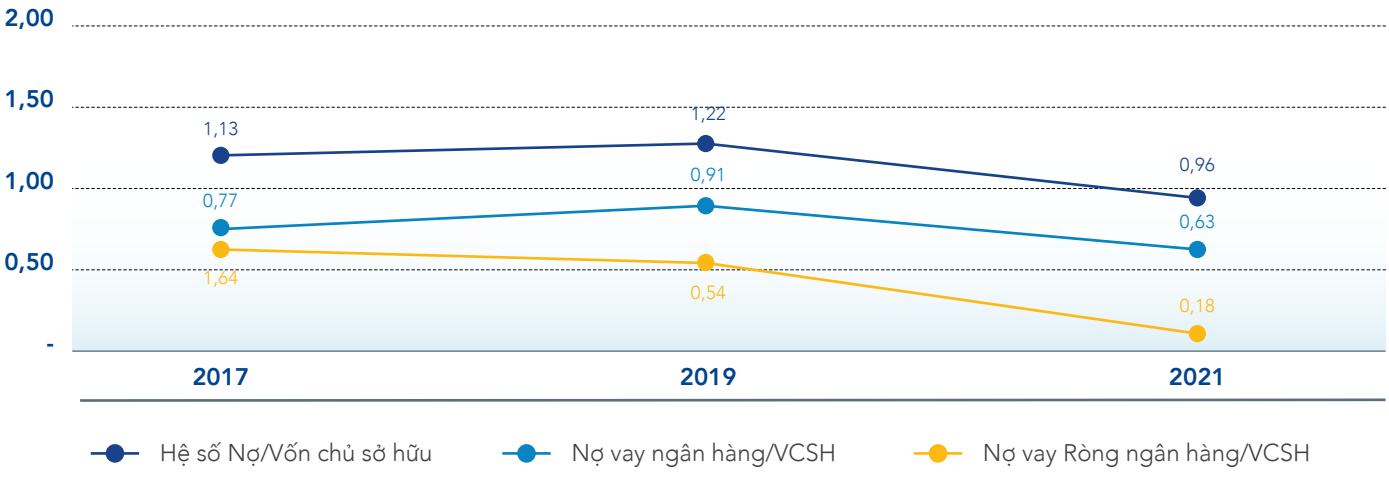

Khả năng thanh toán hiện hành tại thời điểm cuối năm 2021 là 1,28 lần và khả năng thanh toán nhanh 0,66 lần, tốt hơn so với cùng kỳ 2020. Hệ số thanh toán hiện hành luôn duy trì trên 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Tập đoàn là tốt.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH VÀ HIỆN HÀNH

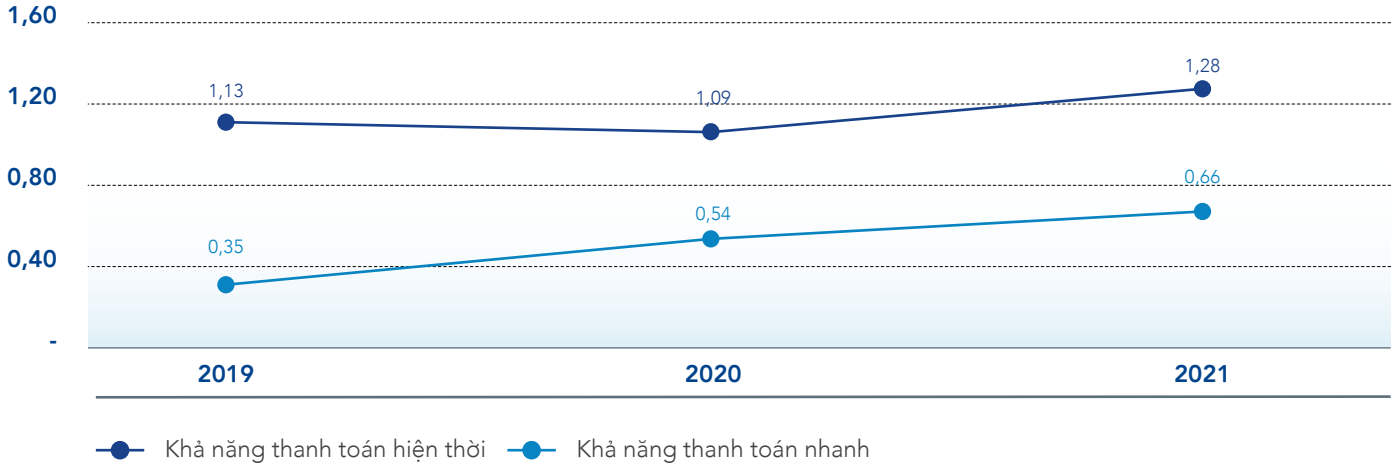

HIỆU QUẢ KINH DOANH

Các chỉ số quan trọng khi đánh giá hiệu quả là ROE (tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu) và ROA (tỷ số lợi nhuận ròng trên tổng tài sản). Trong năm 2021, chỉ số ROE của Hòa Phát đạt 38%, cao hơn vượt bậc so với mức 22,8% của năm 2020. Như vậy, cứ 100 đồng vốn bỏ ra thì sẽ thu về 38 đồng lợi nhuận. Chỉ số ROE tăng mạnh bên cạnh hệ số nợ vay ở mức thấp phản ánh những nỗ lực của Tập đoàn trong việc tối ưu hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông mà không bị phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính.

VỐN CHỦ SỞ HỮU, ROE VÀ ROA CỦA TẬP ĐOÀN QUA CÁC NĂM

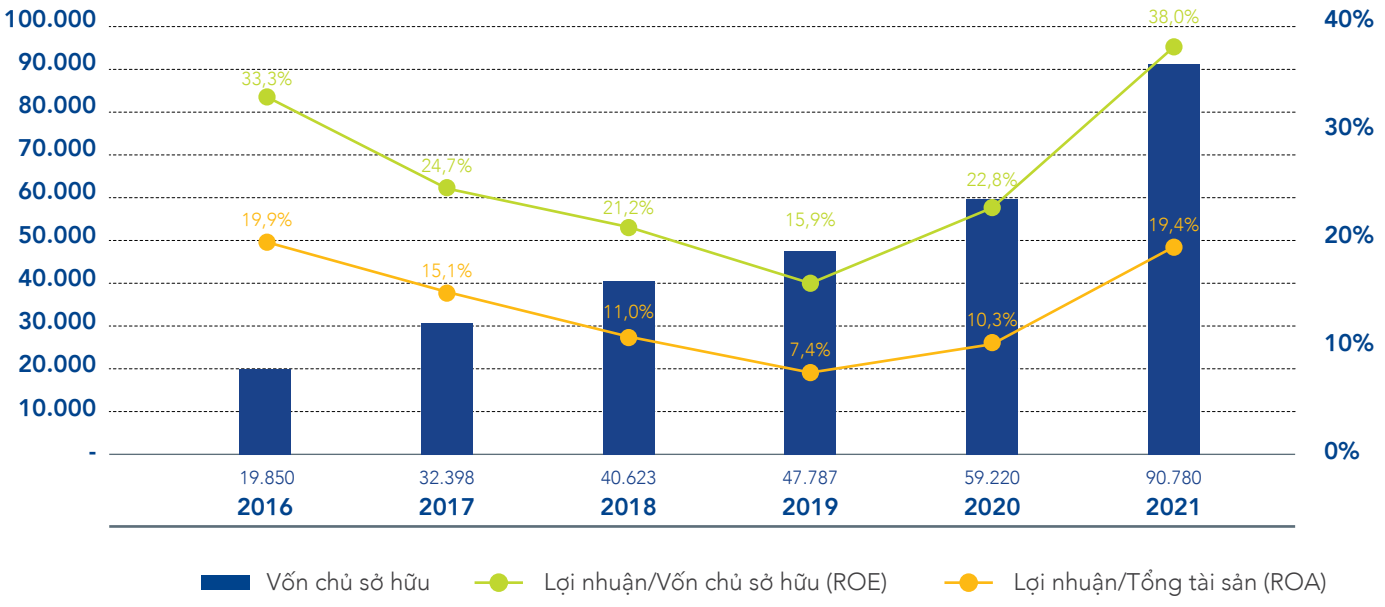

Cùng với đó, chỉ số ROA của Tập đoàn cũng tăng trở lại lên 19,4% từ 10,3% trong năm 2021. Tài sản tăng 36% trong khi chỉ số ROA được cải thiện so với cùng kỳ năm 2020, cho thấy lợi nhuận sau thuế tăng mạnh là yếu tố chính để cải thiện chỉ số này. Các chỉ số ROA, ROE của Hòa Phát tăng trưởng ổn định và thuận lợi chứng tỏ khả năng tài chính, lợi thế cạnh tranh của Hòa Phát trên thị trường.

CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Nằm trong chiến lược tái cơ cấu tổ chức hoạt động, năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức với 5 Tổng công ty phụ trách 5 lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn. Bên cạnh đó, Hòa Phát cũng áp dụng các giải pháp quản trị hiện đại như ERP, nhà máy thông minh, văn phòng điện tử, quản trị nhân sự… phục vụ quản lý tốt hơn, tiến tới chuyển đổi số.

Về tái cơ cấu tổ chức hoạt động, tháng 9/2021, Tập đoàn Hòa Phát đã thành lập Tổng công ty Điện máy gia dụng Hòa Phát, đầu tư lớn, bài bản vào ngành hàng điện máy gia dụng trên nền tảng thâm niên 20 năm phát triển ngành hàng điện lạnh. Đối với Tổng Công ty sản phẩm thép, Tập đoàn cũng đã quyết định thành lập Công ty Cổ phần sản xuất Container Hòa Phát với vốn điều 3.000 tỷ đồng, trụ sở đặt tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nhiệm vụ chính của Công ty là triển khai dự án Nhà máy sản xuất vỏ container đầu tiên của Tập đoàn, gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm thép.

Sau khi cơ cấu lại, Tập đoàn Hòa Phát có 5 Tổng công ty hoạt động trong 05 lĩnh vực: Gang thép (thép xây dựng, thép cuộn cán nóng) - Sản phẩm thép (gồm ống thép, tôn mạ, thép rút dây, thép dự ứng lực, container) - Nông nghiệp - Bất động sản - Điện máy gia dụng.

Bên cạnh tái cơ cấu mô hình hoạt động, Hòa Phát còn từng bước chuyển đổi số bằng những giải pháp quản trị tổng thể hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức quản lý.

Tập đoàn Hòa Phát đã ứng dụng giải pháp Văn phòng điện tử trong công tác quản trị tại khối văn phòng. Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, giải pháp này đã góp phần thích ứng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới. Chứng từ được lưu trữ đồng bộ, tra cứu nhanh chóng, giảm thời gian xử lý, ký/trình văn bản. Việc ứng dụng Microsoft Office 365, văn phòng điện tử giúp CBCNV có thể truy xuất dữ liệu mọi lúc mọi nơi, trên đa phương tiện, tích hợp nhắn tin, họp hội nghị, gọi điện trực tuyến, giúp công việc được xử lý kịp thời nhanh chóng, thông suốt hiệu quả.

Tại các công ty thành viên, ngoài hệ thống quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp SAP S/4HANA được triển khai từ năm 2019, năm vừa qua, Thép Hòa Phát Dung Quất đã đưa vào vận hành một số dự án, hệ thống như: Dự án Báo cáo quản trị thông minh SAC (nhằm chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng các báo cáo phân tích chỉ số về hiệu quả sản xuất kinh doanh); hệ thống Quản lý nguồn năng lượng (EMS) cho toàn Khu liên hợp và hệ thống phần mềm quản lý điều hành cảng PL – COS.

Về quản trị nhân sự, Tập đoàn đã thành lập Ban Triển khai Chuyển đổi số và các Tiểu ban triển khai Dự án Nhân sự tiền lương để từng bước áp dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực Quản trị nhân sự của Hòa Phát.

Năm qua, nhiều quyết định bổ nhiệm cũng được thực hiện tại cả khối văn phòng và nhà máy. Môi trường làm việc ổn định, thân thiện, chính sách đãi ngộ hấp dẫn cùng cơ hội thăng tiến rộng mở là nhân tố khiến người lao động tại Hòa Phát luôn sẵn sàng cống hiến lâu dài cho doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Thế giới đang đẩy mạnh việc triển khai tiêm phòng vắc xin phòng ngừa SARS CoV-2 trên diện rộng và dần mở cửa trở lại để phục hồi sau cú sốc Covid-19. Nhưng từ cuối tháng 2/2022, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã đẩy giá cả năng lượng, thực phẩm, các mặt hàng thiết yếu lên cao; lạm phát gia tăng; các chính sách tiền tệ hạn chế bởi Fed đẩy xu hướng thắt chặt tiền tệ trên toàn cầu; thị trường lao động phục hồi chậm và không chắc chắn là những thách thức trực diện với nền kinh tế trong năm 2022.

Việt Nam đã rất thành công duy trì tốc độ tăng trưởng GDP dương, đạt 2,58%. Quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt 375 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt hơn 3.700 USD/năm, xuất siêu hàng hóa đạt 4,08 tỷ USD; dự trữ ngoại hối vượt 120 tỷ USD. Đây là nền tảng quan trọng để kinh tế Việt Nam tiếp tục có bước phát triển khả quan trong năm 2022 với mục tiêu GDP tiếp tục tăng trưởng 5,3 đến 6,5%.

Ban điều hành Tập đoàn nhận định: Năm 2022, Hòa Phát tròn 30 năm phát triển và khẳng định vị thế. Doanh thu dự kiến sẽ tiếp tục tăng nhẹ so với năm trước nhờ sản lượng của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất, sản phẩm container và điện máy gia dụng. Tuy nhiên, đây là năm vẫn còn nhiều thách thức khi giá nguyên nhiên liệu xu hướng tăng, giá bán biến động không tương xứng, chi phí tài chính tăng do dự báo lãi suất tăng bởi xu hướng chính sách tiền tệ thắt chặt. Ban lãnh đạo Tập đoàn phấn đấu đạt được các mục tiêu:

• Hoàn thành các giấy tờ pháp lý và đầu tư xây dựng một phần cho Dự án Khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất 2;

• Hoàn thành và đưa vào chạy thử Nhà máy sản xuất Container vào thời điểm cuối năm;

• Tiêu thụ hết số lượng sản phẩm sản xuất ra; tiếp tục dẫn đầu thị phần toàn quốc về thép xây dựng và ống thép – tôn mạ trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép;

• Quản trị tốt hàng tồn kho, theo sát diễn biến giá nguyên liệu, có chính sách điều tiết hợp lý;

• Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt xu hướng tỷ giá, lãi suất để có chính sách điều hành dòng tiền hiệu quả;

• Đầu tư chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp.

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON
   - 1.1. Tổng Công ty Gang thép
   - 1.2. Tổng Công ty Sản phẩm thép
   - 1.3. Tổng Công ty Nông nghiệp
   - 1.4. Tổng Công ty Bất động sản
   - 1.5. Tổng Công ty Điện máy gia dụng
2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ
3. CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN LỚN
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
6. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC CÔNG TY CON

HÒA PHÁT GANG THÉP

TỔNG CÔNG TY GANG THÉP HÒA PHÁT

Tổng Công ty Gang thép hiện quản lý toàn bộ lĩnh vực sản xuất kinh doanh gang thép và các hoạt động phụ trợ của Tập đoàn. Năm 2021, với kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng, các công ty thành viên thuộc lĩnh vực gang thép đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng.

Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất hoàn thành, Hòa Phát trở thành nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam.

Sau đúng 4 năm được cấp chứng nhận đầu tư, toàn bộ Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đã hoàn thành với việc lò cao số 4 chính thức được đưa vào sản xuất tháng 1/2021. Nhiều chuyên gia trong và ngoài nước đến thăm Khu Liên hợp Hòa Phát Dung Quất đều ấn tượng về tiến độ xây dựng. Thay vì mất 10 năm như các công ty thép (có tên tuổi) trên thế giới, Hòa Phát chỉ mất 4 năm để hoàn thiện cơ ngơi có quy mô hơn 5 triệu tấn thép/năm và cảng nước sâu gồm 11 bến, cho phép tàu trọng tải 200.000 tấn cập bến.

Hòa Phát Dung Quất đã tuyển dụng và đào tạo 13.000 lao động, đảm bảo vận hành trơn tru hệ thống dây chuyền công nghệ sản xuất thép hiện đại, khép kín từ các nước G7. Trong đó, Nhà máy luyện luyện đúc cán liên tục thép cuộn cán nóng (HRC) là hạng mục mới và khó nhất. Đến nay, CBCNV Công ty đã làm chủ hoàn toàn công nghệ, sản lượng và chất lượng sản phẩm của Khu liên hợp ngày càng cao và ổn định.

Từ Quý I/2021, Hòa Phát đã trở thành nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ sinh thái sản phẩm thép từ quặng sắt đa dạng nhất. Tổng sản lượng thép thô của Tập đoàn đạt 8,5 triệu tấn/năm, trong đó có hơn 5 triệu tấn phôi thép, thép xây dựng và 3 triệu tấn HRC/năm. Khu liên hợp tại Dung Quất là lớn nhất với sản lượng đạt 5,6 triệu tấn/năm, tiếp đến là Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Hải Dương với 2,5 triệu tấn/năm. Tổ hợp luyện cán thép tại Hưng Yên công suất 400.000 tấn/năm.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT THÉP HÒA PHÁT QUA 20 NĂM (tấn/năm)

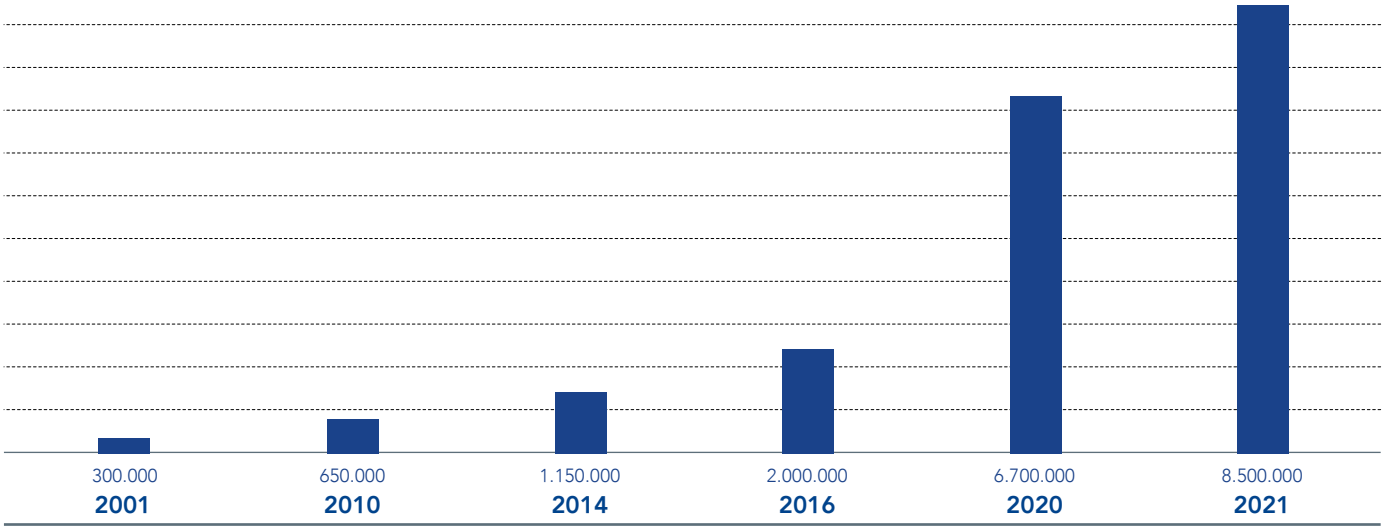

Năng lực sản xuất của Hòa Phát đã tăng lên 28 lần so với thời điểm năm 2001. Từ 300.000 tấn/năm theo công nghệ lò điện, hiện nay Hòa Phát đã phát triển nâng năng lực sản xuất lên 8,5 triệu tấn năm vào quý 1/2021, thời điểm lò cao số 4 của khu liên hợp gang thép Dung Quất chính thức đi vào hoạt động. Với năng lực sản xuất thép này, Hòa Phát đã vươn lên là doanh nghiệp sản xuất thép số 1 tại Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á, tương đương Top 50 đơn vị sản xuất thép thô lớn nhất toàn cầu (theo World Steel 2021).

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU THÉP XÂY DỰNG THÀNH PHẨM LẦN ĐẦU VƯỢT 1 TRIỆU TẤN TRONG NĂM 2021, HRC CÁN MỐC 3 TRIỆU TẤN

Trong năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát đạt sản lượng bán hàng gần 3,9 triệu tấn thép xây dựng thành phẩm, tăng 14% so với cùng kỳ. Thị phần thép xây dựng Hòa Phát duy trì vững chắc ở vị trí số 1 với 32,6%.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG THÉP XÂY DỰNG HÒA PHÁT VÀ HIỆP HỘI THÉP VIỆT NAM

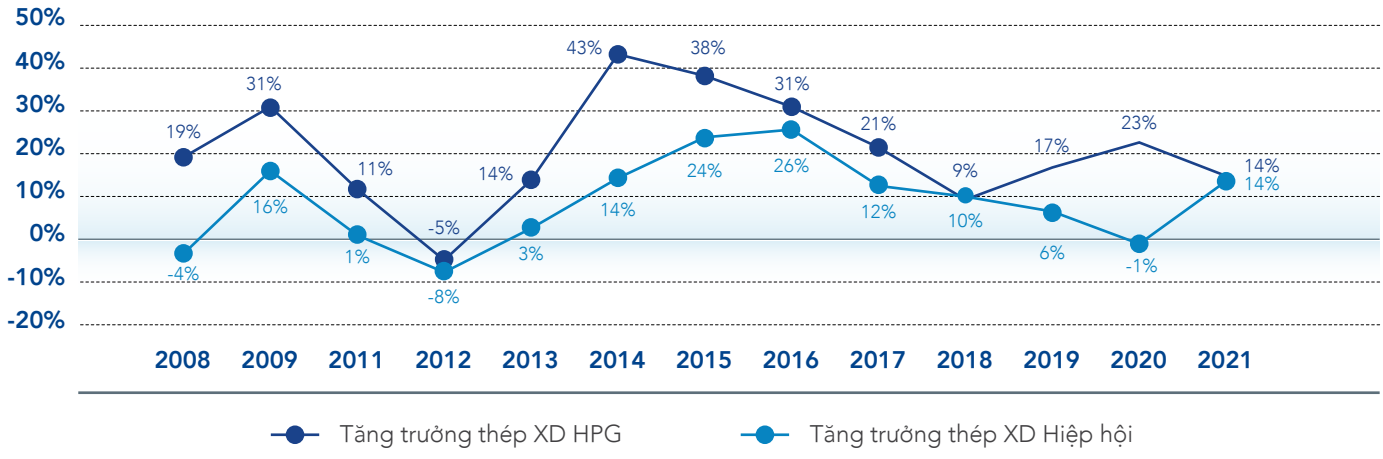

Về thị trường xuất khẩu, lượng thép thành phẩm xuất khẩu lần đầu tiên vượt 1 triệu tấn, gấp đôi năm 2020 và đóng góp 25% tổng lượng thép xây dựng cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước. Thép xây dựng Hòa Phát đã xuất khẩu tới 20 quốc gia thuộc châu Á, châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương. Ngoài xuất khẩu thép thành phẩm, Hòa Phát còn xuất khẩu 1,2 triệu tấn phôi thép.

THỊ PHẦN THÉP XÂY DỰNG HPG THEO VÙNG MIỀN

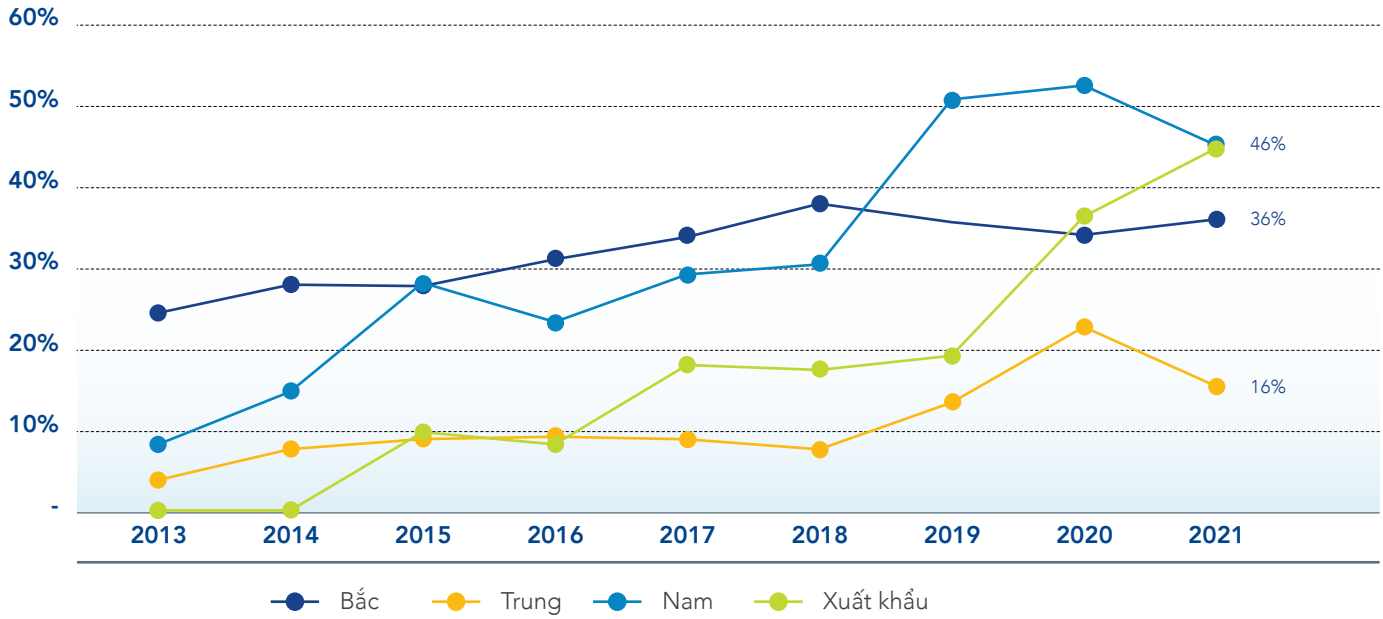

Với sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), sản lượng bán hàng đạt 2,6 triệu tấn, gấp hơn 4 lần năm 2020 và đóng góp lớn vào tăng trưởng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong năm vừa qua. Lũy kế từ khi bắt đầu ra sản phẩm đầu tiên tháng 5/2020 đến cuối năm 2021, sản lượng sản xuất HRC của Hòa Phát đã đạt 3 triệu tấn. Chất lượng sản phẩm HRC ngày càng được thị trường ghi nhận, đánh giá cao không chỉ ở thị trường nội địa mà cả trên thị trường thế giới.

Nhu cầu với HRC cả nội địa và quốc tế đều đang rất cao. Mỗi tháng khách hàng nội địa chào mua trên 300.000 tấn HRC nhưng chạy tối đa công suất Hòa Phát chỉ đáp ứng được sản lượng trên 200.000 tấn, chưa kể khách hàng nước ngoài. Đây cũng là động lực để Tập đoàn đẩy mạnh triển khai dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, tập trung sản xuất thép cuộn cán nóng với công suất 5,6 triệu tấn/năm. Dự kiến khi hoàn thành vào năm 2024, năng lực sản xuất thép của Hòa Phát đạt khoảng 14 triệu tấn/năm, trong đó có 8,6 triệu tấn HRC, lọt Top 30 Doanh nghiệp thép lớn nhất thế giới.

THÉP HÒA PHÁT TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ LỚN NHẤT TỈNH HẢI DƯƠNG

Năm 2021, Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương đã nộp vào ngân sách Nhà nước tổng cộng hơn 3.000 tỷ đồng. Trong đó, số nộp riêng trên địa bàn Hải Dương là 1.758 tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ, trở thành doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho tỉnh trong năm. Số nộp của Thép Hòa Phát Hải Dương chiếm tỷ trọng 13,3% tổng thu thường xuyên toàn tỉnh, chiếm 44% số thu của khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương đang vận hành Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát tại Thị xã Kinh Môn – tỉnh Hải Dương. Công ty là một trong những doanh nghiệp có đóng góp ngân sách nhà nước lớn nhất trong những năm gần đây.

Không chỉ đóng vai trò sản xuất 30% sản lượng thép thô cho Tập đoàn, Thép Hòa Phát Hải Dương còn quản lý đội tàu biển cỡ lớn, chuyên chở quặng sắt, than cho các Khu liên hợp sản xuất thép của Hòa Phát. Công ty còn có đội ngũ cán bộ chuyên nghiên cứu đầu tư khai thác mỏ quặng sắt tại Úc nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất trong dài hạn.

DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN QUẶNG SẮT

Năm 2021, Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông có mức sản lượng tiêu thụ với 510.000 tấn quặng các loại, giúp Hòa Phát tự chủ một phần nguồn quặng trong nước. Sản phẩm tinh quặng sắt và quặng sắt vê viên của Công ty An Thông chủ yếu cung cấp cho Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Kinh Môn, Hải Dương. Nhà máy chế biến tinh quặng sắt Minh Sơn đã chủ động nghiên cứu, thay đổi công nghệ để phù hợp với tính chất của quặng nguyên khai theo phân kỳ khai thác của mỏ sắt Sàng Thần nhằm sản xuất ra tinh quặng sắt có chất lượng tốt, phù hợp với công nghệ sản xuất thép hiện nay của Công ty cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương.

Năm 2022, Công ty tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm để ổn định giá thành sản xuất giữ vững biên lợi nhuận.

TỔNG CÔNG TY SẢN PHẨM THÉP HÒA PHÁT

Vượt qua nhiều khó khăn, năm vừa qua, ống thép Hòa Phát tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong ngành. Trong khi đó, Tôn Hòa Phát hoàn thành kế hoạch một cách xuất sắc, xuất khẩu tăng mạnh. Hòa Phát cũng chính thức công bố Quý IV/2022 sẽ cho ra sản phẩm container đầu tiên tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

ỐNG THÉP HÒA PHÁT HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU 1,25 TRIỆU TẤN

Năm 2021, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát tròn 25 năm phát triển (20/8/1996-20/8/2021). Từ một vài máy ban đầu, giờ đây, Ống thép Hòa Phát đã trở thành Công ty sản xuất ống thép thị phần số 1 Việt Nam suốt 20 năm qua, lớn nhất cả về sản lượng, quy mô và năng lực sản xuất.

Ống thép Hòa Phát đã có 06 Nhà máy tại cả ba miền với cả trăm máy cắt, máy uốn ống, dây chuyền sản xuất ống mạ nhúng nóng, dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm. Công suất thiết kế của tất cả các Nhà máy đạt 1 triệu tấn/năm. Các dòng sản phẩm chính của công ty gồm: ống thép mạ nhúng nóng, ống thép đen hàn có đường kính tới 325mm độ dày tới 12mm, các loại ống thép tôn mạ kẽm, tôn cuộn mạ kẽm và một số sản phẩm thép công nghiệp khác. Năm 2021 mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, ống thép vẫn hoàn thành kế hoạch doanh thu đã đề ra.

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TOP 5 DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT ỐNG THÉP NĂM 2011 - 2021

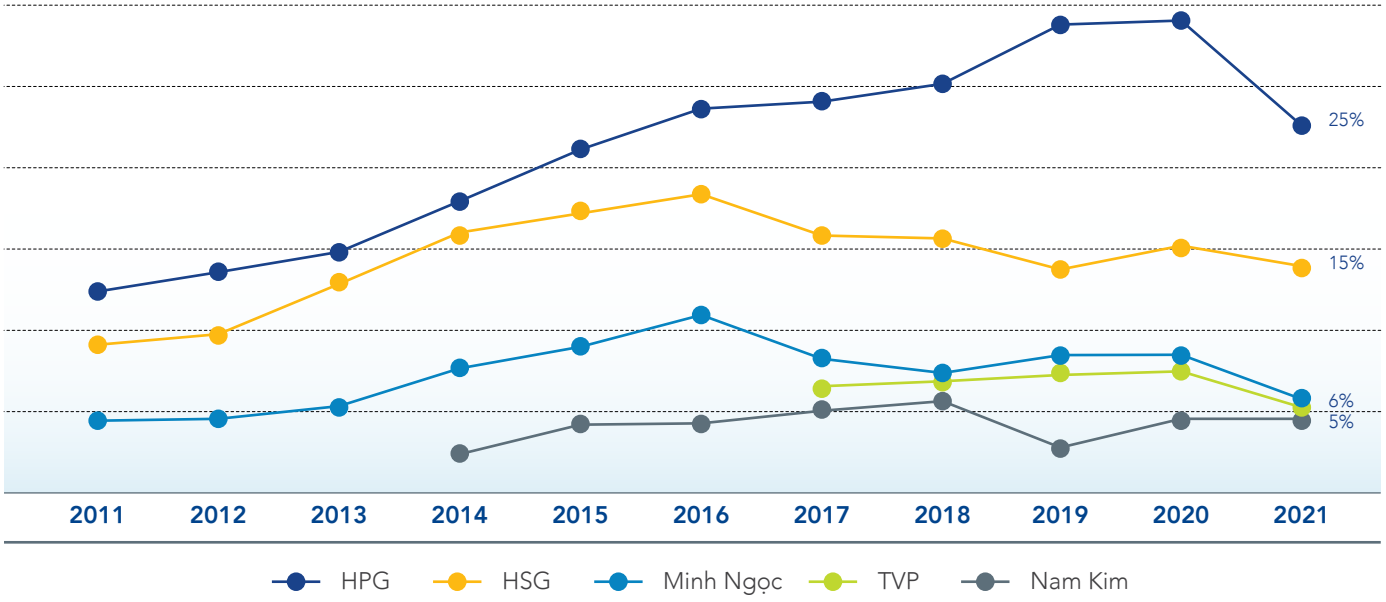

Hiện nay, cứ 4 cây ống thép được bán ra ở VN thì có 1 cây ống thép là do Hòa Phát sản xuất. 20 năm qua, ống thép Hòa Phát duy trì thị phần số 1 Việt Nam. Trong 5 năm tới, Ống thép Hòa Phát chủ trương tiếp tục mở rộng sản xuất, đầu tư thêm các dây chuyền thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa; đa dạng hóa sản phẩm hướng đến các thị trường xuất khẩu đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn của các nước châu Âu, Mỹ và các nước tiên tiến. Dự kiến từ năm 2022-2025, Ống thép Hòa Phát triển khai xây dựng nhà máy sản xuất ống thép lớn nhất tại tỉnh Long An. Mục tiêu của Công ty đến năm 2025 sẽ đạt sản lượng 1,25 triệu tấn và thị phần nâng lên 35%.

Theo thống kê và đánh giá của thị trường, Hòa Phát là đơn vị duy nhất sản xuất được các chủng loại ống nhỏ nhất đến to nhất, và đa dạng các loại sản phẩm gồm ống tôn mạ kẽm, ống mạ kẽm nhúng nóng, ống đen (cán nóng, cán nguội).

TÔN HÒA PHÁT LỌT TOP 5 THỊ PHẦN SAU 5 NĂM

Sau 5 năm thành lập và phát triển, mặc dù có những khó khăn ban đầu, nhưng năm 2021 là một dấu son của Công ty Tôn Hòa Phát khi đạt thành tích kinh doanh rất ấn tượng. Cụ thể, sản lượng đạt 428.000 tấn, vượt công suất thiết kế, trong đó có trên 290.000 tấn sản phẩm xuất khẩu, chiếm tỷ trọng 69% tổng lượng tôn cung cấp cho thị trường.

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TOP 5 DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TÔN MẠ NĂM 2011 - 2021

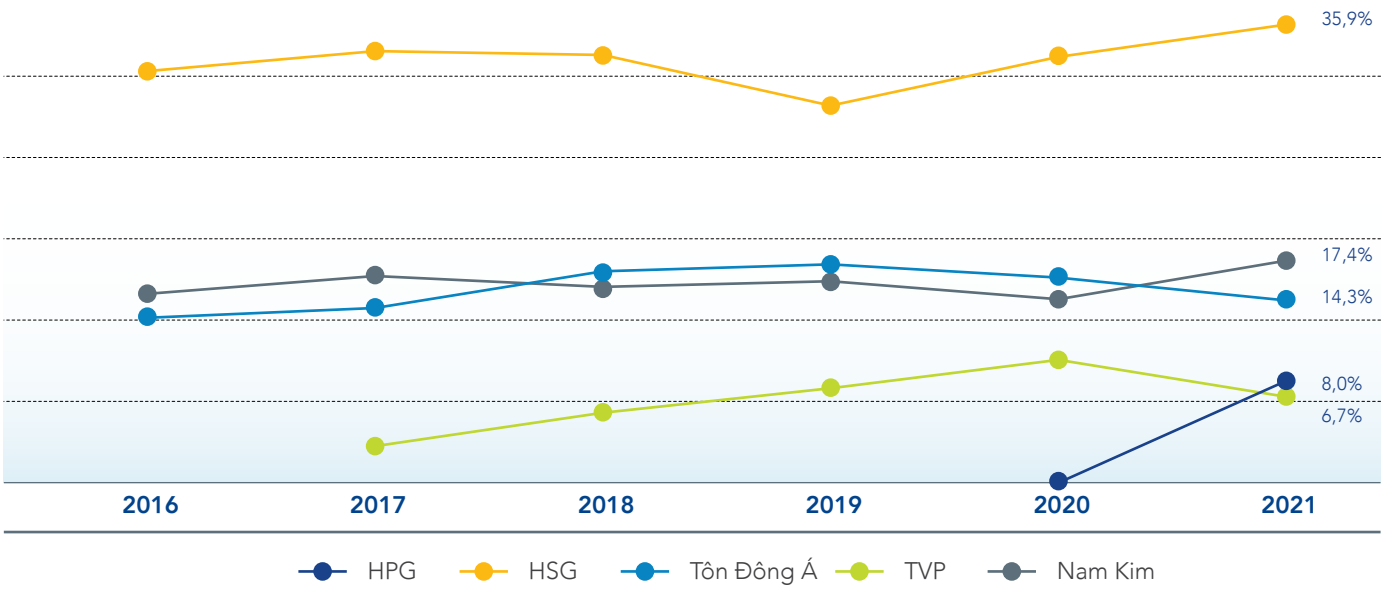

Việc đẩy mạnh xuất khẩu giúp Hòa Phát đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong khi thị trường trong nước bị ảnh hưởng do đại dịch Covid 19, đồng thời góp phần thu ngoại tệ và cân bằng cán cân thương mại của Việt Nam.

Với các dòng sản phẩm đa dạng, chất lượng cao như: Tôn lạnh mạ màu, Tôn Premium, Tôn mạ kẽm, Tôn Panel, Tôn lạnh trắng phủ Anti-finger… Tôn Hòa Phát đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng trong nước. Trong thời gian ngắn, Tôn Hòa Phát giữ vị trí thứ 4 trong Top 5 doanh nghiệp có thị phần lớn nhất Việt Nam.

Nhờ có sự hỗ trợ nguồn cung thép cuộn cán nóng của Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất, Tôn Hòa Phát đã tự chủ nguyên liệu, sản phẩm có nhiều lợi thế trên thị trường xuất khẩu, chinh phục được các thị trường khó tính như EU, Mỹ, Cannada…

Năm 2022, mục tiêu của Công ty chạy full công suất trên 400.000 tấn và thực hiện xây dựng dự án nhà máy Tôn mạ màu, tôn mạ kẽm, mạ lạnh tại phía Nam, phục vụ cho thị trường khu vực này.

XUẤT KHẨU THÉP DỰ ỨNG LỰC TĂNG GẤP ĐÔI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC, KHAI THÁC NHIỀU THỊ TRƯỜNG MỚI

Năm 2021, tổng sản lượng bán hàng các loại thép dự ứng lực (PC Bar và PC Strand) của Công ty Chế tạo Kim loại Hòa Phát gấp đôi so với năm trước. Ngoài Hoa Kỳ và Đài Loan, thép dự ứng lực của Hòa Phát đã xuất khẩu sang một số thị trường mới như Canada, Singapore, Malaysia, Campuchia, Srilanka, Myanmar… và được khách hàng nước ngoài đánh giá rất cao về chất lượng. Cáp thép dự ứng lực - PC Strand được Hòa Phát cung cấp ra thị trường từ đầu năm 2021. Sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A416/A416M-17 của Mỹ, được sử dụng trong những công trình quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật, khả năng chịu tải, độ an toàn cao như tháp, cầu cạn, cầu vượt biển, nhà cao tầng, cáp treo.

Dự kiến trong năm 2022, Công ty sẽ đưa dây chuyền PC Wire đầu tiên vào hoạt động, hoàn thành dây chuyền PC Strand số 2 tại Nhà máy thép dự ứng lực (KKT Dung Quất – Quảng Ngãi) nhằm tăng sản lượng PC Strand lên gấp 2 lần 2021. Với sản phẩm thép dây mạ kẽm, Công ty sẽ đưa giai đoạn 3 dây chuyền sản xuất thép dây mạ kẽm đi vào hoạt động. Dây chuyền mới có nhiều cải tiến và công nghệ cao giúp tăng chất lượng sản phẩm dây thép mạ đáp ứng nhu cầu hàng xuất khẩu đi những thị trường khó tính như Mỹ, Canada, Hàn Quốc... Cũng trong năm 2022, Công ty dự kiến sẽ đầu tư xây dựng nhà máy chuyên sản xuất phụ kiện kim loại phục vụ xây dựng, cầu đường và góc vỏ container, phục vụ Nhà máy sản xuất vỏ container Hòa Phát. Nhà máy được đặt ngay cạnh dự án Container Hòa Phát tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

HÒA PHÁT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY VỎ CONTAINER TẠI BÀ RỊA VŨNG TÀU

Ngày 12/4/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát. Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty đặt tại B5, đường Đ, KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của Công ty là 3.000 tỷ đồng.

Dự án nhà máy sản xuất Container rỗng của Hòa Phát có quy mô công suất 500.000 TEU/năm, tập trung các sản phẩm container phổ biến, có chiều dài 20 - 40feet. Trong đó, modul giai đoạn 1 có công suất 200.000 TEU/năm. Nguyên liệu cho sản xuất vỏ container rỗng là loại thép HRC, mác SPA-H đặc chủng, kháng thời tiết, sản phẩm của Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất. Tại Việt Nam, chỉ có Hòa Phát sản xuất được loại thép này.

Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong khu vực động lực phát triển của vùng Đông Nam Bộ, gần các cảng biển lớn như Cát Lái, Cái Mép-Thị Vải và có nhiều lợi thế để đảm bảo thành công cho dự án. Dự kiến quý IV năm 2022, những sản phẩm container rỗng đầu tiên mang thương hiệu Hòa Phát sẽ có mặt trên thị trường.

HÒA PHÁT NÔNG NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

Hòa Phát gia nhập lĩnh vực nông nghiệp từ năm 2015 với mục tiêu chung tay vì một nền sản xuất nông nghiệp hiện đại của Việt Nam. Năm 2021, lĩnh vực nông nghiệp của Hòa Phát gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, dù vậy các nhà máy thức ăn chăn nuôi Hòa Phát, trang trại chăn nuôi bò Úc, trứng gà sạch và heo an toàn sinh học của Tập đoàn vẫn duy trì sản lượng ở mức phù hợp nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường.

Hòa Phát giữ vững vị thế 5 năm là đơn vị nhập khẩu bò Úc nhiều nhất về Việt Nam. Với quy trình khép kín, công nghệ hiện đại, áp dụng chương trình dinh dưỡng nghiêm ngặt, sản phẩm bò Úc Hòa Phát tiếp tục được thị trường đón nhận nhờ chất lượng vượt trội, giàu dinh dưỡng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trứng gà sạch Hòa Phát hiện đạt 800.000 quả/ngày, dẫn đầu miền Bắc. Trứng gà Hòa Phát hiện đã được phân phối tại hầu hết các siêu thị và cửa hàng lớn, riêng tại Hà Nội là hơn 100 siêu thị. Trứng gà Hòa Phát cũng đã bắt đầu có mặt tại một số siêu thị ở Hưng Yên, Hải Phòng, Hải Dương,… bếp ăn khu công nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng… Công ty có hệ thống nhà phân phối và đại lý rộng khắp miền Bắc, miền Trung, miền Nam, Tây Nguyên đảm bảo cung cấp sản phẩm trứng gà sạch tới người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty đang đẩy mạnh sản lượng cung cấp trứng cho các nhà sản xuất bánh kẹo nhằm đáp ứng nhu cầu trong và ngoài nước.

Sản lượng heo Hòa Phát năm 2021 đạt gần 450.000 con, bao gồm heo thịt thương phẩm, heo giống,… Trong đó với sản phẩm heo giống, Hòa Phát cung cấp ra thị trường hơn 130.000 con heo 3M hướng thịt và gần 2000 heo hậu bị hướng sinh sản, qua đó vươn lên trở thành nhà cung cấp heo giống top đầu thị trường miền Bắc. Hòa Phát đặt mục tiêu 5 năm tới sẽ phát triển doanh thu mảng nông nghiệp gấp đôi năm 2020, dự kiến mỗi năm đạt 850.000 tấn thức ăn chăn nuôi, 200.000 con bò Úc, 300 triệu quả trứng, 750.000 con heo thành phẩm.

HÒA PHÁT BẤT ĐỘNG SẢN

TỔNG CÔNG TY BẤT ĐỘNG SẢN HÒA PHÁT

Năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát tròn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, gồm khu công nghiệp và khu đô thị, nhà ở. Trong 2 thập kỷ qua, lĩnh vực này luôn có đóng góp ổn định trong sự phát triển chung của Hòa Phát qua từng năm. Từ năm 2021, Tổng Công ty Phát triển Bất động sản Hòa Phát được đầu tư lớn hơn nhằm tạo ra bước phát triển đột phá trong những năm tới.

Về bất động sản khu công nghiệp (KCN), Hoà Phát hiện sở hữu và vận hành 3 KCN, bao gồm: KCN Phố Nối A - 688 ha (Hưng Yên), KCN Hòa Mạc - 131ha (Hà Nam), KCN Yên Mỹ II - 313 ha (Hưng Yên). Tổng quỹ đất KCN mà Hòa Phát đã được phê duyệt quy hoạch là 1.133 ha. Tỷ lệ lấp đầy của các KCN đều xấp xỉ 100% diện tích đã đầu tư hạ tầng, đem lại nguồn thu ổn định, bền vững cho Hòa Phát. Năm 2021, doanh thu từ mảng bất động sản KCN đạt gần 980 tỷ đồng, tăng 83% so với năm 2020 và là nguồn thu chính Tổng Công ty BĐS Hòa Phát trong năm vừa qua. Đây là con số ấn tượng trong bối cảnh nhiều ngành sản xuất – kinh doanh bị đình trệ do Covid-19.

Hệ thống KCN của Hòa Phát đã thu hút tốt làn sóng chuyển dịch đầu tư sản xuất sang các quốc gia Đông Nam Á. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài lớn đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Hà Lan, Thụy Sỹ. Thủ tục đầu tư nhanh gọn, dịch vụ hạ tầng thuận tiện là yếu tố thu hút không chỉ các nhà đầu tư trong nước mà còn có nhiều nhà đầu tư nước ngoài lớn đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan. Các doanh nghiệp có chủ trương mở rộng sản xuất phần lớn đều ưu tiên lựa chọn đất trong các KCN trên để mở rộng thêm nhà máy.

Trong năm 2021, Tập đoàn đã đẩy mạnh hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đầu tư xây dựng hạ tầng dự án Khu đô thị Bắc Phố Nối tại tỉnh Hưng Yên. Đồng thời, ban dự án các Công ty trực thuộc Tổng Công ty Bất động sản Hòa Phát cũng tích cực nghiên cứu, phát triển các dự án khu đô thị, đặt nền móng cho Tổng Công ty trong các năm tiếp theo, đóng góp vào quá trình đô thị hóa các khu dân cư hiện hữu của địa phương.

Năm 2022, Hòa Phát dự kiến đạt trên 1.600 tỷ đồng doanh thu từ lĩnh vực bất động sản, trong đó riêng cho thuê hạ tầng KCN là 1.500 tỷ. Các khu công nghiệp liên tục được mở rộng, riêng KCN Phố Nối A dự kiến đạt 900 ha. Hòa Phát cũng đang tích cực triển khai thủ tục đầu tư các dự án KCN, khu đô thị mới tại nhiều tỉnh thành trên cả nước, hướng tới mục tiêu đưa bất động sản thành một trong những ngành chủ lực của Tập đoàn.

HÒA PHÁT®
ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

Quý IV/2021, Tập đoàn Hòa Phát đã thành lập Tổng công ty Điện máy gia dụng Hòa Phát, đầu tư lớn, bài bản vào ngành hàng điện máy gia dụng trên nền tảng thâm niên 20 năm phát triển ngành hàng điện lạnh. Điện máy gia dụng trở thành một trong 05 lĩnh vực hoạt động quan trọng của Tập đoàn.

Hòa Phát triển khai đầu tư lớn vào Điện máy gia dụng nhằm đón đầu làn sóng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc.

Tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu từ hoạt động sản xuất đồ gia dụng đạt 1 tỷ USD vào năm 2030 và trở thành nhà sản xuất thiết bị cho gia đình lớn nhất Việt Nam.

Ngày 30/11/2021, Công ty cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát đã khởi công xây dựng Trung tâm sản xuất hàng gia dụng đầu tiên tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, tỉnh Hà Nam. Trung tâm này sẽ có diện tích hơn 14 ha, chuyên sản xuất các sản phẩm bao gồm: máy làm mát không khí, máy lọc nước và máy lọc không khí. Công suất dự kiến khoảng 1 triệu sản phẩm/năm. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng Trung tâm sản xuất tại miền Nam đặt ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự kiến 2 trung tâm sản xuất tại hai miền sẽ bắt đầu hoạt động từ quí II/2022.
Song song với việc triển khai xây dựng trung tâm mới, Hòa Phát sẽ ưu tiên hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm điện lạnh, hàng gia dụng chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để hướng mạnh ra xuất khẩu.

Với chiến lược mở rộng kênh phân phối và bán hàng, sản phẩm Tủ đông, Tủ mát, Tủ lạnh, Điều hòa của Hòa Phát cũng chính thức xuất hiện tại các hệ thống siêu thị điện máy lớn trên cả nước như siêu thị Điện máy Xanh, Cao Phong (Siêu thị điện máy Chợ Lớn), điện máy HC, điện máy PICO. Từ đầu tháng 11/2021, tủ đông, tủ lạnh của Tập đoàn Hòa Phát đã được giới thiệu tại các gian hàng điện lạnh, gia dụng cũng như hệ thống website bán hàng trực tuyến của Điện máy Xanh và Cao Phong. Chi tiết liên quan đến sản phẩm, giá bán đều được niêm yết rõ ràng và dễ tìm kiếm. Với trên 2000 điểm bán hàng thuộc các hệ thống siêu thị điện máy trên cả nước, khách hàng ở khắp mọi miền đất nước có thể dễ dàng tìm mua sản phẩm phù hợp cho nhu cầu sử dụng của gia đình mình.

Với sự mở rộng kênh phân phối và những chiến lược phát triển về sản phẩm, marketing, nhân sự và bảo hành, Điện máy gia dụng Hòa Phát kỳ vọng sẽ đạt mức tăng trưởng sản lượng bán hàng mạnh mẽ trong thời gian tới.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

STT	TÊN CÔNG TY	TỔNG SỐ	TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG					GIỚI TÍNH	
			Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng & Trung cấp	CN kỹ thuật	LĐPT	Nam	Nữ
	Tổng cộng	**27.651**	**71**	**5.043**	**7.790**	**6.885**	**7.862**	**24.648**	**3.003**
A.	**LAO ĐỘNG TẠI VIỆT NAM**	**27.637**	**70**	**5.030**	**7.790**	**6.885**	**7.862**	**24.643**	**2.994**
	Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	112	2	50	17	0	43	52	60
	Tổng Công ty Gang Thép	**20.415**	**34**	**3.397**	**6.193**	**5.898**	**4.893**	**18.862**	**1.553**
1	Văn phòng Tổng Công ty	1	0	1	0	0	0	1	0
2	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	798	3	135	215	221	224	667	131
3	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	5.489	13	725	1.569	2.206	976	5.046	443
4	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	13.746	16	2.472	4.381	3.376	3.501	12.822	924
5	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	381	2	64	28	95	192	326	55
	Tổng Công ty Sản phẩm Thép	**3.881**	**15**	**749**	**1.113**	**751**	**1.253**	**3.463**	**418**
1	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	2.652	9	371	879	591	802	2.406	246
2	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	662	3	248	157	82	172	575	87
3	Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát	541	2	107	77	78	277	464	77
4	Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát	26	1	23	0	0	2	18	8
	Tổng Công ty Nông Nghiệp	**2.144**	**13**	**532**	**317**	**130**	**1.152**	**1.472**	**672**
1	Văn phòng Tổng Công ty	2	0	2	0	0	0	1	1
2	Công ty TNHH TACN Hòa Phát Hưng Yên	498	2	193	145	26	132	385	113
3	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	902	7	221	82	44	548	616	286
4	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	376	3	68	45	58	202	247	129
5	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	366	1	50	43	2	270	223	143
	Tổng Công ty Bất động sản	**605**	**6**	**177**	**43**	**54**	**325**	**430**	**175**
1	Văn phòng Tổng Công ty	2	0	1	0	1	0	1	1
2	Công ty CP Xây dựng & Phát triển Đô thị Hòa Phát	580	2	161	42	50	325	412	168
3	Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	11	2	8	0	1	0	8	3
4	Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	12	2	7	1	2	0	9	3
	Tổng Công ty Điện máy Gia dụng	**480**	**0**	**125**	**107**	**52**	**196**	**364**	**116**
1	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	480	0	125	107	52	196	364	116
B.	**Lao động tại nước ngoài**	**14**	**1**	**13**	**0**	**0**	**0**	**5**	**9**
1	Hoa Phat Trading International Pte. Ltd	13	1	12	0	0	0	4	9
2	Dragon Resource Investment Pty.Ltd	1	0	1	0	0	0	1	0

CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tập đoàn Hòa Phát là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng với hệ thống nhà máy đặt tại nhiều tỉnh thành từ Bắc vào Nam. Do đó, lực lượng lao động lên tới trên 27.600 người. Để người lao động gắn bó lâu dài, Tập đoàn đưa ra nhiều chính sách thu hút, đào tạo và các chế độ phúc lợi hấp dẫn, đồng thời tạo môi trường để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo của mình.

QUY MÔ NHÂN SỰ - CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NHÂN LỰC

Năm 2021, toàn Tập đoàn có 27.651 lao động, tăng 8,7% so với năm 2020. Trong đó, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất có số lao động cao nhất với trên 13.700 người, chiếm hơn 49% số lao động toàn tập đoàn. Số lượng lao động của Công ty này dự kiến sẽ còn tăng mạnh trong năm nay và các năm tới khi dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 dự kiến được khởi công cuối quý I/2022.

Hiện nay, số lượng CBCNV có trình độ từ trung cấp trở lên là 12.900 người, tương đương với hơn 46% tổng số lao động. Là đơn vị sản xuất công nghiệp, lực lượng lao động nam giới chiếm phần lớn trong cơ cấu lao động với trên 89%.

Lãnh đạo Tập đoàn luôn xác định chất lượng nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công của doanh nghiệp. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu. Các Công ty trong tập đoàn thường xuyên tổ chức nhiều chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động.

Trong năm, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất đã tổ chức Hội thi Kỹ năng nghề lần thứ nhất - năm 2021 diễn ra từ ngày 29-31/07/2021 với 11 nội dung thuộc hai nghề Cơ khí và Điện. Hội thi thu hút hơn 100 CBNV là đại diện của 139 đội thi đến từ 13 đoàn dự thi thuộc các bộ phận tại Công ty. Ngoài mục đích đẩy mạnh phát triển kỹ năng nghề cho lực lượng cán bộ nhân viên, Hội thi còn là dịp để phát hiện và biểu dương những lao động có tay nghề cao, thúc đẩy phong trào thi đua học tập, rèn luyện, phát huy hơn nữa năng lực sáng tạo của CBNV.

Thép Hòa Phát Dung Quất đã tổ chức đào tạo 1.818 nội dung với 25.656 lượt tham gia gồm đào tạo nghề, nâng cao năng lực. Trong đó, đào tạo chuyển đổi nghề là 1.196 lượt, đào tạo nâng cao năng lực 19.312 lượt, đào tạo hội nhập 5.148 lượt. Nội dung lĩnh vực đào tạo gồm: ATLĐ, cơ khí, công nghệ, điện, lái máy và nghiệp vụ khác. Phương pháp đào tạo linh hoạt với các hình thức đào tạo tập trung, kèm cặp chỉ dẫn, đào tạo trực tuyến và hội thảo, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm. Các học viên tham gia đào tạo đa dạng từ vị trí nhân viên tới cấp quản đốc/phó quản đốc trở lên.

Các Công ty thành viên khác của Tập đoàn cũng thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo an toàn môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, khác. Không chỉ khối Nhà máy, cán bộ nhân viên khối Văn phòng cũng được tham gia các lớp tập huấn, các khóa học chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI

Ở Hòa Phát, người lao động không chỉ được nhận lương, thưởng tháng lương thứ 13, thưởng A, B, C cuối năm mà còn được hưởng nhiều chính sách, chế độ khác. Điển hình như trao thưởng cho các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến, áp dụng thành công sản xuất. Nhờ vậy, các CBCNV luôn tận tâm, được phát huy hết khả năng sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc. Hàng chục các sáng kiến cải tiến đã ra đời, làm lợi hơn 100 tỷ đồng cho Tập đoàn.

Đặc biệt, Hòa Phát luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước đối với người lao động. Tất cả CBCNV đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế… Các Công ty trong Tập đoàn còn phối hợp với tổ chức Công đoàn cơ sở, xây dựng nhiều chương trình chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CBCNV. Trường

hợp người lao động có hoàn cảnh khó khăn, đau ốm hoặc người thân bị bệnh nặng luôn được kịp thời chia sẻ, thăm hỏi đồng thời có sự giúp đỡ, hỗ trợ về chi phí sinh hoạt và chữa trị.

Trước tác động của dịch Covid-19, Tập đoàn đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp phòng chống lây nhiễm như bắt buộc đeo khẩu trang, sát khuẩn tay, đo thân nhiệt trước khi vào làm việc; phun khử trùng cho các khuôn viên văn phòng, nhà xưởng. Ngoài ra, Tập đoàn còn áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ, tuyên truyền như dán poster hướng dẫn tại các văn phòng, nhà máy, bố trí nước rửa tay, phát khẩu trang miễn phí cho khách hàng, đối tác đến làm việc để đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn; tổ chức tiêm vắc-xin Covid-19 cho người lao động, test Covid-19 định kỳ cho CBNV và cho người lao động trở về từ vùng có dịch trước khi vào làm việc.

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THỂ THAO

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch covid-19 nên các hoạt động, sự kiện văn hóa - thể thao không được các Công ty triển khai tổ chức rộng rãi để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, một số hoạt động được tổ chức ở quy mô nhỏ, vào các thời điểm dịch lắng xuống.

Hưởng ứng chủ trương vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế của Chính phủ, Tập đoàn Hòa Phát sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp phòng dịch nghiêm ngặt, đồng thời đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Đây cũng là giải pháp then chốt để Tập đoàn hoàn thành các mục tiêu đề ra trong thời gian tới, qua đó tạo việc làm và thu nhập ổn định, thực hiện các chương trình phúc lợi tốt hơn cho người lao động.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN LỚN

Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2

- Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.
- Tổng vốn đầu tư: 85.000 tỷ đồng.
- Công suất: 5,6 triệu tấn thép cuộn cán nóng/năm.
- Tiến độ: Dự kiến bắt đầu khởi công trong Quý I/2022.

Thời gian thi công trong vòng 03 năm, dự kiến đi vào hoạt động cuối năm 2024.

Dự án Nhà máy sản xuất container Hòa Phát – Bà Rịa Vũng Tàu

- Địa chỉ: Khu B5, đường Đ, KCN Phú Mỹ II mở rộng, phường Tân Phước,

Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Vốn đầu tư: 3.000 tỷ đồng.
- Công suất: 500.000 TEU/năm, trong đó modul giai đoạn 1 là 200.000 TEU/năm.
- Tiến độ: Dự án được khởi công từ tháng 11/2021. Dự kiến Nhà máy được đưa vào

chạy thử trong Quý III/2022 và bắt đầu cung cấp sản phẩm ra thị trường từ Quý IV/2022.

Dự án Khu đô thị Bắc Phố Nối, Hưng Yên

- Địa chỉ: xã Phan Đình Phùng, xã Nhân Hòa, thị trấn Bần Yên Nhân,

thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Diện tích: 262 ha.
- Quy mô: Tổ hợp khu đô thị gắn liền hạ tầng xã hội bao gồm trung tâm thương mại,

dịch vụ văn phòng, chung cư cao tầng, thấp tầng, nhà liền kề, nhà biệt thự.

- Tổng đầu tư: Dự án chia thành 2 phân kỳ. Tổng đầu tư phân kỳ 1 dự kiến khoảng 6.500 tỷ đồng.

Sau khi hoàn thành phân kỳ 1 sẽ tiếp tục đầu tư phân kỳ 2.

- Tiến độ: Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng cây xanh và cơ sở hạ tầng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

- Mã chứng khoán: ***HPG***
- Ngày bắt đầu niêm yết: ***15/11/2007***
- Số cổ phiếu đang lưu hành: ***4.472.922.706*** cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm

- Ngày 04/06/2021, HPG thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành do phát hành cổ phiếu để

trả cổ tức năm 2021:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: ***33.132.826.590.000*** đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: ***44.729.227.060.000*** đồng
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 28/06/2021

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO NHÓM CỔ ĐÔNG

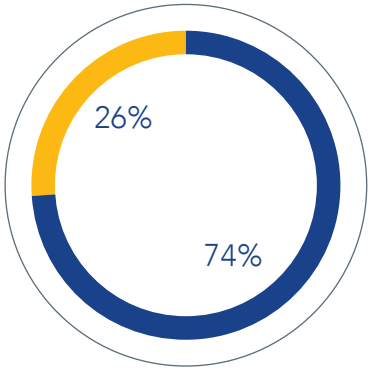

Cổ đông trong nước
Cổ đông nước ngoài

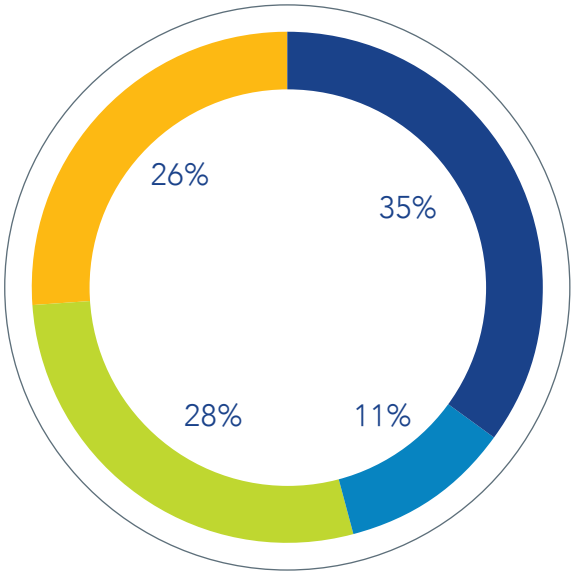

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng
Người có liên quan
Cổ đông trong nước khác
Cổ đông nước ngoài

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu % (31/03/2022)
1	Trần Đình Long	119 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.166.400.000	26,08%
2	Vũ Thị Hiền	119 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	328.131.000	7,34%
		Tổng cộng	**1.494.531.000**	**33,42%**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ(%)	
1	Bùi Thị Hải Vân	Trưởng BKS	5.838	0,00	-	0,00	Bán
2	PENM III Germany GMBH @ CO.KG	Quỹ có liên quan Mr Hans Christian - TV HDQT	66.520.003	2,01	-	0,00	Bán
3	Nguyễn Thị Mai Lan	Chị dâu ông Tạ Tuấn Quang TV HĐQT	78.000	0,00	83.000	0,00	Mua
4	Trần Tuấn Dương	Phó CT HĐQT	88.645.414	2,68	103.471.308	2,31	Bán + cổ tức 2020
5	Trần Ngọc Diệp	Con ông Trần Tuấn Dương Phó CT HĐQT	-	0,00	5.400.000	0,12	Mua + cổ tức 2020
6	Trần Bảo Ngọc	Con ông Trần Tuấn Dương - Phó CT HĐQT	10	0,00	5.400.013	0,12	Mua + cổ tức 2020
7	Trần Gia Bảo	Con ông Trần Tuấn Dương - Phó CT HĐQT	0	0,00	5.400.000	0,12	Mua + cổ tức 2020
8	Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó CT HĐQT	87.148.096	2,63	101.449.929	2,27	Bán + cổ tức 2020
9	Nguyễn Tuấn Tú	Con ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Phó CT HĐQT	0	0,00	8.100.000	0,18	Mua + cổ tức 2020
10	Nguyễn Đức Duy	Con ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Phó CT HĐQT	0	0,00	8.100.000	0,18	Mua + cổ tức 2020
11	Nguyễn Mạnh Hùng	Anh trai ông Nguyễn Ngọc Quang TV HĐQT	233.973	0,01	235.864	0,01	Bán, cổ tức 2020
12	Trần Vũ Minh	Con trai ông Trần Đình Long CT HĐQT	48.000.000	1,45	69.800.000	1,56	Mua+ cổ tức 2020

BẢNG THEO DÕI TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC CỦA HPG NĂM 2007 - 2021

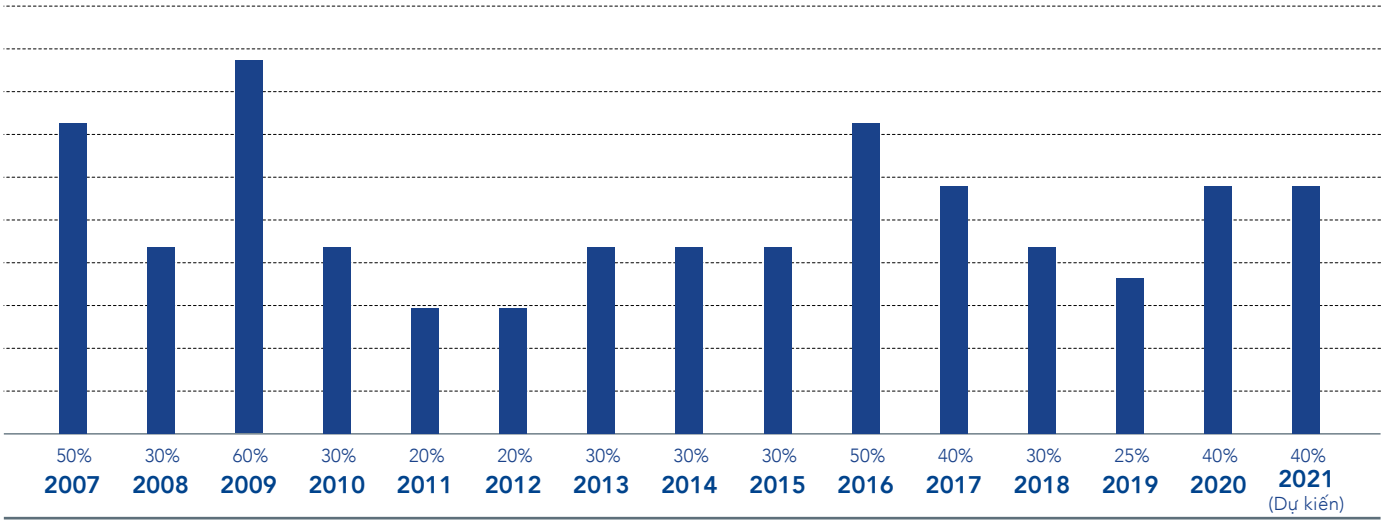

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT TỪ NĂM 2007-2021 (tỷ đồng)

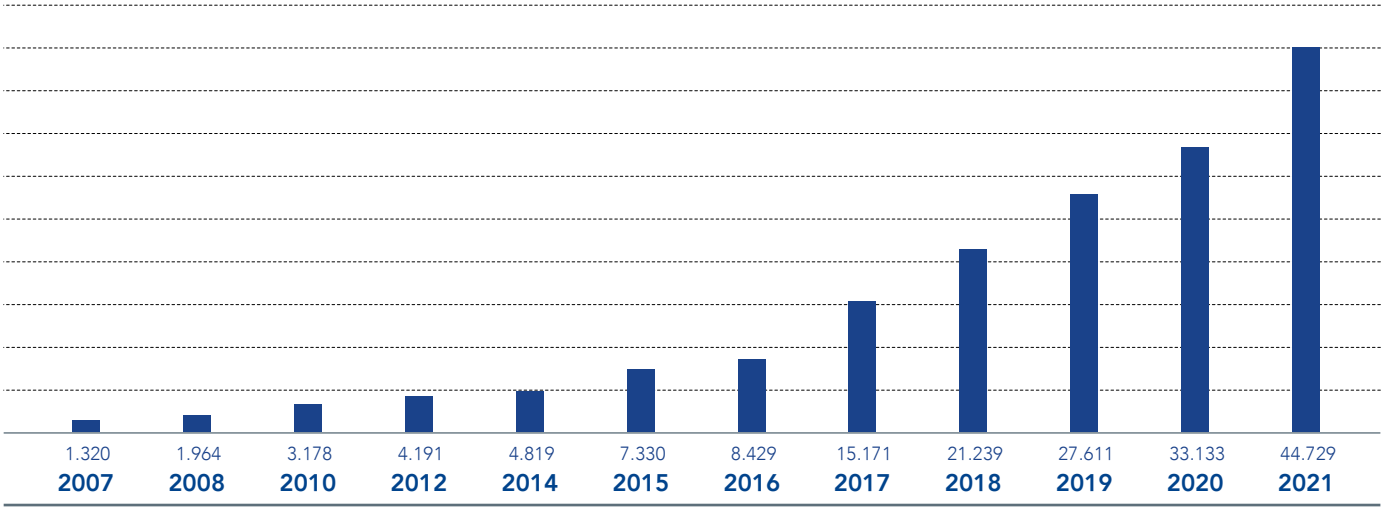

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) là một trong các doanh nghiệp trong rổ VN30 – 30 cổ phiếu lớn (bluechips) trên sàn chứng khoán niêm yết HOSE. HPG luôn là một trong các mã cổ phiếu thu hút sự quan tâm rất lớn từ các cổ đông, nhà đầu tư trên thị trường. Vì vậy, việc thường xuyên cập nhật thông tin, tương tác với các cổ đông, công chúng đầu tư là rất cần thiết và luôn được Ban lãnh đạo HPG quan tâm chỉ đạo nhằm ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quan hệ cổ đông (IR).

Mục tiêu của Công ty là minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông, các nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin. Việc trao đổi, công bố thông tin đảm bảo minh bạch, công khai và tạo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.

Để đảm bảo phòng chống dịch Covid 19, năm vừa qua bộ phận Quan hệ cổ đông duy trì sự tương tác thường xuyên, hàng ngày với các cổ đông, chuyên gia phân tích, tổ chức nhà đầu tư trong nước và ngoài nước chủ yếu thông qua hình thức trực tuyến hoặc qua email, điện thoại. HPG cũng thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình sản xuất, tiêu thụ các ngành hàng chính như thép, nông nghiệp, bất động sản... và tiến độ dự án Khu liên hợp gang thép tại Dung Quất.

Ngoài ra, HPG tham gia các buổi gặp mặt nhà đầu tư trong và ngoài nước do công ty chứng khoán tổ chức. Nhiều quỹ đầu tư đã tới tìm hiểu và cập nhật thông tin về Hòa Phát như Dragon Capital, VOF, PENM, Consilium, RWC, RBC, Harding Loevner, Schroders….

Với 4,4 tỷ cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE, HPG hiện có vốn hóa gần 10 tỷ đô la Mỹ, nằm trong Top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tháng 10/2021, HPG lần đầu tiên được xếp vào Top 15 DN thép có vốn hóa lớn nhất thế giới. Tập đoàn Hòa Phát (HPG) vinh dự nằm trong Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất được nhà đầu tư và các định chế tài chính đánh giá cao nhất.

Trong năm tới, HPG sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tạo quan hệ với nhà đầu tư nhằm tiếp cận và cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tốt hơn cũng như nhanh chóng phản hồi, giải đáp thông tin cho các nhà đầu tư đảm bảo tính chính xác và kịp thời. Quý cổ đông, nhà đầu tư có thể liên hệ với chúng tôi qua email: ir@hoaphat.com.vn.

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG
3. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM
4. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT & TỶ LỆ SỞ HỮU

TRẦN ĐÌNH LONG

Chủ tịch HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1992

Ông Trần Đình Long là cổ đông sáng lập, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hòa Phát. Ông đã xây dựng nền móng đầu tiên của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, tiền thân Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát và của Tập đoàn Hòa Phát hiện nay. Ông quy tụ được nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, đồng tâm về chí hướng, có tinh thần trách nhiệm cao. Trong quá trình hình thành và phát triển của Tập đoàn Hòa Phát, ông luôn là người định hướng chiến lược cho từng Công ty.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 **26,08%**

TRẦN TUẤN DƯƠNG

Phó Chủ tịch HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1992

Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 1/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều Công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, Công ty CP Nội thất Hòa Phát, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát. Với bề dày kinh nghiệm, ông đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế của thương hiệu thép Hòa Phát nói riêng cũng như toàn Tập đoàn nói chung.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 **2,31%**

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Phó Chủ tịch HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1996

Năm 1996, ông Nguyễn Mạnh Tuấn là Phó Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát kiêm Trưởng phòng Kinh doanh. Từ tháng 10/2004, ông Tuấn đảm nhiệm vai trò Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát. Ông đã đưa Ống thép Hòa Phát trở thành nhà sản xuất ống thép hàng đầu tại Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 **2,27%**

DOÃN GIA CƯỜNG

Phó Chủ tịch HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1999

Khi gia nhập Hòa Phát, ông Doãn Gia Cường được bổ nhiệm là Phó Giám đốc, sau đó là Giám đốc Công ty CP Nội thất Hòa Phát. Từ tháng 1/2007, ông kiêm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT. Với những định hướng rõ ràng và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, ông góp phần đưa thương hiệu Nội thất Hòa Phát ngày càng trở nên gần gũi với mỗi người dân Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 1,25%

HOÀNG QUANG VIỆT

Thành viên HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Tốt nghiệp Đại học An ninh
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2001

Ông Hoàng Quang Việt gia nhập Hòa Phát với vị trí Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát. Với cương vị Giám đốc từ năm 2001, ông đã cùng Công ty gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực bất động sản, với khởi đầu là xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phố Nối A. Từ thành công đầu tiên này, ông và Ban lãnh đạo Công ty hoạch định nhiều dự án triển vọng về nhà ở và khu công nghiệp khác.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,49%

NGUYỄN VIỆT THẮNG

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2003

Ông Nguyễn Việt Thắng có gần 20 năm kinh nghiệm lãnh đạo tại Tập đoàn Hòa Phát với các vị trí Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn, Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát, Giám đốc Công ty Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên, Giám đốc Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương. Ngày 26/4/2021, ông Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tập đoàn Hòa Phát.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,32%

NGUYỄN NGỌC QUANG

Thành viên HĐQT

- **Trình độ chuyên môn:** Trung cấp
- **Ngày vào Công ty:** Năm 1992

Ông Nguyễn Ngọc Quang có 4 năm (1992-1996) là Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát tại TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 1997 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát (nay là Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát). Những sản phẩm của Công ty do ông lãnh đạo đã chinh phục được khách hàng trong và ngoài nước về cả chất lượng sản phẩm, giá thành và dịch vụ hậu mãi.

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 1,87%

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2021, dịch Covid-19 đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế – xã hội nói chung và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Hòa Phát nói riêng. Tuy nhiên vượt qua khó khăn, Hòa Phát vẫn gặt hái kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm vừa qua.

LĨNH VỰC GANG THÉP

Trong bối cảnh nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19, các khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát tại Hải Dương, Dung Quất – Quảng Ngãi, Hưng Yên vẫn hoạt động hết công suất để phục vụ thị trường trong và ngoài nước. Trong năm qua, Tập đoàn đã cung cấp cho thị trường tổng cộng 8,8 triệu tấn thép bao gồm phôi, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng (HRC), ống thép và tôn mạ, tăng 35% so với cùng kỳ. Hòa Phát tiếp tục giữ thị phần số 1 Việt Nam về thép xây dựng với 32,6%.

Ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị nhận định thị trường xuất khẩu sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong năm 2021. Với nhận định chính xác và hướng điều hành hợp lý, hoạt động xuất khẩu trong lĩnh vực gang thép đóng góp 2,6 triệu tấn sản phẩm các loại cho sản lượng năm 2021, gấp đôi so với cùng kỳ. Việc đẩy mạnh xuất khẩu giúp Hòa Phát đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong khi thị trường trong nước bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19, đồng thời góp phần thu ngoại tệ và cân bằng cán cân thương mại của Việt Nam.

Tập đoàn đang tập trung triển khai nhiều dự án lớn, trong đó ưu tiên hàng đầu là dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, Dự án Cảng tổng hợp tại Khu kinh tế Dung Quất. Những dự án này hoàn thành sẽ nâng tầm quy mô và thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn cho Tập đoàn Hòa Phát.

LĨNH VỰC SẢN PHẨM THÉP

Năm 2021, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát tròn 25 năm phát triển (20/8/1996 – 20/8/2021). Từ một vài máy ban đầu, giờ đây, Ống thép Hòa Phát có cả trăm máy cắt, uốn ống và trở thành Công ty sản xuất ống thép có thị phần số 1 Việt Nam. Dự kiến từ năm 2022 - 2025, Ống thép Hòa Phát triển khai xây dựng dự án nhà máy sản xuất ống thép lớn nhất tại tỉnh Long An. Mục tiêu của Công ty đến năm 2025 sẽ đạt sản lượng 1,25 triệu tấn và thị phần nâng lên 35%.

Sản phẩm tôn mạ cũng có một năm xuất khẩu rực rỡ khi đạt 297.000 tấn. Kết quả này chủ yếu là nhờ thị trường xuất khẩu sản phẩm tôn có nhiều khởi sắc. Với lợi thế tự chủ nguyên liệu thép cuộn cán nóng, sản phẩm Tôn mạ, ống thép Hòa Phát có nhiều lợi thế trên thị trường xuất khẩu, nhất là Mỹ và EU.

Sản phẩm thép hạ nguồn khác là thép dự ứng lực, chế biến sâu từ thép cuộn chất lượng cao. Đầu năm 2021, Công ty Chế tạo Kim loại Hòa Phát ra mắt thị trường cáp thép dự ứng lực – PC Strand, đưa tổng sản lượng thép dự ứng lực cả trong nước và xuất khẩu tăng cao gấp đôi so với cùng kỳ.

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Bước sang năm thứ 6, lĩnh vực nông nghiệp của Tập đoàn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Dù vậy, các nhà máy thức ăn chăn nuôi Hòa Phát, trang trại chăn nuôi bò Úc, trứng gà sạch và heo an toàn sinh học của Tập đoàn vẫn duy trì sản lượng ở mức phù hợp nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường. Giữ vững vị thế 5 năm liền là đơn vị nhập khẩu Bò Úc nhiều nhất về Việt Nam. Trứng gà sạch Hòa Phát hiện đạt 800.000 quả/ngày, tương đương 300 triệu quả/năm, dẫn đầu miền Bắc và được phân phối tại hầu hết các siêu thị lớn. Trong năm, Hòa Phát đã đầu tư mở rộng chăn nuôi heo tại một số địa phương, sản lượng năm 2021 ước đạt gần 450.000 con.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hòa Phát đặt mục tiêu 5 năm tới sẽ phát triển doanh thu mảng nông nghiệp gấp đôi năm 2020. Công suất thức ăn chăn nuôi dự kiến đạt 1 triệu tấn/năm, 200.000 con bò Úc, 300 triệu quả trứng, 750.000 con heo thành phẩm mỗi năm.

LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Hòa Phát tham gia lĩnh vực bất động sản từ năm 2001 với dự án đầu tiên là Khu công nghiệp Phố Nối A – Hưng Yên. Sau 20 năm, tổng quỹ đất KCN mà Hòa Phát đã được phê duyệt quy hoạch là 1.133 ha. Với bất động sản nhà ở, khu đô thị, Hòa Phát bắt đầu phát triển một số dự án từ năm 2010.

Từ cuối năm 2020 đến nay, Tổng Công ty Bất động sản và các công ty trực thuộc đã ra đời nhằm đưa lĩnh vực này sang một giai đoạn phát triển mới. Kế hoạch của Hội đồng Quản trị là trong 10 năm tới, Tập đoàn Hòa Phát sẽ phát triển 10 KCN bao gồm cả các KCN hiện nay đang có. Đối với mảng dự án nhà ở - khu đô thị, Hội đồng Quản trị định hướng Tập đoàn tập trung phát triển các dự án đô thị - dịch vụ, đóng góp vào quá trình đô thị hóa các khu dân cư hiện hữu của địa phương.

LĨNH VỰC ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

Quý IV/2021, Tập đoàn Hòa Phát đã thành lập Tổng Công ty Điện máy gia dụng Hòa Phát, đầu tư lớn, bài bản vào ngành hàng điện máy gia dụng trên nền tảng thâm niên 20 năm phát triển ngành hàng điện lạnh.

Định hướng của Hội đồng Quản trị Tập đoàn khi triển khai đầu tư lớn vào điện máy gia dụng là nhằm đón đầu làn sóng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc. Tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu từ hoạt động sản xuất đồ gia dụng đạt 1 tỷ USD vào năm 2030 và trở thành nhà sản xuất thiết bị gia dụng lớn nhất Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hòa Phát đang hoạt động và đóng góp ngân sách nhà nước tại 25 tỉnh, thành phố trên cả nước. Số nộp ngân sách Nhà nước của Tập đoàn năm 2021 là 12.500 tỷ đồng, bình quân hơn 1.000 tỷ đồng mỗi tháng.

Trong năm 2021, Tập đoàn cũng tích cực ủng hộ các Bộ ngành, địa phương phòng chống dịch COVID-19 bằng nhiều hình thức khác nhau. Tính đến nay, Tập đoàn Hòa Phát đã dành gần 160 tỷ đồng đóng góp vào quỹ vắc xin của Nhà nước và các tỉnh thành, tài trợ công tác phòng chống dịch tại các địa phương thông qua Mặt trận Tổ quốc, tặng sinh phẩm, trang thiết bị y tế cho các bệnh viện trên cả nước.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Hòa Phát gồm những thành viên đã sát cánh gây dựng Tập đoàn từ những ngày đầu luôn trăn trở về việc lựa chọn, đào tạo lớp kế cận để lớp thế hệ lãnh đào đầu tiên có thể dần chuyển lên giữ vị trí cố vấn, chuyển giao việc điều hành cho thế hệ kế cận. Nằm trong định hướng chiến lược đó, tháng 4/2021, Hội đồng Quản trị đã quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Thắng làm Tổng Giám đốc Tập đoàn Hòa Phát thay cho ông Trần Tuấn Dương. Sau 01 năm, dưới sự điều hành của tân Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị đánh giá cao những nỗ lực và kết quả mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn và Ban Giám đốc các công ty thành viên đã làm được trong năm vừa qua. Lũy kế năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát ghi nhận doanh thu 150.800 tỷ đồng, tăng 65% so với 2020. Lợi nhuận sau thuế lần đầu cán mốc 34.520 tỷ đồng, vượt 92% kế hoạch năm và tăng 1,56 lần với năm trước. Từng lĩnh vực kinh doanh đều đã có những cải thiện mạnh mẽ, làm tiền đề cho sự phát triển trong các năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh và vẫn đảm bảo thực hiện chủ trương định hướng của Hội đồng Quản trị.

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã có những hoạt động giám sát cụ thể như sau:

- Từng thành viên Hội đồng Quản trị là những người chuyên trách trong từng lĩnh vực, kiêm nhiệm Giám đốc các công ty thành viên phụ trách các dự án đầu tư lớn của Tập đoàn.
- Thường xuyên chỉ đạo sát sao Ban Giám đốc các Công ty thành viên trong hoạt động đầu tư các dự án mới, ổn định tình hình sản xuất trong thời điểm giãn cách xã hội, tìm kiếm thị trường bán hàng mới,...
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.
- Lập kế hoạch và chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án đã và đang triển khai của các công ty thành viên trong Tập đoàn.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết và thông qua nhiều nội dung quan trọng:

- **Thông qua việc chuyển nhượng các Công ty thành viên trong Tập đoàn vào 3 tổng Công ty: Gang thép, Sản phẩm thép, Bất động sản.**
- **Thông qua bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 để trình ĐHĐCĐ quyết định.**
- **Thông qua việc thành lập Tổng Công ty thứ 5 của Tập đoàn: Công ty cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát.**
- **Thông qua việc góp tăng vốn tại các tổng Công ty: Gang thép, Sản phẩm thép, Bất động sản.**
- **Và nhiều quyết định quan trọng khác.**

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Để trong năm 2022 nước ta đạt được sự phục hồi và phát triển kinh tế như mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP thì ngay từ năm 2021 Chính phủ đã có sự chuyển hướng chiến lược về phòng, chống dịch bệnh. Ngày 11/10/2021, Chính phủ ra Nghị quyết 128/NQ-CP về việc ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", đánh dấu việc Việt Nam chính thức từ bỏ chiến lược "Zero COVID-19" nhằm phục hồi kinh tế - xã hội một cách tốt nhất. Việc chuyển hướng chiến lược này đã tạo ra tiền đề thuận lợi cho kinh tế Việt Nam từng bước phục hồi và tiếp tục phát triển trong năm 2022.

Hội đồng Quản trị định hướng Hòa Phát sẽ luôn ở trong tâm thế sẵn sàng thích ứng an toàn, linh hoạt với tình hình để sản xuất – kinh doanh có hiệu quả và phát huy những kết quả tốt đã đạt được trong năm 2021. Với tâm thế đó, Hội đồng Quản trị Tập đoàn định hướng năm 2022 như sau:

- Tích cực thực hiện Dự án chuyển đổi số với lộ trình đầu tư 39 hạng mục nhằm số hóa dữ liệu, tiến tới chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.
- Đẩy nhanh thực hiện các dự án quan trọng của Tập đoàn. Đặc biệt là Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và các dự án bất động sản tại các tỉnh thành trên cả nước….
- Nghiên cứu, tìm hiểu các dự án mới, lĩnh vực mới, đặc biệt là phát triển theo chiều sâu đối với các dự án có liên quan đến các mảng hoạt động của Tập đoàn nhằm tận dụng nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có.
- Tăng cường công tác quản trị Tập đoàn, nâng cao hoạt động quản trị rủi ro.
- Đảm bảo ổn định tinh thần và động lực làm việc của người lao động, đặc biệt trong giai đoạn diễn biến bất ổn của dịch COVID-19 như năm vừa qua.
- Đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, tài trợ, nhất là trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội phải trải qua nhiều bất ổn từ dịch bệnh, thiên tai.

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

5

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. DANH SÁCH NHÂN SỰ, TỶ LỆ SỞ HỮU
2. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
3. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

DANH SÁCH NHÂN SỰ VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

BÙI THỊ HẢI VÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2008

Trước khi giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát, Bà Bùi Thị Hải Vân đã từng giữ chức vụ Phó Phòng Kế toán – Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (2008-2016); Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2016 đến nay).

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,00%

LÊ MINH THUÝ

Thành viên Ban Kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kiểm toán
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2017

Trước khi giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát, bà Lê Minh Thúy đã từng giữ chức vụ Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Nexia STT (2015-2017); Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2017 đến nay).

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,00%

NGÔ LAN ANH

Thành viên ban Kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Luật sư
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2015

Trước khi được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát, bà Ngô Lan Anh đã từng giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (2016 đến nay); Chuyên viên Ban Pháp chế Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (2015 - nay).

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,00%

THÁI THỊ LỘC

Thành viên ban Kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật Thương mại Quốc tế
- **Ngày vào Công ty:** Năm 2015

Trước khi trở thành thành viên của Ban Kiểm soát, bà Thái Thị Lộc là chuyên viên Ban Pháp chế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (từ năm 2015 đến nay).

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/03/2022 0,00%

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021, Đại hội đã bầu ra nhân sự Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2021-2026 bao gồm 4 thành viên, do Bà Bùi Thị Hải Vân làm Trưởng ban.

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn. Ban Kiểm Soát đã họp hai lần trong năm với sự tham dự đầy đủ của các thành viên về nội dung thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính bán niên 2021 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH KPMG, và thống nhất các công việc thực hiện trong năm.

Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Công ty năm 2021 tập trung chủ yếu vào các vấn đề trọng tâm sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành của pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Cập nhật, xem xét tiến độ thực hiện các dự án đang trong giai đoạn đầu tư: Dự án nhà máy Container, Dự án nhà máy điện máy gia dụng Hà Nam, Dự án nhà máy điện máy gia dụng Phú Mỹ,… và các dự án thành phần trong dự án chuyển đổi số của Tập đoàn.
- Xem xét báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, năm trước khi gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, đồng thời xem xét kết quả đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ, các Công ty con và báo cáo hợp nhất Tập đoàn. Theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập của các đơn vị trong Tập đoàn và có trao đổi kịp thời với Ban giám đốc các Công ty.
- Phối hợp cùng Ban kiểm soát nội bộ kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình đang thực hiện. Có ý kiến đóng góp kịp thời để các Công ty điều chỉnh và tuân thủ đúng quy tắc đã đặt ra.

Qua các hoạt động trên, BKS không nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, các hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ. BKS đánh giá cao kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành công ty hoạt động tốt với doanh thu 150.800 tỷ đồng, tăng 65% so với 2020, lợi nhuận 34.520 tỷ đồng, vượt 92% kế hoạch năm và tăng 1,56 lần so với năm trước, giữa bối cảnh đại dịch Covid còn nhiều khó khăn.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động 2022, Ban Kiểm soát kiến nghị tới Hội đồng quản trị và Ban Điều hành một số nội dung trọng tâm, bao gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình hoạt động của hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Tăng cường phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ nhằm đưa ra các đánh giá độc lập cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan bên ngoài tổ chức về sự phù hợp và hiệu quả của các quy trình quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn theo định hướng rủi ro.
- Chuẩn hóa các chính sách, quy trình hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro tại các Công ty thành viên phù hợp với mục tiêu, chiến lược chung đã được thiết lập của Tập đoàn.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ công ty.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thực hiện chức năng và quyền hạn theo quy định tại điều lệ hoạt động của Tập đoàn, Ban kiểm soát nội bộ (BKSNB) đã chủ động kiểm tra tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tính tuân thủ của các Công ty thành viên đúng với các quy định của pháp luật và quy chế quản trị của Tập đoàn thông qua các công việc thường xuyên, định kỳ, đột xuất như sau:

- Tiến hành rà soát Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm phối hợp cùng Ban tài chính đảm bảo số liệu trung thực, hợp lý, hợp lệ tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành trước khi trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố thông tin ra bên ngoài theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tập đoàn và các Công ty thành viên. Xem xét các kiến nghị của Kiểm toán độc lập đảm bảo tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Phối hợp với các Công ty thành viên làm việc với các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan Thuế trong những đợt thanh kiểm tra.
- Tư vấn các vướng mắc về các chính sách kế toán, thuế cho các Công ty trong Tập đoàn căn cứ theo văn bản pháp luật hiện hành. Đồng thời, tìm hiểu và cập nhật những điểm chính sách mới trong các văn bản luật, nghị định, thông tư… có ảnh hưởng đến các ngành nghề hoạt động trong Tập đoàn.
- Tìm hiểu về Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) chuẩn bị cho việc áp dụng lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS, đồng thời thực hiện đào tạo cho nhân sự kế toán trong toàn Tập đoàn tiếp cận với IFRS và cách thức thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang IFRS.
- Thực hiện các cuộc kiểm soát tổng thể tại các Công ty thành viên, tập trung vào các nội dung: Quản lý tiền mặt, tạm ứng; quản lý công nợ phải thu; quản lý hàng tồn kho; hạch toán kế toán và kê khai thuế;... Thông qua đó tư vấn cho Ban giám đốc cải thiện hệ thống kiểm soát trong các quy trình hoạt động kinh doanh của từng Công ty.
- Rà soát, kiểm tra chính sách bán hàng được ban hành tại các Công ty thành viên, đảm bảo việc áp dụng các chính sách linh hoạt và theo đúng quy định đăng ký của pháp luật.
- Thực hiện chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho giữa kỳ và cuối kỳ tại các Công ty thành viên đảm bảo không có chênh lệch giữa số lượng thực tế với số liệu sổ sách kế toán. Ngoài ra, đưa ra đánh giá về quy trình thực hiện kiểm kê có đúng quy trình, quy định của Công ty.
- Thực hiện so sánh, đối chiếu giá nhập mua vật tư giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn. Yêu cầu giải trình khi có chênh lệch. Kiểm tra quy trình tạo mã trên hệ thống mã vật tư của Tập đoàn và đưa ra kiến nghị nhằm chuẩn hóa hệ thống mã vật tư.
- Phối hợp với các ban dự án trong Tập đoàn, tiến hành kiểm tra quá trình thực hiện dự án của các Công ty thành viên nhằm đưa ra những tư vấn cải thiện sản phẩm đầu ra của dự án.

Trong năm 2021, các hoạt động của các Công ty trong toàn Tập đoàn đều tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật và các quy định nội bộ trong Tập đoàn, qua đó đạt được những kết quả đáng kể. Một số sai sót nhỏ có mức độ ảnh hưởng không đáng kể trong quá trình hoạt động đã được BKSNB đề xuất phương án khắc phục.

Năm 2022, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn, BKSNB dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào công tác kiểm tra. Phương hướng nhiệm vụ của BKSNB trong năm tới như sau:

- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của Tập đoàn để kiểm tra đột xuất và định kỳ theo từng chuyên đề cụ thể tại các Công ty thành viên.
- Cập nhật thường xuyên và kịp thời các thay đổi liên quan đến chính sách thuế, kế toán có liên quan tới hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn.
- Tích cực nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các biện pháp nhằm nâng cao tính minh bạch, giám sát và phòng ngừa rủi ro trong các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty trong toàn Tập đoàn.

HÒA PHÁT®
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

6

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. HÒA PHÁT HƯỚNG TỚI
2. GIẢM PHÁT THẢI, SẢN XUẤT THÉP XANH
3. SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT
4. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI
5. TIẾN XA HƠN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ
6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI - CỘNG ĐỒNG

HÒA PHÁT HƯỚNG TỚI GIẢM PHÁT THẢI, SẢN XUẤT THÉP XANH

Tập đoàn Hòa Phát hiện là nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á với công suất thép thô 8,5 triệu tấn/năm. Các Khu liên hợp sản xuất gang thép tại Hải Dương và Quảng Ngãi đều áp dụng quy trình sản xuất thép khép kín từ thượng nguồn (quặng sắt) tới các loại thép thành phẩm. Hòa Phát đã dành 20-30% tổng vốn cố định cho các hạng mục xử lý môi trường, đảm bảo đáp ứng ở mức tốt hơn các tiêu chuẩn môi trường hiện hành của Việt Nam, hướng tới sản xuất thép xanh, giảm phát thải gây hiệu ứng nhà kính.

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TỔNG THỂ

Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát sản xuất theo phương pháp đầu tư chế biến sâu từ quặng sắt với lưu trình công nghệ: (Thiêu kết + Vê viên + Than cốc) → Lò cao → Lò thổi → Đúc phôi → Cán thép. Các công đoạn đều ứng dụng công nghệ mới, trang thiết bị sản xuất tiên tiến, trình độ tự động hóa cao và đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

Quá trình sản xuất được thực hiện với hệ thống tự động và điều khiển tập trung tại các Phòng điều khiển trung tâm. Khí thải từ quá trình luyện gang lò cao, thiêu kết, luyện thép được giám sát tự động liên tục. Nhiệt dư, khí than trong quá trình luyện than coke, luyện gang thép được tận dụng tối đa để vận hành máy phát điện, phục vụ trở lại sản xuất. Nhà máy luyện cốc sử dụng phương pháp làm nguội cốc bằng công nghệ dập coke khô (CDQ) cho phép thu hồi nhiệt để phát điện. Toàn bộ bụi từ các hệ thống lọc bụi đều được thu hồi tuần hoàn chuyển sang công đoạn thiêu kết để làm nguyên liệu.

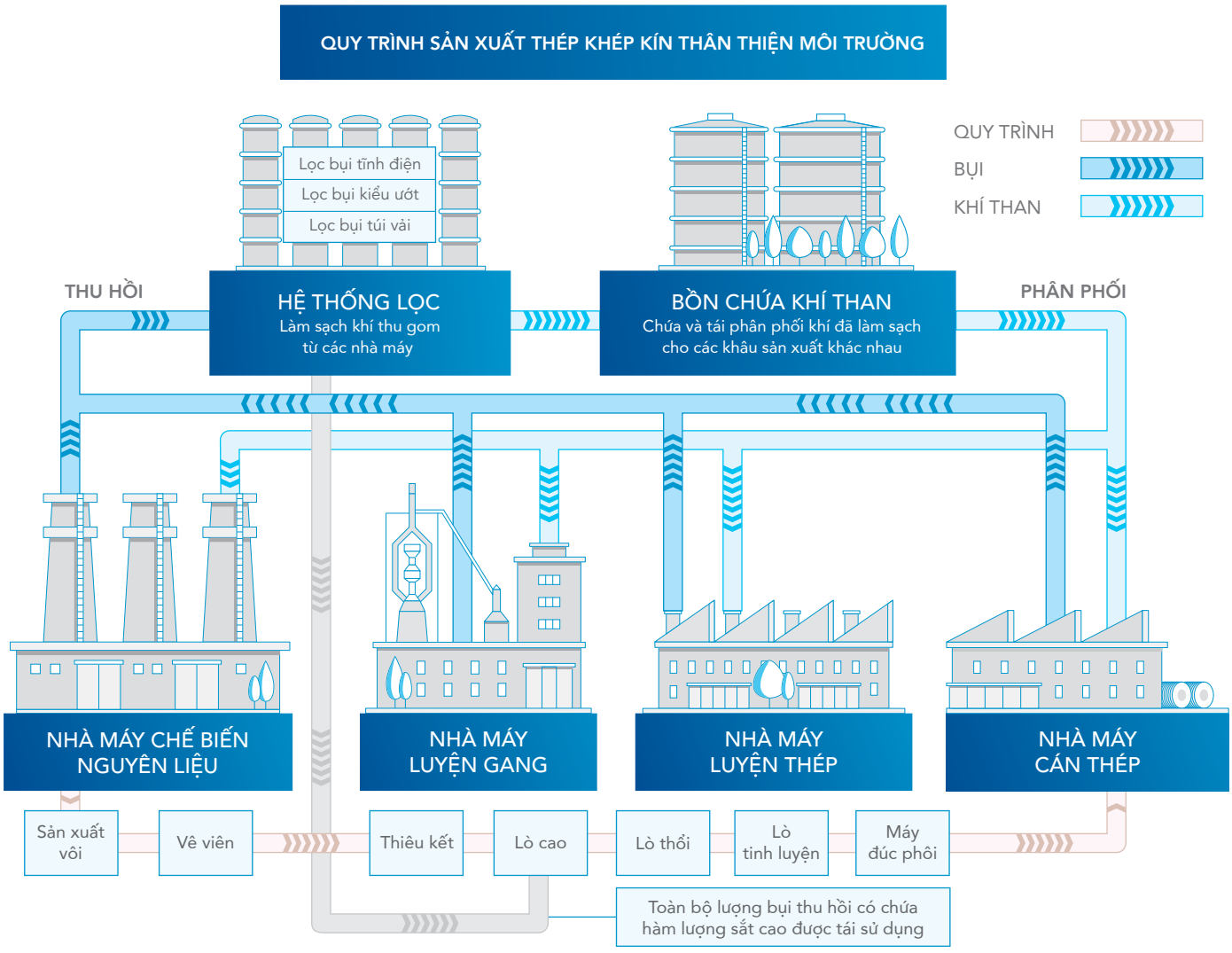

KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT GANG THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT – QUẢNG NGÃI

Với công suất trên 5 triệu tấn/năm, Khu liên hợp (KLH) này có gần 82 ống khói thải đi kèm là các hệ thống lọc bụi, xử lý khí thải. Hệ thống lọc bụi túi vải được lắp đặt tại khu vực Nhà máy Vôi xi măng, Nhà máy luyện gang, Nhà máy luyện thép, Nhà máy thiêu kết vê viên, Nhà máy nhiệt điện, Nhà máy nguyên liệu, Nhà máy luyện coke. Ngoài ra, các Nhà máy nhiệt điện, thiêu kết, vê viên, luyện thép còn có thêm hệ thống khử lưu huỳnh, hệ thống lọc bụi trọng lực, lọc bụi tĩnh điện, xử lý NOx, xử lý Dioxin/Furan.

Về nước thải, KLH có 02 hạng mục xử lý nước thải sản xuất 800 m³/h và nước thải sinh hoạt 1.100 m³/ngày đêm. Ngoài ra KLH đã đầu tư trạm xử lý nước trung tâm xử lý nước mặt khai thác từ sông Trà Bồng với tổng công suất thiết kế là hơn 100.000 m³/h cung cấp cho các hạng mục nước làm mát tuần hoàn, sinh hoạt và PCCC. Công nghệ xử lý nước chính được áp dụng là biện pháp hóa lý (keo tụ tạo bông kết hợp lắng) hoặc giải nhiệt qua tháp làm mát.

Phát Dung Quất đã lắp đặt 14 trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải và nước thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ngãi để giám sát các chỉ số môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, Công ty thực hiện phủ xanh khoảng 47 ha cây xanh trong khuôn viên KLH, tổ chức diễn tập định kỳ ứng phó sự cố hóa chất, sự cố tràn dầu, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động theo quy định.

Tất cả các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường của Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành. Tháng 1/2022, tổ chức BSI (Anh Quốc) đã cấp chứng nhận đáp ứng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018.

Từ các kết quả đo mẫu quan trắc môi trường tại hiện trường cũng như các kết quả phân tích tại phòng thí nghiệm năm 2021, Trung tâm Công nghệ môi trường tại Đà Nẵng – Viện Công nghệ Môi trường – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có được các bảng tổng hợp kết quả sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Vị trí quan trắc				QCVN
			1208/ HPDQ/KK1	1208/ HPDQ/KK2	1208/ HPDQ/KK3	1208/ HPDQ/KK4	
I	**Không khí**						**QCVN 05:2013/BTN-MT (1h)**
1	SO2	µg/m³	61,7	70,8	62,5	64,2	350
2	NO2	µg/m³	44,7	53	56,7	36,7	200
3	CO	µg/m³	5.700	5.300	6.400	4.800	30000
4	TSP	µg/m³	125	115	132	122	300
II	**Mức âm**						**QCVN 26:2010/BTN-MT (6h-21h)**
1	Leq	dBA	53,9	64,7	63,1	54,1	70
2	Lmax	dBA	55,6	65,8	63,6	55,3	-
III	**Độ rung**						**QCVN 27:2010/BTN-MT (6h-21h)**
1	Lva (X)	dB	36	40	41	38	75
2	Lva (Y)	dB	37	39	40	39	75
3	Lva (Z)	dB	37	39	39	37	75

Có thể dễ dàng nhận thấy các thông số môi trường không khí, xung quanh KLH gang thép Hòa Phát Dung Quất như TSP, SO2, NO2, CO, tiếng ồn (Led), độ rung năm 2021 đều thấp hơn rất nhiều so với giới hạn cho phép theo quy định của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung.

Về nước thải công nghiệp, kết quả quan trắc chất lượng nước thải công nghiệp tại đầu ra trạm xử lý nước thải sản xuất tập trung (800 m³/h) - Công ty CP thép Hòa Phát Dung Quất cho thấy, hầu hết các thông số tại thời điểm quan trắc đều có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép theo quy định của quy chuẩn QCVN 52:2017/BTNMT– Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép (Bảng 1 – Cột A). Chất lượng nước sau xử lý của các hệ thống xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt cho thấy hệ thống hoạt động hiệu quả. Chất lượng nước biển gần khu vực nhà máy tại thời điểm quan trắc chưa nhận thấy có sự ô nhiễm. Điều này cho thấy hoạt động của nhà máy chưa có tác động xấu đến môi trường khu vực xung quanh nhà máy.

KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT GANG THÉP HÒA PHÁT HẢI DƯƠNG

KLH này được đầu tư từ năm 2007 đến 2016 và chia ra làm 03 giai đoạn với tổng công suất 2,5 triệu tấn/năm. Đây là KLH luyện gang thép khép kín từ quặng sắt quy mô lớn, hiện đại đầu tiên của Hòa Phát nói riêng và ngành thép Việt Nam nói chung. Dây chuyền công nghệ của KLH được nhập khẩu từ các nước G7, thân thiện với môi trường.

Liên quan các hạng mục xử lý môi trường, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Hải Dương đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho các hệ thống lọc bụi (lọc bụi túi vải, lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi ventury), hệ thống lọc khí, khử lưu huỳnh, NOx, SO2, xử lý Dioxin/Furan, bồn chứa khí than, hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống cây xanh,… Thép Hòa Phát Hải Dương đã lắp đặt vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục 24/24h, kết nối về Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hải Dương để giám sát theo quy định và đã được cấp chứng chỉ hệ thống quản lí môi trường ISO 14001:2015.

Các hệ thống xử lý môi trường của Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương đang hoạt động hiệu quả. Hiệu suất lọc bụi đạt 99,5 - 99,9%, chất lượng khí thải đầu ra của hệ thống đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 51:2017/BTNMT. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.400 m^3/ngày đạt hiệu quả xử lý theo QCVN 40:2011/BTNMT, Mức A.

Theo kết quả quan trắc định kỳ do Công ty CP công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương, các chỉ số khí thải, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung và nước thải của Thép Hòa Phát Hải Dương đều thấp hơn ngưỡng cho phép, đảm bảo tuân thủ tốt các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

Trong năm 2022, Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương đặt mục tiêu giảm phát thải 250.000 tấn CO2, nồng độ thải SO2 nhỏ hơn 250mg/Nm^3, không để xảy ra các sự cố vận hành và môi trường nào đáng kể.

SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT GÓP PHẦN TIẾT KIỆM HÀNG CHỤC TỶ ĐỒNG

Hòa Phát luôn đề cao việc sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng, tài nguyên thiên nhiên và khuyến khích áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật triển khai tại các nhà máy sản xuất toàn Tập đoàn. Do đó, phong trào sáng kiến cải tiến tại các nhà máy diễn ra hết sức sôi nổi.

35 SÁNG KIẾN LÀM LỢI CHO THÉP HÒA PHÁT HẢI DƯƠNG 74 TỶ ĐỒNG

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương luôn đề cao việc sử dụng tiết kiệm các loại nguyên liệu, năng lượng, tài nguyên và khuyến khích CBCNV áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tăng hiệu quả sản xuất. Năm 2021, Công ty đã có 35 sáng kiến cải tiến được áp dụng thành công tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Hải Dương, với giá trị làm lợi gần 74 tỷ đồng.

Một số sáng kiến cải tiến có giá trị lớn, góp phần tiết giảm nguyên liệu, chi phí, tăng năng suất. Đó là đề tài "Sử dụng dolomit nung thay dolomit sống trong phối liệu tạo xỉ lò thổi" của anh Phùng Nhật Quang (Nhà máy Luyện thép), Cao Ngọc Tuân (Phòng Công nghệ). Sáng kiến này vừa góp phần tăng sản lượng phôi thép, vừa giảm tiêu hao dolomit và quặng sắt cho sản xuất. Tổng giá trị làm lợi của đề tài ước tính gần 19 tỷ đồng/năm.

Trong năm 2021, anh Đặng Việt Thanh, Trưởng phòng Công nghệ cùng các đồng nghiệp triển khai sáng kiến "Phối trộn than chất lượng thấp với than đang sử dụng ổn định cho thiêu kết trên băng tải thuộc cảng số 8 và sử dụng làm nhiên liệu cho dây chuyền thiêu kết". Kết quả thực hiện đề tài đã thay thế các nhiên liệu than đầu vào cho thiêu kết 3. Đề tài cũng mang đến giải pháp mới, hiệu quả cho chất lượng và năng suất tương đương khi dùng than tiêu chuẩn, góp phần đa dạng hóa nguồn than nhiên liệu, giảm giá thành sản phẩm. Dự tính sau khi sử dụng toàn bộ lô than chất lượng thấp này, giá trị làm lợi lên đến hơn 18 tỷ đồng/năm.

Với mục đích đa dạng nguồn nguyên liệu, tìm nguồn quặng mới thân thiện môi trường, có giá rẻ thay thế một phần tinh quặng vê viên giá cao, anh Đặng Việt Thanh đã có sáng kiến: "Trộn nguyên liệu DRI trên dây chuyền nghiền tinh để sử dụng cho dây chuyền vê viên".

Đề tài "Lắp đặt hệ thống ray bảo vệ bê tông và cóc ray xe thép, xe xỉ" của anh Trần Đức Hoành, Hoàng Văn Hải - Nhà máy Luyện thép giúp tăng tuổi thọ bê tông, hệ thống hoạt động ổn định. Qua đó, nâng cao sản lượng sản xuất do giảm thiểu được thời gian đình trệ cho công việc thay thế, sửa chữa ray xe xỉ, xe thép khi xảy ra sự cố. Sáng kiến này giúp Công ty tiết kiệm được 10,4 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, nhiều sáng kiến cải tiến khác đã được áp dụng nhằm nâng cao tuổi thọ thiết bị, giảm lượng điện năng tiêu thụ, góp phần vận hành máy móc ổn định, giảm chi phí tiêu hao vật tư nguyên liệu, làm lợi cho sức khỏe, bảo vệ môi trường, đảm bảo ATVSLĐ cho công nhân vận hành. Tại Thép Hòa Phát Hải Dương, định kỳ 6 tháng, Công ty sẽ tổng hợp sáng kiến và tổ chức các hoạt động khen thưởng cá nhân, tập thể có những sáng kiến xuất sắc nhất. Chính vì thế hàng năm phong trào sáng kiến cải tiến diễn ra hết sức sôi nổi, làm lợi cho Công ty hàng chục tỷ đồng mỗi năm.

THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT NHỜ NHIỀU CẢI TIẾN

Năm 2021, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất có 27 sáng kiến của 10 bộ phận, nhà máy thuộc Khu liên hợp. Trong đó nhiều sáng kiến cải tiến hiệu quả góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất đã đề ra.

Nhà máy Luyện thép đóng góp nhiều nhất tới 6 sáng kiến cải tiến hệ thống sản xuất tại khu vực lò thổi, lò tinh luyện, phân xưởng đúc, hệ thống làm mát. Những sáng kiến này đã góp phần nâng cao sản lượng cho Nhà máy, lần đầu đạt mốc 5,6 triệu tấn thép lỏng trong năm 2021.

Một số sáng kiến chú trọng nâng cao hiệu suất, cải thiện chất lượng như đề tài: "Nâng cao hiệu suất các Trạm nén khí của khu liên hợp" - Phòng Thiết bị điện và "Cải tiến hệ thống QTB giúp cải thiện chất lượng bề mặt đối với sản phẩm thép thanh cỡ lớn D22, D32 D41" của Nhà máy Cán thép dài. Nhà máy Luyện cốc có sáng kiến kéo dài bánh than theo thiết kế từ 14800 mm lên 15100 mm, giảm cháy hao, tăng khối lượng bánh cốc trong quá trình nấu luyện than cốc.

Đặc biệt, Phòng Công nghệ đã xây dựng quy trình và sản xuất thành công thép cuộn mác SWRH82B làm cáp thép dự ứng lực (PC Strand), tạo ra các sản phẩm đặc chủng chất lượng cao, góp phần đa dạng các sản phẩm thép của Hòa Phát cung cấp cho thị trường.

TÔN HÒA PHÁT TIẾT KIỆM HÀNG TỶ ĐỒNG NHỜ CÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN

Với 9 sáng kiến cải tiến trong năm 2021, Công ty Tôn Hòa Phát đã tiết kiệm hàng tỷ đồng mỗi năm. Những đề tài này bắt nguồn từ chính thực tế công việc, giúp giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao tuổi thọ động cơ, tiết kiệm chi phí, góp phần bảo vệ môi trường.

Đơn cử việc thay đổi hệ thống cấp nước hấp thu hơi axit của dây chuyền tẩy rỉ đã giúp Công ty tiết kiệm 2,6 tỷ đồng/năm. Sáng kiến thay đổi góc mở van cấp dầu thủy lực động cơ nâng hạ đã giảm được số thiệt hại do hỏng động cơ thuỷ lực wedge, nâng cao tuổi thọ động cơ thuỷ lực so với trước cải tiến từ 5 đến 10 lần.

Trong năm qua, anh Đỗ Đức Văn – Giám đốc Nhà máy Tôn Hòa Phát và anh Thân Danh Tình – Phó phòng Kỹ thuật công nghệ đã cải tiến thao tác dập nối dải tôn trên dây chuyền tẩy rỉ, giúp giảm 12% thời gian tẩy một cuộn tôn, giảm đáng kể chi phí bọc lại trục. Đề tài cũng giảm tiêu hao điện năng cho dây chuyền, không phải mua các bộ dập dải mới. Lợi điểm sau khi áp dụng sáng kiến là thực hiện được nối dải cho tất cả sản phẩm tôn trong dải độ dày từ 1.2 đến 4.0 mm, trong khi trước khi cải tiến chỉ nối được dải tôn có độ dày tối đa 2.0 mm.

Năm 2021, Tôn Hòa Phát lần đầu tiên vượt công suất thiết kế khi đạt 428.000 tấn, trong đó xuất khẩu 297.000 tấn, chiếm 69% tổng lượng tôn Hòa Phát cung cấp cho thị trường. Kết quả này là sự nỗ lực của toàn Công ty và sự đóng góp của những sáng kiến nhỏ nhưng hiệu quả lớn, giúp tối ưu hóa sản xuất.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Với một Tập đoàn sản xuất công nghiệp, việc không ngừng nghiên cứu đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm là rất quan trọng. Phát triển sản phẩm mới không chỉ có ý nghĩa phục vụ thị trường tốt hơn mà còn tạo thêm động lực tăng trưởng trong dài hạn cho Hòa Phát.

HÒA PHÁT CUNG CẤP THÉP CUỘN CHẤT LƯỢNG CAO LÀM ĐINH VÍT, THAY THẾ HÀNG NHẬP KHẨU

Trong chiến lược phát triển chuỗi sản phẩm thép chất lượng cao, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất đã nghiên cứu và sản xuất thành công thép cuộn các bon SWRCH22A làm nguyên liệu thay thế hàng nhập khẩu sản xuất đinh ốc vít lô lớn.

Giữa năm 2021, đội ngũ kỹ thuật công nghệ của Thép Hòa Phát Dung Quất đã cải tiến phương pháp sản xuất, cho ra đời dòng thép cuộn SWRCH22A (theo tiêu chuẩn JIS). Theo đánh giá của các doanh nghiệp cơ khí tại Bình Dương, thép cuộn SWRCH22A của Hòa Phát có chất lượng tốt, đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất các loại đinh có yêu cầu cao hơn.

Thép cuộn nguyên liệu cho sản xuất đinh vít có đường kính Φ 5,5- Φ16, sản xuất theo tiêu chuẩn ASTM của Mỹ và JIS của Nhật Bản và có tính chất cơ lý đặc biệt. Riêng tại phía Nam, nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất định ốc vít trung bình từ 30.000 - 40.000 tấn mỗi tháng và ngày càng tăng nhanh.

Với dây chuyền công nghệ hiện đại, luyện thép từ quặng sắt, thép Hòa Phát là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất sản xuất được hàng loạt các sản phẩm đặc thù như thép cuộn rút dây, thép làm lõi que hàn, làm thép dự ứng lực và hay thép cuộn làm đinh ốc, vít. Ngoài ra, Hòa Phát vẫn đang tích cực nghiên cứu sản xuất thêm nhiều chủng loại thép chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn để phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng, như thép làm vỏ container, thép làm tanh lốp ô tô, thép đinh vít khác,…

HÒA PHÁT TIÊN PHONG SẢN XUẤT CONTAINER RỖNG

Nằm trong chiến lược chế biến sâu các sản phẩm thép từ thượng nguồn, tháng 4/2021, Tập đoàn thành lập Công ty CP Sản xuất container Hòa Phát để triển khai dự án Nhà máy sản xuất vỏ container rỗng đầu tiên của Việt Nam tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án có quy mô công suất 500.000 TEU/năm, tập trung các sản phẩm vỏ container phổ biến, có chiều dài 20-40 feet. Trong đó, modul giai đoạn 1 có công suất 200.000 TEU/năm.

Sản phẩm container của Hòa Phát có nhiều lợi thế cạnh tranh. Thứ nhất, nguyên liệu cho sản xuất vỏ container rỗng là loại thép HRC, mác SPA-H đặc chủng, kháng tự nhiên, kháng thời tiết, sản phẩm của Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất. Tại Việt Nam, chỉ có Hòa Phát sản xuất được loại thép này. Thứ hai, nguồn ván gỗ và phụ kiện nguyên liệu khác trong nước cũng dồi dào không phải nhập khẩu. Thứ ba, chi phí điện sản xuất và chi phí nhân công ở Việt Nam vẫn đang có lợi thế thấp hơn so với thị trường Trung Quốc. Mặt khác, Nhà máy sản xuất container Hòa Phát đặt tại vùng kinh tế trọng điểm điểm phía Nam, trong chuỗi logistic cụm cảng Cái Mép, Thị vải, Cảng Cát Lái, rất thuận lợi cho đầu ra sản phẩm.

Với những lợi thế lớn nói trên, sản phẩm container của Hòa Phát sản xuất ra sẽ có giá thành tương đương hoặc thấp hơn Trung Quốc. Đây sẽ là một kênh tiêu thụ sản phẩm sau thép cho Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất, góp phần gia tăng chuỗi giá trị sản xuất khép kín và đa dạng hóa kênh tiêu thụ thép của Tập đoàn. Dự kiến từ quý IV/2022, những sản phẩm container rỗng đầu tiên mang thương hiệu Hòa Phát sẽ có mặt trên thị trường.

PHÁT TRIỂN MẠNH CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN MÁY GIA DỤNG

Theo Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam, quy mô thị trường điện máy gia dụng trong nước hiện khoảng 13 tỷ USD, tương đương 300 ngàn tỷ đồng. Ngành hàng này hiện đứng thứ 4 về quy mô tiêu dùng trong 11 nhóm ngành hàng chính, với tốc độ tăng trưởng ấn tượng hơn 10%/năm. Điều này cho thấy dư địa phát triển các sản phẩm gia dụng, nhất là phân khúc cao cấp là rất lớn.

Từ quý IV/2021, Tập đoàn Hòa Phát đã thành lập Tổng Công ty Điện máy gia dụng Hòa Phát, đầu tư lớn, bài bản vào ngành hàng điện máy gia dụng trên nền tảng thâm niên 20 năm phát triển ngành hàng điện lạnh. Đây là bước đi nhằm đón đầu làn sóng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Điện máy gia dụng Hòa Phát đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất đồ gia dụng lớn nhất Việt Nam với doanh thu 1 tỷ USD từ mảng này vào năm 2030.

Ngày 30/11/2021, Công ty cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát đã khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất hàng gia dụng đầu tiên tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, tỉnh Hà Nam. Nhà máy chuyên sản xuất các sản phẩm bao gồm: máy làm mát không khí, máy lọc nước và máy lọc không khí. Công suất dự kiến khoảng 1 triệu sản phẩm/năm. Thời gian tới, Hòa Phát sẽ ưu tiên hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm điện lạnh, hàng gia dụng chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để hướng mạnh ra xuất khẩu.

TIẾN XA HƠN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát đã bắt đầu triển khai kế hoạch dài hạn liên quan đến chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu hoạt động xuyên suốt, tinh gọn, thông minh hơn, tạo ra giá trị mới trong chuỗi cung ứng và nâng cao EBITDA. Lộ trình Chuyển đổi số của Hòa Phát giai đoạn 2021 - 2025 bao gồm triển khai đầu tư 30 hạng mục hạ tầng, bảo mật và vận hành, 9 hạng mục ứng dụng và dữ liệu. Để triển khai lộ trình này, ngày 06/07/2021, Tập đoàn Hòa Phát đã thành lập Ban Triển khai Chuyển đổi số để triển khai một số lĩnh vực được ưu tiên: Nhà máy thông minh, Văn phòng điện tử và Quản trị nhân sự.

NHÀ MÁY THÔNG MINH

Từ đầu năm 2019, Tập đoàn đã ứng dụng thử nghiệm giải pháp ERP-SAP tại Thép Hòa Phát Dung Quất. Với giải pháp hiện có, Thép Hòa Phát Dung Quất đã có hệ thống quản trị chuẩn quốc tế, giúp nâng cao năng lực quản trị, tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Sau 2 năm triển khai và sử dụng ERP-SAP, ngày 21/12/2021 giải pháp báo cáo thông minh đã được đưa vào vận hành với dữ liệu kết nối tập trung, dễ dàng xây dựng các báo cáo quản trị (KPIs) đa chiều phục vụ Ban Điều hành. Cụ thể đã có 18 Dashboards hoàn thành, 137 KPIs chi tiết được thống nhất, 18 Stories đã được triển khai. Việc chuẩn hóa số liệu và xây dựng báo cáo phân tích chỉ số giúp cung cấp những thông tin quan trọng tức thời về hoạt động sản xuất, kinh doanh, sản lượng bán hàng, tồn kho, v,v… của Công ty. Qua đó, Ban Giám đốc Công ty và lãnh đạo Tập đoàn nắm được, theo dõi quá trình vận hành, hoạt động của Thép Hòa Phát Dung Quất để chỉ đạo kịp thời.

Ngoài hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP-SAP, Thép Hòa Phát Dung Quất còn triển khai giải pháp quản lý nguồn năng lượng nhằm tối ưu hoá năng lực sản xuất. Ngày 06/09/2021, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất chính thức vận hành (Go-live) hệ thống Quản lý nguồn năng lượng (EMS) cho toàn Khu liên hợp. Hệ thống EMS là hệ thống Quản lý tập trung và giám sát toàn bộ nguồn năng lượng của công ty bao gồm hệ thống điện, động lực và môi chất năng lực như khí than, khí nén, hơi nước, Oxy, Nitơ, Argon,... thông qua việc thu thập và giám sát dữ liệu theo thời gian thực (EMS SCADA).

Hệ thống EMS cung cấp các module chức năng quản lý chỉ tiêu tiêu hao nguồn năng lượng; quản lý hiệu suất năng lượng của cụm thiết bị, dây chuyền; quản lý kế hoạch cân bằng nguồn năng lượng… giúp người vận hành kiểm soát, phân tích mức tiêu thụ năng lượng của từng thiết bị hệ thống; phát hiện nguyên nhân bất thường để giảm thiểu sự cố liên quan và tối ưu hoá quá trình sử dụng môi chất năng lượng. Sau hơn 1 năm triển khai, hệ thống đã hoàn thiện việc thu thập tại 14 trạm động lực, 36 trạm điện với 26.407 điểm đo tín hiệu và 1.133 thiết bị đo lường. Hệ thống được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu và vận hành quản lý tại Phòng Điều độ trung tâm của Công ty.

VĂN PHÒNG ĐIỆN TỬ

Giải pháp Văn phòng điện tử đã được triển khai rộng rãi

trong Tập đoàn. Đặc biệt, trong năm 2021, một số đơn vị đã ứng dụng giải pháp Văn phòng điện tử một cách toàn diện hơn để thích ứng kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh, điển hình như Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên. Giải pháp đã được áp dụng đồng bộ tại mọi bộ phận của công ty, giúp cho Ban lãnh đạo có cái nhìn xuyên suốt toàn bộ hệ thống theo thời gian thực. Việc triển khai phần mềm đã hỗ trợ nhiều trong quản lý, điều hành. Thông qua Văn phòng điện tử, các thành viên quan sát, tương tác được với nhau, hạn chế trao đổi trực tiếp, kiểm soát "giao việc" và "báo cáo tiến độ công việc", xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Phần mềm văn phòng điện tử giúp Ban Lãnh đạo theo dõi và đánh giá quá trình theo thời gian thực.

Giải pháp cũng chứng minh tính hữu ích và hiệu quả trong hoạt động tại Nhà máy. Tất cả thông tin liên quan đến công việc của các bộ phận rất kịp thời, tạo trên một mặt phẳng kiểm soát, trao đổi tương tác, giao việc nhanh. Giờ đây nhiều người liên quan đến một công việc có thể theo dõi tiến độ thực hiện cùng lúc, bao gồm Nhà máy, phòng ban của Công ty và Ban Giám đốc, giúp công việc được xử lý kịp thời nhanh chóng, thông suốt hiệu quả, ví dụ như công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất tại Công ty.

Ngoài ra, Tập đoàn đang tiếp tục đầu tư bộ công cụ Microsoft Office 365 cho các Công ty thành viên, giúp việc phối hợp công việc dễ dàng thông qua các công cụ lưu trữ One Drive và công cụ họp trực tuyến Microsoft Teams. Trong bối cảnh dịch bệnh, hàng nghìn cuộc họp trực tuyến đã diễn ra giữa các đơn vị trong Tập đoàn qua Teams để phối hợp xử lý công việc, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn.

Trong năm 2022, Tập đoàn sẽ tiếp tục nâng cấp giải pháp Văn phòng Điện tử, tích hợp sâu hơn với bộ công cụ của Microsoft Office, ứng dụng thêm chữ ký số trong công tác quản trị công việc và xây dựng thư viện điện tử để chia sẻ tri thức trong nội bộ Tập đoàn.

QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Đối với Hòa Phát, con người và tri thức là tài sản lớn nhất. Hiện nay quy mô nhân sự toàn Tập đoàn lên đến 30.000 cán bộ công nhân viên nên việc áp dụng Chuyển đổi số trong lĩnh vực Quản trị nhân sự và nâng cao năng lực cán bộ công nhân viên là một trong những ưu tiên trong lộ trình chuyển đổi số của Tập đoàn.

Hòa Phát đã thành lập Tiểu Ban Triển khai Dự án Nhân sự tiền lương thuộc Ban Triển khai Chuyển Đổi số. Với hơn 200 thành viên, Tiểu Ban này phối hợp cùng đối tác tư vấn giàu kinh nghiệm trong quản trị nhân sự tại các Tập đoàn đa quốc gia nhằm đánh giá hiện trạng hệ thống Quản trị Nguồn nhân lực Tập đoàn. Các nội dung được ưu tiên liên quan đến mô hình tổ chức, quy trình, chính sách Nhân sự, hệ thống mô tả chức năng nhiệm vụ và khung năng lực cho từng vị trí.

Từ kết quả khảo sát, Tập đoàn đã vạch ra lộ trình rõ ràng để chuẩn hóa, tái cấu trúc trước khi áp dụng số hóa nâng cao hiệu quả hoạt động, vận hành, quản trị nhân sự, tăng lợi thế cạnh tranh trong thời đại 4.0.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI-CỘNG ĐỒNG

Với phương châm "Hòa hợp cùng phát triển", Tập đoàn Hòa Phát luôn gắn kết hài hòa hoạt động sản xuất kinh doanh và trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Số đóng góp cho ngân sách nhà nước của Hòa Phát tăng đều đặn qua từng năm, giải quyết việc làm ổn định cho hàng chục ngàn người lao động trên toàn quốc, góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội. Năm 2021, Hòa Phát dành hơn 160 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, chung tay vì cộng đồng, tập trung vào 4 nhóm chính: Y tế - Giáo dục – Giao thông và Cộng đồng.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG "CUỘC CHIẾN" PHÒNG CHỐNG COVID-19

Từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam, Tập đoàn Hòa Phát luôn nỗ lực thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo phòng chống dịch của Chính phủ và Bộ Y tế, chủ động phối hợp với ngành y tế các địa phương tổ chức tiêm chủng vắc xin cho toàn bộ CBCNV tập đoàn, đảm bảo sức khỏe người lao động, an tâm duy trì sản xuất, góp phần ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động trong thời điểm dịch bệnh….

Song song với đó, Hòa Phát tích cực ủng hộ các Bộ, ban ngành, địa phương phòng chống dịch bằng nhiều hình thức khác nhau. Tính riêng năm 2021, Hòa Phát đã dành 150 tỷ đồng đóng góp vào quỹ vắc xin của Nhà nước và các tỉnh thành; tài trợ sinh phẩm, trang thiết bị y tế cho các bệnh viện trên toàn quốc. Trong đó, có thể kể đến như hệ thống tim phổi nhân tạo (ECMO), máy lọc máu liên tục, máy X-quang di động cho bệnh viện dã chiến, máy thở oxy chức năng cao, máy monitor cấp cứu… là những trang thiết bị y tế quan trọng góp phần cứu sống bệnh nhân trong cuộc chiến chống lại Covid-19.

NHỊP ĐẬP YÊU THƯƠNG: KHI TRÁI TIM ĐƯỢC CHỮA LÀNH BỞI TRÁI TIM

Theo TS. Lê Hồng Quang, Phó Giám đốc Trung tâm Tim mạch – Bệnh viện Nhi TW, mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 15.000 trẻ sinh ra mắc các bệnh lý bẩm sinh về tim mạch. Phần lớn những dị tật tim bẩm sinh từ mức độ nhẹ đến nặng đều được chẩn đoán, phát hiện nhờ kỹ thuật siêu âm tim tai vào tuần thứ 18 – 24 của thai kỳ. Tim bẩm sinh nếu được phát hiện sớm và điều trị kịp thời, khả năng khỏi bệnh sẽ rất cao. Một số bệnh lý có tổn thương phức tạp không thể điều trị khỏi hẳn cũng có thể phẫu thuật sửa chữa nhằm cải thiện triệu chứng và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, không phải gia đình nào cũng có khả năng chi trả cho những ca phẫu thuật, điều trị. Ước tính, chi phí trung bình cho mỗi ca phẫu thuật tim khoảng 50 triệu. Đây là con số sau khi đã cấn trừ bảo hiểm y tế. Với những trường hợp phức tạp, con số này sẽ tăng gấp đôi, gấp ba. Chưa kể, có những trường hợp bệnh nhân sẽ phải phẫu thuật nhiều lần. Điều này tạo áp lực lên chính gia đình bệnh nhân, dẫn đến nhiều trường hợp không can thiệp kịp thời cho các em bé.

Xuất phát từ mong muốn mang lại cho cho các em một trái tim khỏe mạnh, "Nhịp đập yêu thương" của Tập đoàn Hòa Phát chính thức triển khai từ cuối năm 2015 tới nay, cam kết tiếp tục duy trì trong tương lai. Đây là chương trình được Tập đoàn Hòa Phát dành nhiều tâm huyết để thực hiện. Sau 6 năm hoạt động, chương trình đã hỗ trợ thành công cho 320 bệnh nhân với tổng kinh phí 12,5 tỷ đồng. Trong đó, có những trường hợp bệnh nhân phẫu thuật khi mới 15 ngày tuổi. Hay có những bệnh nhân được tài trợ phẫu thuật 3 - 4 lần cho tới khi hoàn toàn khỏe mạnh. Trong năm 2021, "Nhịp đập yêu thương" đã tiếp nhận 93 trường hợp xin tài trợ. Hỗ trợ phẫu thuật thành công cho 83 bệnh nhân, tăng thêm 10 bệnh nhân so với năm 2020.

Đến thời điểm hiện tại, "Nhịp đập yêu thương" đã trở thành địa chỉ uy tín được bệnh nhân cũng như cán bộ phòng Công tác xã hội các bệnh viện lớn gửi gắm hy vọng. Điểm khác biệt lớn nhất của "Nhịp đập yêu thương" do Tập đoàn Hòa Phát thực hiện so với các chương trình, quỹ phẫu thuật tim hiện nay là bệnh nhân không phải đồng chi trả, được hỗ trợ phẫu thuật nhiều lần với mức hỗ trợ chi phí cao. Đồng thời, Hòa Phát thanh toán cả suất ăn của bệnh nhân trong suốt thời gian điều trị tại bệnh viện, giảm bớt áp lực chi phí điều trị cho gia đình bệnh nhân.

Mỗi trái tim được chữa lành là một cuộc sống "bình thường mới" như mọi trẻ em khác được mở ra với trẻ mắc tim bẩm sinh. Điều kỳ diệu không xảy ra bởi phép màu. Với "Nhịp đập yêu thương", chỉ có trái tim mới có thể chữa lành được trái tim.

XUÂN YÊU THƯƠNG: TRỌN VẸN ẤM ÁP TRƯỚC THỀM TẾT NGUYÊN ĐÁN

Là hoạt động thường niên được Tập đoàn Hòa Phát thực hiện trước thềm Tết nguyên đán, nhằm mang lại một cái tết ấm áp, đủ đầy hơn cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình "Xuân yêu thương" đã tặng quà tết cho những hộ gia đình khó khăn, chính sách trên địa bàn có đặt nhà máy, trại chăn nuôi của Hòa Phát trên toàn quốc. Trong năm 2021, Tập đoàn Hòa Phát dành tặng gần 3.500 suất quà, trị giá 500.000 đồng/suất tại 15 tỉnh thành trên toàn quốc với tổng trị giá hơn 1,7 tỷ đồng. Đồng thời, hỗ trợ kinh phí hoàn thiện 20 nhà tình nghĩa cho đối tượng yếu thế kịp bàn giao trước thềm năm mới.

"Xuân yêu thương" đã trở thành thông lệ truyền thống của Tập đoàn Hòa Phát. Cứ mỗi dịp Tết đến, Xuân về, các công ty của Hòa Phát lại tổ chức những chương trình thiện nguyện, tặng quà cho người dân nghèo tại 3 miền trên cả nước. Hoạt động này thu hút CBCNV tham gia đông đảo với tinh thần "lá lành đùm lá rách", sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang đến một cái Tết ấm áp nghĩa tình cho bà con.

"HÒA PHÁT ĐỒNG HÀNH CÙNG SINH VIÊN"

Theo biên bản thoả thuận được kí giữa Tập đoàn Hòa Phát và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Tập đoàn Hòa Phát tài trợ 5 tỷ đồng trong giai đoạn 2016 – 2020 cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang theo học tại trường. Mỗi suất học bổng trị giá 1,1 triệu đồng/sinh viên/tháng học tập. Theo đó, tổng trị giá học bổng trong học kì của một sinh viên sẽ tương ứng với 5,5 triệu đồng. Trong năm 2021, do lịch học online thích nghi với công tác phòng chống dịch, đã có 85 em sinh viên nhận được tài trợ học bổng, chia làm 2 giai đoạn với tổng số kinh phí hơn 460 triệu đồng.

Để thuận tiện trong công tác cấp học bổng hàng tháng, Tập đoàn Hòa Phát đã hỗ trợ mở tài khoản ngân hàng miễn phí cho các em sinh viên và cấp học bổng thông qua số tài khoản đó. Bên cạnh việc tài trợ học bổng hàng tháng cho sinh viên Kinh tế Quốc dân, Tập đoàn Hòa Phát cũng tài trợ 100 triệu đồng cho sinh viên Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu – Đại học Bách khoa Hà Nội.

Có thể nói, bên cạnh kiến thức tích luỹ trong quá trình học tập, học bổng Hòa Phát là hành trang đầu tiên đồng hành cùng các em bước vào đời.

HÒA HỢP
CÙNG PHÁT TRIỂN

TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

HÒA PHÁT

30 NĂM
TÔI THÉP

HÒA PHÁT®

HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.hoaphat.com.vn

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	**Ông Trần Đình Long**	**Chủ tịch**
	Ông Trần Tuấn Dương	**Phó Chủ tịch**
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	**Phó Chủ tịch**
	Ông Doãn Gia Cường	**Phó Chủ tịch**
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	**Thành viên**
	Ông Hoàng Quang Việt	**Thành viên**
	Ông Nguyễn Việt Thắng	**Thành viên**
	Ông Tạ Tuấn Quang	**Thành viên** *(đến ngày 22/4/2021)*
	Ông Hans Christian Jacobsen	**Thành viên** *(đến ngày 22/4/2021)*
Ban Giám đốc	**Ông Nguyễn Việt Thắng**	**Tổng Giám đốc** *(từ ngày 26/4/2021)*
	Ông Trần Tuấn Dương	**Tổng Giám đốc** *(đến ngày 25/4/2021)*
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	**Phó Tổng Giám đốc**
	Ông Nguyễn Việt Thắng	**Phó Tổng Giám đốc** *(đến ngày 25/4/2021)*

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty có tiền thân là **Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát** được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại **Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 34.478.143 triệu VND (2020: 13.450.300 triệu VND).

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các Cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 79.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KPMG
Việt Nam
BÁO CÁO KIỂM TOÁN SỐ: 19-02-00184-22-2

WANG TOON KIM
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

ĐOÀN THANH TOÀN
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**94.154.859.648.304**	**56.747.258.197.010**
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	22.471.375.562.130	13.696.099.298.228
Tiền	111		6.316.299.666.510	2.094.314.298.228
Các khoản tương đương tiền	112		16.155.075.895.620	11.601.785.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.236.152.616.078	8.126.992.675.380
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	18.236.152.616.078	8.126.992.675.380
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.662.680.796.645	6.124.790.460.291
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.973.095.672.343	3.949.486.943.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.722.371.823.278	1.303.037.835.829
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		23.521.740.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	981.799.066.828	910.365.502.671
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(39.275.168.162)	(39.336.197.606)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.167.661.858	1.236.376.147
Hàng tồn kho	140		42.134.493.932.210	26.286.822.229.202
Hàng tồn kho	141	10	42.370.012.405.544	26.373.360.826.788
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(235.518.473.334)	(86.538.597.586)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.650.156.741.241	2.512.553.533.909
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	296.697.348.350	141.398.046.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.335.690.250.424	2.357.338.685.110
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	17.769.142.467	13.816.802.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**84.081.562.709.945**	**74.764.176.191.827**
Các khoản phải thu dài hạn	210		809.234.947.969	305.165.547.431
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	118.401.369.280	96.007.238.800
Phải thu dài hạn khác	216	9.2	690.833.578.689	209.158.308.631
Tài sản cố định	220		69.280.841.784.004	65.561.657.180.137
Tài sản cố định hữu hình	221	12	68.744.125.939.109	65.307.819.877.543
Nguyên giá	*222*		*91.026.106.008.677*	*82.616.601.097.978*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(22.281.980.069.568)*	*(17.308.781.220.435)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	536.715.844.895	253.837.302.594
Nguyên giá	*228*		*618.321.659.402*	*342.995.279.178*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(81.605.814.507)*	*(89.157.976.584)*
Bất động sản đầu tư	230	14	548.210.755.123	564.296.973.801
Nguyên giá	*231*		*698.820.145.314*	*681.931.844.756*
Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(150.609.390.191)*	*(117.634.870.955)*
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.698.699.397.713	6.247.213.506.994
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	1.409.414.047.105	918.470.731.946
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	8.289.285.350.608	5.328.742.775.048
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.715.955.617	171.085.206.311
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		6.015.955.617	385.206.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7	-	170.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.737.859.869.519	1.914.757.777.153
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	3.171.382.188.206	1.646.094.518.464
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	529.355.730.648	225.553.308.024
Lợi thế thương mại	269	19	37.121.950.665	43.109.950.665
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**178.236.422.358.249**	**131.511.434.388.837**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**87.455.796.846.810**	**72.291.648.082.726**
Nợ ngắn hạn	310		73.459.315.876.441	51.975.217.447.498
Phải trả người bán ngắn hạn	311		23.729.142.569.420	10.915.752.723.952
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	788.002.603.134	1.257.272.765.123
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	796.022.241.121	548.579.261.453
Phải trả người lao động	314		816.457.005.628	313.099.678.402
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.1	772.615.123.352	640.129.684.182
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.951.911.160	34.564.307.818
Phải trả ngắn hạn khác	319	23.1	1.047.158.508.079	328.061.400.351
Vay ngắn hạn	320	24.1	43.747.643.082.356	36.798.465.672.104
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	4.755.735.476	5.846.534.626
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	1.740.567.096.715	1.133.445.419.487
Nợ dài hạn	330		13.996.480.970.369	20.316.430.635.228
Phải trả người bán dài hạn	331		-	2.637.987.658.239
Chi phí phải trả dài hạn	333	22.2	410.407.940.262	223.664.493.846
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.803.217.550	16.127.650.192
Phải trả dài hạn khác	337	23.2	63.027.061.241	68.736.086.170
Vay dài hạn	338	24.2	13.464.931.998.700	17.343.247.551.512
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	666.262.529
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	49.310.752.616	26.000.932.740

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**90.780.625.511.439**	**59.219.786.306.111**
Vốn chủ sở hữu	410	27	90.780.625.511.439	59.219.786.306.111
Vốn cổ phần	411	28	44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*44.729.227.060.000*	*33.132.826.590.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Chênh lệch tỷ giá	417		(1.925.960.852)	5.568.369.072
Quỹ đầu tư phát triển	418		923.549.304.122	928.641.612.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.763.425.970.912	21.792.442.633.285
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*7.285.282.773.452*	*8.342.142.580.473*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*34.478.143.197.460*	*13.450.300.052.812*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		154.788.720.987	148.746.685.328
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**178.236.422.358.249**	**131.511.434.388.837**

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	150.865.359.967.200	91.279.041.771.826
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	1.185.569.987.855	1.160.538.345.109
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	149.679.789.979.345	90.118.503.426.717
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	108.571.380.446.353	71.214.453.522.563
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		41.108.409.532.992	18.904.049.904.154
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	3.071.440.640.188	1.004.789.766.270
Chi phí tài chính	22	34	3.731.542.257.873	2.837.406.430.588
Trong đó: Chi phí đi vay	*23*		*2.525.823.258.237*	*2.191.680.923.417*
Phần lãi trong công ty liên kết	24		4.465.302.865	1.964.631.764
Chi phí bán hàng	25	35	2.120.068.223.228	1.090.795.558.423
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.324.261.548.679	690.298.504.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		37.008.443.446.265	15.292.303.808.992
Thu nhập khác	31	37	796.666.105.925	654.081.334.225
Chi phí khác	32	38	748.331.838.000	589.418.351.516
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		48.334.267.925	64.662.982.709
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.056.777.714.190	15.356.966.791.701
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	2.855.306.347.167	1.784.567.843.866
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	(319.483.564.275)	66.234.890.928
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.520.954.931.298	13.506.164.056.907

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang) (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.520.954.931.298	13.506.164.056.907
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		34.478.143.197.460	13.450.300.052.812
Cổ đông không kiểm soát	62		42.811.733.838	55.864.004.095
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	7.166	2.728

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		37.056.777.714.190	15.356.966.791.701
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.076.516.295.417	4.775.781.721.269
Phân bổ lợi thế thương mại	02		5.988.000.000	18.075.220.852
Các khoản dự phòng	03		163.177.531.627	28.314.185.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		41.938.831.417	52.078.870.772
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.661.082.595.981)	(490.559.694.590)
Chi phí đi vay	06		2.525.823.258.237	2.191.680.923.417
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		44.209.139.034.907	21.932.338.018.863
Biến động các khoản phải thu	09		(3.039.385.771.765)	(3.374.026.162.649)
Biến động hàng tồn kho	10		(16.949.192.989.135)	(7.061.024.985.401)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.250.111.116.260	4.251.742.399.296
Biến động chi phí trả trước	12		(813.988.306.614)	(89.041.139.127)
			32.656.683.083.653	15.659.988.130.982
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.567.276.431.082)	(2.027.572.222.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.743.083.962.430)	(1.716.802.619.015)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(625.409.387.033)	(328.363.376.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.720.913.303.108	11.587.249.912.974

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP - TIẾP THEO)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(11.621.470.092.371)	(11.915.645.555.048)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		49.348.550.223	34.418.355.881
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(41.061.488.333.969)	(11.971.173.251.594)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		31.076.412.522.291	5.003.441.426.581
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		833.829.028.281	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		1.053.915.562.539	353.560.779.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.669.452.763.006)	(18.495.398.244.903)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP - TIẾP THEO)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	31		10.630.000.000	2.700.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		125.075.421.125.272	83.074.115.401.537
Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.652.859.327.347)	(65.603.640.057.528)
Tiền trả cổ tức	36		(1.693.086.647.969)	(1.419.473.748.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.740.105.149.956	16.053.701.595.253
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		8.791.565.690.058	9.145.553.263.324
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		13.696.099.298.228	4.544.900.252.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(16.289.426.156)	5.645.782.700
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	22.471.375.562.130	13.696.099.298.228

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ôtô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;

- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương;
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1.4 Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các công ty con sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021
1	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	99,998%	99,998%
2	Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	99,994%	99,99%
3	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát (i)	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát (Thuyết minh 4)	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	0%	99,60%
6	Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát (ii)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng.	99,90%	0%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÒA PHÁT						
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	0%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,998%	0%	99,996%	99,998%
3	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	100%	0%	99,998%	99,999%
4	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	0%	99,998%	100%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN PHẨM THÉP HÒA PHÁT						
5	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,967%	0%	99,960%	99,967%
6	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	100%	0%	99,994%	100%
7	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,833%	0%	99,832%	99,67%
8	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,917%	0%	99,915%	99,875%
9	Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát (iii)	Sản xuất và kinh doanh Container.	99,80%	0%	99,794%	0%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT						
10	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	99,90%	99,90%	99,899%	99,899%
11	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	99,975%	99,975%	99,974%	99,974%
12	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	100%	99,999%	99,999%
13	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	Chăn nuôi gia cầm.	100%	100%	99,999%	99,999%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HÒA PHÁT						
14	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,846%	0%	99,746%	99,85%
15	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,90%	99,90%	99,80%	99,80%
16	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội (iii)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,90%	0%	99,80%	0%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY GIA DỤNG HÒA PHÁT						
17	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam (iii)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy, gia dụng	99,900%	0%	99,800%	0%
18	Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ (iii)	Sản xuất tủ đông, tủ mát.	99,817%	0%	99,766%	0%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG						
1	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100%	100%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	98,42%	98,379%	98,38%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT HẢI DƯƠNG						
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%	99,887%	99,888%
4	Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương.	99,52%	95,20%	99,517%	95,198%
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Úc	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.	99,972%	99,972%	99,969%	99,971%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT						
6	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,985%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Ống thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,985%	99,987%
8	Công ty Cổ phần Tôn Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,988%	99,99%
9	Hoa Phat Trading International Pte Ltd.	Kinh doanh thương mại sắt, thép, gang.	100%	100%	99,998%	99,999%
10	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Hòa Phát	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	98%	98%	99,998%	99,999%
11	Công ty TNHH Harmonia	Dịch vụ khách sạn.	100%	100%	99,998%	99,999%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH THÉP HÒA PHÁT HƯNG YÊN						
12	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	99,998%	100%
13	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa.	99,97%	99,97%	99,968%	99,97%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP HÒA PHÁT						
14	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%	99,960%	99,967%
15	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
16	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,978%	99,98%	99,938%	99,944%
17	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
18	Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát Long An (iv)	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,99%	0%	99,95%	0%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO KIM LOẠI HÒA PHÁT						
19	Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%	99,915%	99,875%
20	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,954%	99,95%	99,869%	99,83%
21	Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang.	100%	100%	99,915%	99,875%
22	Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát (iv)	Sản xuất phụ kiện cơ khí	100%	0%	99,915%	0%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HÒA PHÁT						
23	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%	99,746%	99,85%
24	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%	99,746%	99,85%
25	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát Hưng Yên	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%	100%	99,746%	99,85%
26	Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,99%	99,99%	99,736%	99,84%
27	Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	99,80%	99,80%	99,547%	99,65%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI HÒA PHÁT HƯNG YÊN						
28	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (v)	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	0%	99,999%	99,999%
29	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ (iv)	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100%	0%	99,999%	0%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÒA PHÁT						
30	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,72%	72,72%	72,647%	72,647%
31	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
32	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
33	Dragon Trading and Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối gia súc, gia cầm, sản phẩm nông nghiệp khác, quặng, than, sắt thép.	100%	100%	99,899%	99,899%
34	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%	99,899%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI HÒA PHÁT						
35	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
36	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
37	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
38	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
39	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (Thuyết minh 4)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	0%	100%	0%	99,974%
40	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,998%	99,998%	99,972%	99,972%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY TNHH GIA CẦM HÒA PHÁT						
41	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,999%	99,999%
42	Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (Thuyết minh 4)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, hoạt động dịch vụ trồng trọt	0%	99,8%	0%	99,799%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 4	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 3		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC ÚC						
1	Dragon Resource Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa; hoạt động vận tải, đại lý vận tải.	100%	100%	99,969%	99,971%
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GOLDEN GAIN VIỆT NAM						
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	95,267%	95,27%	95,016%	95,111%
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,90%	99,90%	99,637%	99,736%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 5	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 4		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HÀ NỘI						
1	Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Dịch vụ bảo vệ	100%	100%	95,016%	95,111%
CÔNG TY CON CỦA DRAGON RESOURCE INVESTMENT PTY LTD.						
2	Northern Territory Iron Ore Pty Ltd. (vi)	Thăm dò, khai thác khoáng sản	100%	0%	99,969%	0%

(i) Đây là các Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm 2020. Các Công ty con cấp 1 mới thành lập này nhận chuyển nhượng các Công ty con cấp thấp hơn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và chuyển nhượng nội bộ giữa các Công ty con này với nhau trong năm 2021. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp đủ vốn vào các Công ty con này trong năm 2021.

(ii) Đây là Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp 382.000.000.000 VND trên tổng vốn đã cam kết 999.000.000.000 VND, số vốn còn lại sẽ được góp theo tiến độ đăng ký.

(iii) Đây là công ty con cấp 2 mới thành lập trong năm.

(iv) Đây là công ty con cấp 3 mới thành lập trong năm.

(v) Trong năm công ty con cấp 3 này đã được điều chuyển nội bộ từ Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát sang Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên.

(vi) Đây là công ty con cấp 5 mới mua trong năm.

Các công ty con của Tập đoàn đều được thành lập tại Việt Nam, trừ Hoa Phat Trading International Pte Ltd. được thành lập tại Singapore, Dragon Resource Investment Pty Ltd., Dragon Trading and Investment Pty Ltd., và Northern Territory Iron Ore Pty Ltd. được thành lập tại Australia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có **27.651 nhân viên (1/1/2021: 25.428 nhân viên).**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v…).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Mua tài sản

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.2 Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng

trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời…) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.
Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa	5 – 50 năm

- máy móc và thiết bị 1 – 25 năm
- phương tiện vận chuyển 1 – 30 năm
- dụng cụ văn phòng 2 – 12 năm
- vật nuôi 3 – 5 năm
- tài sản cố định khác 2 – 12 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 50 năm. Khấu hao không được trích cho quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn lợn giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(c) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(d) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

(e) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.18 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ

hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;

- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(d) Doanh thu cho thuê

Trừ trường hợp được mô tả trong mục 3.18(c), doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(e) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

(f) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại được ghi giảm giá trị đầu tư.

(g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.19 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.21 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan của Tập đoàn.

3.23 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm trước.

4. GIAO DỊCH THANH LÝ CÔNG TY CON TRONG NĂM

Ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát với giá trị ghi sổ là 398.400.000.000 VND, tương đương 99,6% vốn cổ phần cho Công ty Cổ phần Nội thất Eden Việt Nam với giá trị chuyển nhượng là 896.400.000.000 VND.

Ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát (một Công ty con cấp 2 của Tập đoàn) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (một Công ty con cấp 3 của Tập đoàn) với giá trị ghi sổ là 40.723.162.561 VND, tương đương 99,8% vốn cổ phần cho một bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 48.800.000.000 VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (một Công ty con cấp 2 của Tập đoàn) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (một Công ty con cấp 3 của Tập Đoàn), với giá trị ghi sổ là 5.375.488.185 VND, tương đương 100% vốn cổ phần cho một bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 7.020.000.000 VND.

Các giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày thanh lý các công ty con nêu trên như sau:

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát			
	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát VND	Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ VND	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn VND	Tổng VND
GIÁ TRỊ GHI SỔ TẠI THỜI ĐIỂM THANH LÝ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.305.453.774	17.364.281.259	221.236.686	114.890.971.719
Các khoản phải thu ngắn hạn	201.206.354.951	26.634.521	-	201.232.989.472
Hàng tồn kho	342.679.773.727	-	-	342.679.773.727
Tài sản ngắn hạn khác	1.260.131.232	-	115.577.174	1.375.708.406
Tài sản cố định	280.701.670.324	637.752.586	-	281.339.422.910
Tài sản dở dang dài hạn	26.645.430	22.776.103.739	5.038.674.325	27.841.423.494
Tài sản dài hạn khác	78.028.813.926	-	-	78.028.813.926
Nợ phải trả ngắn hạn	(601.208.843.364)	-	-	(601.208.843.364)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	400.000.000.000	40.804.772.105	5.375.488.185	446.180.260.290
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.600.000.000)	(81.609.544)	-	(1.681.609.544)
Lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản và nợ phải trả thuần	398.400.000.000	40.723.162.561	5.375.488.185	444.498.650.746
Giá chuyển nhượng	896.400.000.000	48.800.000.000	7.020.000.000	952.220.000.000
Chi phí chuyển nhượng	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
Lãi do thanh lý công ty con ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	498.000.000.000	4.576.837.439	1.644.511.815	504.221.349.254

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác;
- Sản xuất công nghiệp khác: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh; và
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là lãnh thổ Việt Nam.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	140.074.742.351.975	7.965.299.897.301	1.639.747.730.069	-	149.679.789.979.345
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	27.746.186.109.678	1.123.181.111	37.213.810.590	(27.784.523.101.379)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	167.820.928.461.653	7.966.423.078.412	1.676.961.540.659	(27.784.523.101.379)	149.679.789.979.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	44.976.166.806.986	785.581.688.132	628.383.691.499	(9.386.154.043.217)	37.003.978.143.400
Thu nhập khác	791.808.510.874	4.029.020.878	857.043.173	(28.469.000)	796.666.105.925
Chi phí khác	(714.474.346.318)	(32.867.382.715)	(990.108.967)	-	(748.331.838.000)
Phần lãi trong công ty liên kết	(3.105.560)	4.465.302.865	-	3.105.560	4.465.302.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.679.933.606.708)	(50.291.071.876)	(125.081.668.583)	-	(2.855.306.347.167)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	42.861.929.677	7.497.797.454	4.872.233.344	264.251.603.800	319.483.564.275
Lợi nhuận thuần sau thuế	42.416.426.188.951	718.415.354.738	508.041.190.466	(9.121.927.802.857)	34.520.954.931.298
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021					
Tài sản của bộ phận	182.140.501.672.091	6.739.950.813.015	5.097.934.906.510	(15.741.965.033.367)	178.236.422.358.249
Tổng tài sản	182.140.501.672.091	6.739.950.813.015	5.097.934.906.510	(15.741.965.033.367)	178.236.422.358.249
Nợ phải trả của bộ phận	95.945.837.928.553	2.716.416.880.066	2.586.659.373.137	(13.793.117.334.946)	87.455.796.846.810
Tổng nợ phải trả	95.945.837.928.553	2.716.416.880.066	2.586.659.373.137	(13.793.117.334.946)	87.455.796.846.810

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021					
Chi tiêu vốn	11.027.958.527.854	564.376.985.019	35.476.427.767	(6.341.848.269)	11.621.470.092.371
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	5.494.898.151.540	566.063.167.113	66.262.923.958	(75.094.111.183)	6.052.130.131.428
Khấu hao tài sản cố định vô hình	14.939.190.675	644.333.131	81.222.371	(512.913.690)	15.151.832.487
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	23.262.371.403	7.538.249.435	-	(15.881.111.559)	14.919.509.279

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020						
Doanh thu thuần ra bên ngoài	76.334.474.996.918	10.552.656.907.339	2.504.998.384.841	726.373.137.619	-	90.118.503.426.717
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	42.544.569.455.245	1.284.031.840	153.719.133.088	70.106.130.158	(42.769.678.750.331)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	118.879.044.452.163	10.553.940.939.179	2.658.717.517.929	796.479.267.777	(42.769.678.750.331)	90.118.503.426.717
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	28.657.042.061.931	1.822.906.054.607	399.332.628.236	497.988.020.815	(16.086.929.588.361)	15.290.339.177.228
Thu nhập khác	644.294.025.919	4.676.396.177	3.427.810.867	4.180.309.411	(2.497.208.149)	654.081.334.225
Chi phí khác	(548.515.585.353)	(35.909.688.381)	(3.863.882.182)	(2.252.866.517)	1.123.670.917	(589.418.351.516)
Phần lãi trong công ty liên kết	-	1.964.631.764	-	-	-	1.964.631.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.515.190.441.976)	(123.438.628.112)	(86.027.103.992)	(59.911.669.786)	-	(1.784.567.843.866)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	1.292.727.824	6.675.417.414	4.053.235.681	(39.020.450.326)	(39.235.821.521)	(66.234.890.928)
Lợi nhuận thuần sau thuế	27.238.922.788.345	1.676.874.183.469	316.922.688.610	400.983.343.597	(16.127.538.947.114)	13.506.164.056.907
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020						
Tài sản của bộ phận	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Tổng tài sản	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Nợ phải trả của bộ phận	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726
Tổng nợ phải trả	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020						
Chi tiêu vốn	11.458.247.219.708	457.819.591.787	41.962.248.521	11.406.857.366	(53.790.362.334)	11.915.645.555.048
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	4.113.610.616.426	498.228.571.269	100.805.990.097	69.983.930.617	(42.748.467.800)	4.739.880.640.609
Khấu hao tài sản cố định vô hình	17.252.704.951	830.833.886	1.943.942.533	136.415.237	(12.212.230)	20.151.684.377
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	13.623.836.208	6.884.072.387	1.922.056.122	-	(729.190.280)	21.700.774.437

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	18.025.793.073	12.919.745.291
Tiền gửi ngân hàng	6.298.237.554.627	2.081.394.552.937
Tiền đang chuyển	36.318.810	-
Các khoản tương đương tiền	16.155.075.895.620	11.601.785.000.000
	22.471.375.562.130	13.696.099.298.228

6.1 Ngoại tệ bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	90.449.660	2.047.780.302.400	15.264.410	351.615.684.350
Đồng Euro ("EUR")	2.136	54.235.176	2.172	60.672.648
Đô la Úc ("AUD")	1.862.137	30.270.899.072	2.659.395	46.573.984.635
Nhân dân tệ ("CNY")	945	3.343.523	-	-
Đô la Singapore ("SGD")	5.674	94.113.276	-	-
		2.078.202.893.447		398.250.341.633

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2021			1/1/2021		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn						
• Tiền gửi có kỳ hạn (i)		18.236.152.616.078	18.236.152.616.078		8.126.992.675.380	8.126.992.675.380
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn						
• Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		-	(*)		150.000.000.000	(*)
• Trái phiếu (iii)	-	-	(*)	2.000	20.000.000.000	(*)
		-	(*)		170.000.000.000	(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 2,30% đến 7,80% (2020: từ 3,30% đến 7,40%) một năm.

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 115.000 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng L/C của Công ty TNHH Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát, một công ty con cấp 3 của Công ty (1/1/2021: 196.700 triệu VND).

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 7.934.622 triệu VND được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2021: 46.100 triệu VND).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Guangxi Pingxiang Futai Import & Export Trade Co., Ltd.	109.182.908.120	181.811.396.791
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	-	110.979.849.600
Pingxiang City Holly Import & Export Trade Co., Ltd.	119.503.943.780	110.888.776.594
Các nhà cung cấp khác	1.493.684.971.378	889.357.812.884
	1.722.371.823.278	1.303.037.835.829

9. PHẢI THU KHÁC

9.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi tiền gửi	339.306.417.657	198.851.101.719
Ký cược, ký quỹ	394.586.677.130	582.845.456.264
Thuế xuất khẩu nộp trước	168.319.816.181	55.934.698.294
Vật tư cho bên thứ ba mượn	6.057.510.914	819.522.227
Vật tư mang đi gia công	3.303.243.506	397.211.760
Phải thu khác	70.225.401.440	71.517.512.407
	981.799.066.828	910.365.502.671

9.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký cược, ký quỹ	690.130.186.939	208.726.314.243
Phải thu khác	703.391.750	431.994.388
	690.833.578.689	209.158.308.631

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.128.452.680.205	(416.901.609)	4.175.588.558.243	-
Nguyên vật liệu	19.939.178.885.669	(121.536.162.441)	11.876.280.307.410	(2.937.448.687)
Công cụ và dụng cụ	1.849.900.700.667	(4.818.123.110)	1.768.683.803.585	(1.330.489.342)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.043.096.589.398	(57.194.686.036)	2.355.242.940.255	(66.002.922.445)
Thành phẩm	10.037.870.269.495	(49.715.666.081)	5.509.190.782.455	(12.250.780.039)
Hàng hóa	1.127.956.910.057	(1.836.934.057)	496.154.920.463	(4.016.957.073)
Hàng gửi đi bán	243.556.370.053	-	192.219.514.377	-
	42.370.012.405.544	(235.518.473.334)	26.373.360.826.788	(86.538.597.586)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 2.755.653 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2021: 361.690 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 15.947.235 triệu VND (1/1/2021: 7.677.165 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan				
Australian Cattle Enterprises (NT) Pty. Ltd.	AUD	6,00%	5.034.078.000	5.418.486.000
Bên khác (*)				
Nguyễn Thị Tố Hoài (i)	VND	5,50%	112.804.791.280	89.463.752.800
Đối tượng khác (ii)	VND	5,50%	562.500.000	1.125.000.000
			118.401.369.280	96.007.238.800

(*) Khoản cho vay dài hạn này phản ánh khoản cho cá nhân vay nhằm mục đích đầu tư các hạng mục chuồng trại, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất theo yêu cầu của Tập đoàn. Theo đó, gốc và lãi vay sẽ được cấn trừ với tiền thuê trang trại trong suốt thời gian thuê. Sau khi kết thúc thời hạn thuê theo thỏa thuận, Tập đoàn cần bàn giao lại tài sản thuê sau khi các cá nhân đã trả đủ số tiền vay, lãi vay phát sinh.

(i) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ trại cho mảnh đất có diện tích 43 m2 tại Thôn La Tiến, Xã Nguyên Hòa, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	31.048.399.319.216	49.245.042.327.829	1.894.959.633.763
Tăng trong năm	7.855.752.704	282.202.563.415	324.230.233.241
Thanh lý công ty con	(539.581.451.366)	(419.623.330.511)	(52.968.233.956)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.792.685.751.143	5.792.851.272.029	1.519.615.194.191
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.128.883.436)	(829.256.478)	(285.252.415)
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	13.331.250.000	-	-
Thanh lý và xóa sổ	(21.487.044.961)	(153.371.040.871)	(23.450.178.358)
Phân loại lại	(306.488.331)	1.418.488.331	-
Biến động khác	(43.413.200)	(1.267.079.793)	(245.786.058)
Số dư cuối năm	32.284.724.791.769	54.746.423.943.951	3.661.855.610.408
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.472.712.209.812	12.866.683.330.898	685.911.128.704
Khấu hao trong năm	1.588.219.448.227	4.057.211.663.238	308.288.793.334
Thanh lý công ty con	(356.534.808.213)	(390.702.831.568)	(42.388.023.984)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.699.210.961)	(220.357.100)	(96.157.669)
Thanh lý và xóa sổ	(2.533.114.366)	(133.211.801.498)	(15.199.145.906)
Phân loại lại	(232.988.187)	224.347.759	34.945.805
Biến động khác	(5.298.153.217)	(551.823.692)	-
Số dư cuối năm	4.694.633.383.095	16.399.432.528.037	936.551.540.284
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	27.575.687.109.404	36.378.358.996.931	1.209.048.505.059
Số dư cuối năm	27.590.091.408.674	38.346.991.415.914	2.725.304.070.124

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 4.861.835 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 4.390.516 triệu VND).
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 47.698.391 triệu VND (1/1/2021: 55.980.946 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
153.443.837.440	266.270.582.463	8.485.397.267	82.616.601.097.978
36.345.647.679	-	671.560.000	651.305.757.039
(5.279.095.562)	-	-	(1.017.452.111.395)
7.546.466.827	5.892.036.978	-	9.118.590.721.168
-	-	-	(17.243.392.329)
-	-	-	13.331.250.000
(1.139.633.967)	(136.026.082.300)	(328.630.770)	(335.802.611.227)
-	-	(1.112.000.000)	-
(1.668.423.506)	-	-	(3.224.702.557)
189.248.798.911	136.136.537.141	7.716.326.497	91.026.106.008.677
88.058.794.400	192.340.852.352	3.074.904.269	17.308.781.220.435
33.267.316.557	30.903.466.539	1.264.924.297	6.019.155.612.192
(4.487.958.694)	-	-	(794.113.622.459)
-	-	-	(2.015.725.730)
(1.139.633.967)	(91.565.111.454)	(328.630.770)	(243.977.437.961)
-	-	(26.305.377)	-
-	-	-	(5.849.976.909)
115.698.518.296	131.679.207.437	3.984.892.419	22.281.980.069.568
65.385.043.040	73.929.730.111	5.410.492.998	65.307.819.877.543
73.550.280.615	4.457.329.704	3.731.434.078	68.744.125.939.109

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	261.519.239.336	75.279.529.415	6.196.510.427	342.995.279.178
Tăng trong năm	-	8.571.080.000	343.745.028.762	352.316.108.762
Thanh lý công ty con	(78.770.778.538)	(1.164.150.000)	-	(79.934.928.538)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.715.200.000	-	3.715.200.000
Xóa sổ	-	(770.000.000)	-	(770.000.000)
Số dư cuối năm	182.748.460.798	85.631.659.415	349.941.539.189	618.321.659.402
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	42.892.395.839	42.521.055.830	3.744.524.915	89.157.976.584
Khấu hao trong năm	2.323.227.090	12.658.525.473	170.079.924	15.151.832.487
Thanh lý công ty con	(20.769.844.564)	(1.164.150.000)	-	(21.933.994.564)
Xóa sổ	-	(770.000.000)	-	(770.000.000)
Số dư cuối năm	24.445.778.365	53.245.431.303	3.914.604.839	81.605.814.507
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	218.626.843.497	32.758.473.585	2.451.985.512	253.837.302.594
Số dư cuối năm	158.302.682.433	32.386.228.112	346.026.934.350	536.715.844.895

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 33.679 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 15.826 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 48.354 triệu VND (1/1/2021: 87.757 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	626.229.143.791	55.702.700.965	681.931.844.756
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.888.300.558	-	16.888.300.558
Số dư cuối năm	643.117.444.349	55.702.700.965	698.820.145.314
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	117.634.870.955	-	117.634.870.955
Khấu hao trong năm	32.974.519.236	-	32.974.519.236
Số dư cuối năm	150.609.390.191	-	150.609.390.191
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	508.594.272.836	55.702.700.965	564.296.973.801
Số dư cuối năm	492.508.054.158	55.702.700.965	548.210.755.123

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn và các công ty con bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam; Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

- Quyền sử dụng đất và diện tích cho thuê thương mại thuộc Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 1 tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 2 tại 493 Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và khu Chung cư tại 70 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng cho thuê tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu Đô thị và Khu Công nghiệp tại Hưng Yên	1.396.364.488.017	913.306.321.947
Các dự án khác	13.049.559.088	5.164.409.999
	1.409.414.047.105	918.470.731.946

16. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	5.328.742.775.048	36.685.174.068.291
Tăng trong năm	12.251.686.124.554	7.031.499.613.678
Lãi vay vốn hóa trong năm	46.425.435.938	527.071.296.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.118.590.721.168)	(38.618.068.918.610)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.715.200.000)	(2.305.493.215)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(16.888.300.558)	(9.847.253.038)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(146.789.239.046)	(247.972.063.577)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(49.928.909.135)	(36.810.573.249)
Thanh lý công ty con	(27.841.423.494)	-
Biến động khác	26.184.808.469	2.098.199
Số dư cuối năm	8.289.285.350.608	5.328.742.775.048

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	7.202.433.561.139	3.487.288.552.867
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	371.576.201.031	1.327.612.767.875
Dự án Nông nghiệp	257.309.221.899	249.453.653.883
Dự án Nhà máy Tôn mạ màu	4.850.883.337	9.838.075.445
Dự án mở rộng Nhà máy Ống thép	187.646.206.964	5.107.652.238
Các dự án khác	265.469.276.238	249.442.072.740
	8.289.285.350.608	5.328.742.775.048

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 1.241.824 triệu VND (1/1/2021: 2.422.965 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	57.049.396.049	55.169.511.816
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	40.021.578.255	13.672.648.361
Chi phí khác	199.626.374.046	72.555.886.622
	296.697.348.350	141.398.046.799

17.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	133.368.836.133	187.668.766.424	776.613.596.768	302.326.105.504	81.779.372.759	164.337.840.876	1.646.094.518.464
Tăng trong năm	117.938.792.132	799.439.227.244	921.855.549.265	8.642.172.423	8.594.399.791	16.788.264.568	1.873.258.405.423
Giảm do thanh lý công ty con	-		(63.013.934.804)	-	-	-	(63.013.934.804)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	24.962.470.072	27.489.466.074	39.137.887.303	22.761.466.988	-	32.437.948.609	146.789.239.046
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(13.331.250.000)	-	-	-	(13.331.250.000)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	-	15.227.666.599	15.227.666.599
Phân bổ trong năm	(109.916.393.247)	(139.190.486.129)	(14.919.509.279)	(11.426.803.088)	(36.207.857.131)	(113.508.936.755)	(425.169.985.629)
Biến động khác	2.130.056	(8.019.693.933)	-	-	(457.520.350)	2.613.334	(8.472.470.893)
Số dư cuối năm	166.355.835.146	867.387.279.680	1.646.342.339.253	322.302.941.827	53.708.395.069	115.285.397.231	3.171.382.188.206

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 33.499 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2021: 45.171 triệu VND).

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí phải trả	40.762.252.184	35.663.686.775
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn	488.875.055.211	172.947.080.907
Khấu hao loại trừ khỏi chi phí tính thuế	-	9.436.260.938
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác	(281.576.747)	7.506.279.404
	529.355.730.648	225.553.308.024

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch VND	Công ty CP Xây dựng Long Việt VND	Tổng cộng VND
Giá gốc			
Số dư đầu năm và cuối năm	195.950.665	59.880.000.000	60.075.950.665
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	-	16.966.000.000	16.966.000.000
Phân bổ trong năm	-	5.988.000.000	5.988.000.000
Số dư cuối năm	-	22.954.000.000	22.954.000.000
Giá trị ghi sổ			
Số dư đầu năm	195.950.665	42.914.000.000	43.109.950.665
Số dư cuối năm	195.950.665	36.926.000.000	37.121.950.665

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp	-	219.854.708.867
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	-	194.924.947.088
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	160.737.475.800	129.369.625.000
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	112.805.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	89.320.000.000	-
Các khách hàng khác	425.140.127.334	713.123.484.168
	788.002.603.134	1.257.272.765.123

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	1/1/2021		
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ trong kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	907.013.153	46.089.988.666	9.090.103.627.801
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	267.859.720	47.938.972.987
Thuế xuất nhập khẩu	464.061.729	-	444.333.041.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.900.145.200	489.301.541.892	2.855.306.347.167
Thuế nhà thầu	-	7.101.569.591	135.359.506.516
Thuế thu nhập cá nhân	91.404.768	1.970.355.994	133.626.254.714
Thuế tài nguyên	1.966.737.296	2.823.353.466	99.012.076.966
Tiền thuê đất	479.878.056	-	12.844.098.086
Các loại thuế khác	7.561.798	1.024.592.124	132.725.849.568
	13.816.802.000	548.579.261.453	12.951.249.775.453

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			31/12/2021	
Số đã nộp trong kỳ VND	Biến động khác VND	Bán công ty con VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
(8.974.331.791.559)	(6.027.530.677)	(8.620.873.921)	904.351.907	147.210.759.064
(47.753.787.634)	-	-	-	453.045.073
(443.968.977.959)	1.225.778	-	482.959.432	384.187.170
(2.743.083.962.430)	9.185.951.398	(12.936.131.724)	13.940.385.310	601.813.986.413
(122.131.115.727)	-	-	3.000.000	20.332.960.380
(114.892.916.337)	(11.859.775)	(77.687.103)	19.988.250	20.542.730.975
(98.444.996.271)	-	(409.200)	1.956.526.626	3.379.814.291
(12.805.729.068)	-	-	452.862.462	11.353.424
(131.857.316.443)	-	(1.227.600)	9.068.480	1.893.404.331
(12.689.270.593.428)	3.147.786.724	(21.636.329.548)	17.769.142.467	796.022.241.121

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

22.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	181.989.777.531	239.100.118.793
Tiền điện	30.478.358.863	55.903.336.843
Chi phí khuyến mại	79.409.516.211	74.706.969.823
Chi phí phải trả cho nhà thầu	45.725.293.340	246.297.733.548
Phí vận chuyển	46.854.451.971	9.606.306.522
Lương và thưởng	2.543.655.503	3.452.366.915
Chi phí phải trả khác	385.614.069.933	11.062.851.738
	772.615.123.352	640.129.684.182

22.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	374.407.940.262	193.664.493.846
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	36.000.000.000	30.000.000.000
	410.407.940.262	223.664.493.846

23. PHẢI TRẢ KHÁC

23.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chiết khấu thương mại	150.245.690	32.985.349.083
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	62.206.016.627	48.686.819.279
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng	861.674.580.250	179.691.524.000
Tài sản thừa chờ xử lý	1.324.190.958	1.197.112.178
Cổ tức phải trả	19.079.614.518	12.377.200.123
Các khoản phải trả khác	102.723.860.036	53.123.395.688
	1.047.158.508.079	328.061.400.351

23.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Quỹ bảo trì căn hộ	34.943.752.025	41.989.925.396
Các khoản phải trả khác	28.083.309.216	26.746.160.774
	63.027.061.241	68.736.086.170

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. VAY

24.1 Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	31.553.932.128.138	31.553.932.128.138	122.611.538.943.578	(116.618.462.681.760)	37.547.008.389.956	37.547.008.389.956
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24.2)	5.244.533.543.966	5.244.533.543.966	6.274.443.388.347	(5.318.342.239.913)	6.200.634.692.400	6.200.634.692.400
	36.798.465.672.104	36.798.465.672.104	128.885.982.331.925	(121.936.804.921.673)	43.747.643.082.356	43.747.643.082.356

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 17.703.354 triệu VND và 19.843.654 triệu VND (1/1/2021: 24.396.515 triệu VND và 7.157.417 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 12.998.171 triệu VND và 6.357.022 triệu VND (1/1/2021: 20.131.841 triệu VND và 2.364.426 triệu VND) được bảo đảm bằng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 12 và 13), xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn và các tài sản hình thành trong tương lai từ một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 16), chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 17.2), quyền phải thu và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("cổ phiếu HPG") thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (bên liên quan).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 2,40% đến 6,50% (2020: từ 1,80% đến 9,10%) một năm. Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 1,2% đến 2,3% (2020: từ 1,59% đến 3,6%) một năm.

24.2 Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	19.665.566.691.100	22.587.781.095.478
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24.1)	(6.200.634.692.400)	(5.244.533.543.966)
Hoàn trả sau 12 tháng	13.464.931.998.700	17.343.247.551.512

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	2025	7.364.401.952.435	8.732.028.283.135
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (i)	VND	2025	6.823.526.045.304	8.340.698.246.111
Ngân hàng BNP Parisbas (ii)	USD	2023	2.820.923.077.452	4.285.846.153.954
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iv)	VND	2024	503.751.341.402	639.378.589.648
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	VND	2022	199.425.310.263	466.886.822.630
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	-	99.201.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2025	14.130.000.000	18.142.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (v)	VND	2025	267.584.670.366	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	2022	-	5.600.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (i)	VND	2024	80.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (i)	VND	2025	617.768.311.677	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội (i)	VND	2026	610.308.137.551	-
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Techcombank (i)	VND	2023	13.747.844.650	-
Ngân hàng TNHH MTV Wooribank Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	2024	350.000.000.000	-
			19.665.566.691.100	22.587.781.095.478

(i) Các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 12 và 13) và xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 16).

(ii) Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm Tài khoản thanh toán nợ mở tại ngân hàng quản lý tài khoản là Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội và bảo lãnh của hai công ty trong Tập đoàn.

(iii) Khoản vay dài hạn này được bảo lãnh bởi một Công ty trong Tập đoàn.

(iv) Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất cốc 3 và máy móc thiết bị dây chuyền điện giai đoạn 5 của Công ty Cổ phần thép Hải Dương với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 830.729 triệu VND (1/1/2021: máy móc thiết bị dây chuyền chính cốc 3 và máy móc thiết bị dây chuyền điện giai đoạn 5 trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang).

(v) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất số: VN121008190-001/HĐTCTS bao gồm: Công trình xây dựng tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 00, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI073645 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 27/04/2007) và Công trình xây dựng tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC188593 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/04/2016). Giá trị tài sản thế chấp được các bên đồng ý là 83.005 triệu VND.

Các khoản vay dài hạn còn lại không được đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn bằng VND chịu lãi suất từ 2,60% đến 8,40% (2020: 2,60% đến 9,50%) một năm. Khoản vay dài hạn bằng USD chịu lãi suất LIBOR + 2,05% một năm (2020: LIBOR + 2,05% một năm).

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. DỰ PHÒNG

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	20.633.351.453	11.214.115.913	31.847.467.366
Dự phòng lập trong năm	2.511.916.178	23.922.924.488	26.434.840.666
Dự phòng sử dụng trong năm	(15.997.537)	-	(15.997.537)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.199.822.403)	-	(4.199.822.403)
Số dư cuối năm	18.929.447.691	35.137.040.401	54.066.488.092
Ngắn hạn	4.755.735.476	-	4.755.735.476
Dài hạn	14.173.712.215	35.137.040.401	49.310.752.616

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.133.445.419.487	806.604.376.402
Trích lập trong năm	1.248.866.057.413	657.002.019.790
Sử dụng trong năm	(611.355.535.679)	(330.160.976.705)
Thanh lý công ty con	(30.388.844.506)	-
Số dư cuối năm	1.740.567.096.715	1.133.445.419.487

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	565.534.994	923.641.612.156	15.876.913.750.948	163.213.679.327	47.786.636.143.695
Góp vốn	-	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	13.450.300.052.812	55.864.004.095	13.506.164.056.907
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.522.085.440.000	-	-	-	(5.522.085.440.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(1.380.537.057.500)	-	(1.380.537.057.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(656.005.712.957)	(996.306.833)	(657.002.019.790)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.000.000.000	(3.636.000.000)	(1.364.000.000)	-
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(43.091.147.177)	(43.091.147.177)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	5.002.834.078	-	-	-	5.002.834.078
Biến động khác	-	-	-	-	27.493.039.982	(27.579.544.084)	(86.504.102)
Số dư tại ngày 31/12/2020	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	5.568.369.072	928.641.612.156	21.792.442.633.285	148.746.685.328	59.219.786.306.111

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	5.568.369.072	928.641.612.156	21.792.442.633.285	148.746.685.328	59.219.786.306.111
Góp vốn	-	-	-	-	-	10.630.000.000	10.630.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.478.143.197.460	42.811.733.838	34.520.954.931.298
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 29)	11.596.400.470.000	-	-	-	(11.596.400.470.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(1.656.641.329.500)	-	(1.656.641.329.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.247.766.885.013)	(1.099.172.400)	(1.248.866.057.413)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.000.000.000	(3.636.000.000)	(1.364.000.000)	-
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(43.147.732.864)	(43.147.732.864)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	(7.494.329.924)	-	-	-	(7.494.329.924)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(1.681.609.544)	(1.681.609.544)
	-	-	-	(10.092.308.034)	(2.715.175.320)	(107.183.371)	(12.914.666.725)
Số dư tại ngày 31/12/2021	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	(1.925.960.852)	923.549.304.122	41.763.425.970.912	154.788.720.987	90.780.625.511.439

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	3.313.282.659	33.132.826.590.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	11.596.400.470.000	552.208.544	5.522.085.440.000
Số dư cuối năm	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

29. CỔ TỨC

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

30.1 Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	55.287.258.993.990	454.527.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	15.889.050.872.609	484.020.206.913
	71.176.309.866.599	938.547.206.913

30.2 Cam kết hợp đồng thuê

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	241.583.367.687	36.794.422.430
Trong vòng hai đến năm năm	815.528.108.477	140.754.028.638
Sau năm năm	217.973.178.396	182.935.303.458
	1.275.084.654.560	360.483.754.526

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	149.550.845.147.961	90.003.588.760.001
• Cung cấp dịch vụ	405.022.678.003	636.863.788.632
• Doanh thu cho thuê lại đất thuê	828.849.613.625	411.557.012.405
• Cho thuê bất động sản đầu tư	68.963.681.744	62.562.330.568
• Doanh thu bán bất động sản	10.461.623.597	86.259.390.420
• Doanh thu khác	1.217.222.270	78.210.489.800
	150.865.359.967.200	91.279.041.771.826
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(1.128.759.484.800)	(1.125.473.685.738)
• Giảm giá hàng bán	(2.633.787.116)	(2.612.959.380)
• Hàng bán bị trả lại	(54.176.715.939)	(32.451.699.991)
	(1.185.569.987.855)	(1.160.538.345.109)
	149.679.789.979.345	90.118.503.426.717

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2021 VND	2020 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	107.762.174.428.029	70.389.153.770.946
Dịch vụ đã cung ứng	244.734.893.391	453.867.941.195
Giá vốn cho thuê lại đất thuê	359.788.513.664	186.475.713.381
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	43.568.788.153	38.965.286.886
Giá vốn của bất động sản đã bán	6.011.447.368	51.373.174.594
Giá vốn khác	932.500.000	76.822.820.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	154.169.875.748	17.794.815.421
	108.571.380.446.353	71.214.453.522.563

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	1.194.370.878.477	519.078.206.990
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.259.713.002.137	483.165.239.031
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.626.960.525	490.877.510
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.508.449.795	2.055.442.739
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	504.221.349.254	-
	3.071.440.640.188	1.004.789.766.270

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí đi vay	2.525.823.258.237	2.191.680.923.417
Chiết khấu thanh toán	-	10.304.712.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	992.505.816.602	493.877.084.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	88.565.791.942	52.569.748.282
Chi phí tài chính khác	124.647.391.092	88.973.961.929
	3.731.542.257.873	2.837.406.430.588

35. CHÍ PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	121.782.917.386	123.280.301.787
Chi phí khấu hao	28.027.285.866	25.143.534.805
Chi phí bảo hành	15.616.398.467	10.019.591.607
Chi phí vận chuyển	159.054.938.974	410.059.716.412
Chi phí quảng cáo	57.786.593.049	119.029.659.675
Chi phí khuyến mại	3.184.969.884	-
Chi phí xuất khẩu	1.430.561.778.794	246.620.482.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	304.053.340.808	156.642.271.841
	2.120.068.223.228	1.090.795.558.423

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	5.988.000.000	18.075.220.852
Chi phí nhân viên	445.223.263.481	256.505.319.341
Chi phí khấu hao	82.560.915.012	74.627.935.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	790.489.370.186	341.090.028.634
	1.324.261.548.679	690.298.504.185

37. THU NHẬP KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	3.231.976.849	3.893.297.009
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	565.649.257.613	533.513.067.644
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	64.804.862.273	51.552.815.560
Thu nhập khác	162.980.009.190	65.122.154.012
	796.666.105.925	654.081.334.225

38. CHI PHÍ KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	45.206.911.464	34.376.441.173
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	565.703.833.458	533.638.326.246
Chi phí khác	137.421.093.078	21.403.584.097
	748.331.838.000	589.418.351.516

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và mua hàng hóa để bán lại	92.299.082.082.245	56.143.613.676.276
Chi phí nhân viên	3.614.414.404.721	2.952.413.913.069
Chi phí khấu hao	6.076.516.295.417	4.775.781.721.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.779.494.682.520	7.067.823.287.366
Chi phí khác	4.145.874.734.810	3.481.870.199.104

40. THUẾ THU NHẬP

40.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		
Năm hiện hành	2.853.588.302.885	1.781.203.698.254
Thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	1.718.044.282	3.364.145.612
	2.855.306.347.167	1.784.567.843.866
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(319.483.564.275)	66.234.890.928
Chi phí thuế TNDN	2.535.822.782.892	1.850.802.734.794

40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.056.777.714.190	15.356.966.791.701
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	366.366.941.960	86.326.338.539
Phân bổ lợi thế thương mại	5.988.000.000	18.075.220.852
Hoàn nhập dự phòng	(10.459.361.152)	(99.583.404.242)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.593.009.528	14.072.284
Hoàn nhập phần trích trước giá vốn của bất động sản đã bán	-	(41.034.357.556)
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời khác	247.457.571.330	(95.169.619.065)
Lãi được chia từ các công ty liên kết	(4.465.302.865)	(1.964.631.764)
Thu nhập được miễn thuế	(1.523.166.771)	-
Lỗ tính thuế năm hiện hành từ các công ty con	69.409.553.460	-
	37.740.144.959.680	15.223.630.410.749
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.229.162.534)	(144.111.796.097)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	37.738.915.797.146	15.079.518.614.652
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất của Công ty	7.547.783.159.429	3.015.903.722.930
Ưu đãi thuế của các công ty con	(4.692.083.776.183)	(1.217.379.384.501)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(3.948.948.464)	(12.803.067.107)
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 116/2020/QH14	(3.603.773.229)	(8.385.735.926)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con và tài sản thuế hoãn lại khác chưa được ghi nhận	5.959.614.572	3.150.009.022
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(319.483.564.275)	66.234.890.928
Thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	1.718.044.282	3.364.145.612
Biến động khác	(517.973.240)	718.153.836
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.535.822.782.892	1.850.802.734.794

40.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

41.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021 (Số cổ phiếu)	2020 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	3.313.282.659	2.761.074.115
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	1.711.848.591
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	4.472.922.706	4.472.922.706

41.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	34.478.143.197.460	13.450.300.052.812
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.423.642.076.471)	(1.247.766.885.013)
	32.054.501.120.989	12.202.533.167.799
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	4.472.922.706	4.472.922.706
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.166	2.728

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định chính xác số lợi nhuận thuần hợp nhất năm 2021 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tập đoàn đã ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 là 942.866 triệu VND.

41.3 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 29) và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	3.313.282.659	3.846
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	(839)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(279)
Số điều chỉnh lại	4.472.922.706	2.728

42. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

42.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

42.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	22.453.350	13.683.180
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn	(b)	18.236.153	8.296.993
Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn và dài hạn khác	(c)	5.662.048	4.363.749
		46.351.551	26.343.922

(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn và phải thu ngắn và dài hạn khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Chưa quá hạn	5.494.358	4.200.992
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	131.376	89.666
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	1.244	29.507
Quá hạn trên 180 ngày	35.070	43.584
	5.662.048	4.363.749

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	39.336.197.606	37.145.790.132
Tăng dự phòng trong năm	2.669.680.910	2.957.664.650
Hoàn nhập và sử dụng trong năm	(2.598.060.557)	(767.257.176)
Thanh lý công ty con	(132.649.797)	-
	39.275.168.162	39.336.197.606

42.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Phải trả người bán và phải trả khác	24.651.779	24.651.779	24.623.696	28.083	-
Các khoản vay	57.212.575	61.257.046	46.665.278	7.783.304	6.808.464
	81.864.354	85.908.825	71.288.974	7.811.387	6.808.464
Ngày 1 tháng 1 năm 2021					
Phải trả người bán và phải trả khác	14.319.102	14.319.102	11.654.368	2.664.734	-
Các khoản vay	54.141.713	61.206.131	41.823.469	7.133.906	12.248.756
	68.460.815	75.525.233	53.477.837	9.798.640	12.248.756

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

42.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2021

	USD	EUR	AUD	CNY	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.449.660	2.136	1.862.137	945	5.674
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31.599.905	-	-	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	300.000	-	-
Phải trả người bán	(732.123.076)	(16.817.127)	-	-	-
Vay ngắn hạn	(927.307.186)	-	-	-	-
Vay dài hạn	(61.538.462)	-	-	-	-
	(1.598.919.159)	(16.814.991)	2.162.137	945	5.674

1/1/2020

	USD	EUR	AUD
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.264.410	2.172	2.659.395
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.881.352	-	65.238
Phải thu dài hạn khác	-	-	23.918
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	300.000
Phải trả người bán	(350.339.542)	(21.323.019)	-
Vay ngắn hạn	(308.310.002)	-	-
Vay dài hạn	(184.615.385)	-	-
	(795.119.167)	(21.320.847)	3.048.551

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2021	1/1/2021
Tỷ giá mua USD/VND	22.640	23.035
Tỷ giá bán USD/VND	22.920	23.215
Tỷ giá mua EUR/VND	25.391	27.934
Tỷ giá bán EUR/VND	26.546	29.065
Tỷ giá mua AUD/VND	16.256	17.513
Tỷ giá bán AUD/VND	16.780	18.062
Tỷ giá mua CNY/VND	3.538	3.496
Tỷ giá bán CNY/VND	3.653	3.606
Tỷ giá mua SGD/VND	16.587	17.204
Tỷ giá bán SGD/VND	17.122	17.743

(b) Rủi ro lãi suất

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	34.533.152	19.974.785
Nợ phải trả tài chính	(54.391.652)	(49.855.867)
	(19.858.500)	(29.881.082)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	-	20.000
Nợ phải trả tài chính	(2.820.923)	(4.285.846)
	(2.820.923)	(4.265.846)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 22.567 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Tập đoàn (2020: 34.127 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

42.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	18.236.153	18.236.153	8.126.993	8.126.993
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	(*)	170.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	22.471.376	22.471.376	13.696.099	13.696.099
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác	5.542.943	5.542.943	4.267.310	4.267.310
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	119.105	(*)	96.439	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	700	(*)	700	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	(24.623.696)	(24.623.696)	(11.654.368)	(11.654.368)
- Phải trả người bán dài hạn, chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(28.083)	(*)	(2.664.734)	(*)
- Các khoản vay	(57.212.575)	(*)	(54.141.713)	(*)
	(35.494.077)		(42.103.274)	

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(c) Phòng ngừa rủi ro

Tập đoàn áp dụng chính sách đảm bảo một tỷ lệ số dư chịu sự biến động lãi suất của các khoản vay được duy trì với lãi suất cố định. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất, đã được ký kết nhằm đạt được một cơ cấu phù hợp bao gồm các khoản chịu lãi suất cố định và lãi suất thả nổi theo chính sách của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các hợp đồng hoán đổi lãi suất với giá trị khoản vay liên quan là 2.820.923 triệu VND (1/1/2021: 4.285.846 triệu VND). Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

43. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	117.810.000.000	25.240.000.000
Thành viên của Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	3.890.000.000	2.320.000.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	1.753.916.438	842.438.612

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	5.522.085.440.000

45. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Trần Xuân Mai	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng
Kế toán tổng hợp	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc